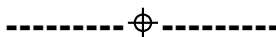


TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

TÊN ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN
MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN AACS**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thanh Bình
Lớp : Kiểm toán K41
Mã số sinh viên : 4154040072
Giảng viên hướng dẫn : PGS.TS Nguyễn Ngọc Tiên

Bình Định, tháng 02 năm 2022

LỜI CẢM ƠN

Khoá luận tốt nghiệp này một phần phản ánh quá trình học tập của em tại khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn để có thể hoàn thành đề tài “Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định” tại Công ty TNHH Kiểm toán AACCS. Để hoàn thành được bài khoá luận này, ngoài sự cố gắng của em, thì em còn nhận được rất nhiều sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình của Ban Giám hiệu nhà trường, quý thầy cô, cơ quan thực tập. Em xin chân thành cảm ơn đến:

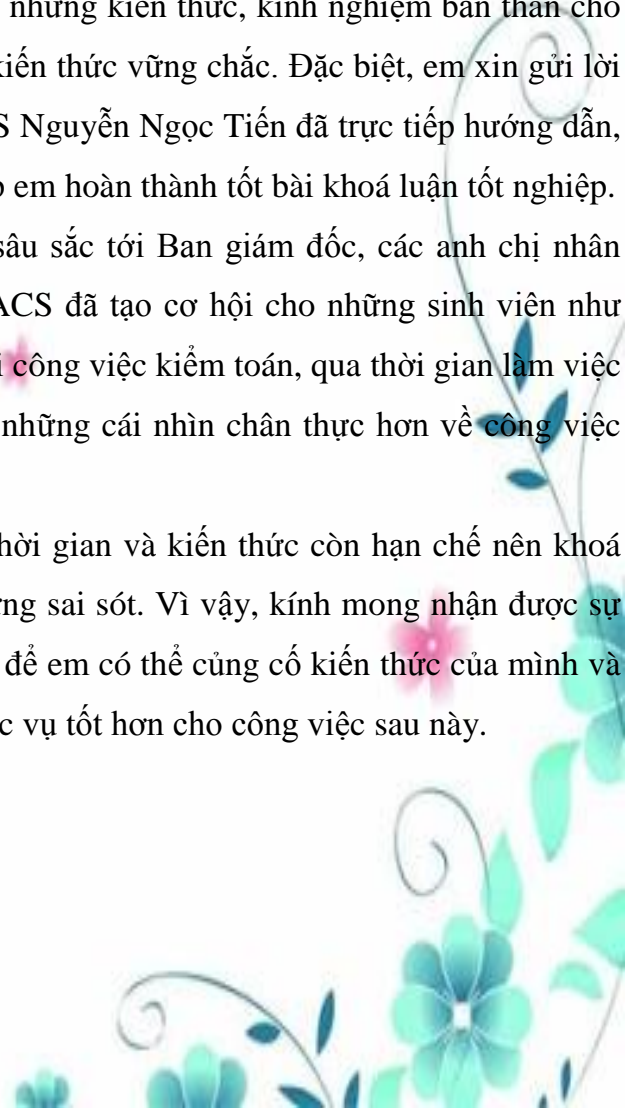
Ban Giám hiệu nhà trường, các phòng, các đoàn thể Trường Đại học Quy Nhơn đã tạo điều kiện cho em có cơ hội thực tập, được làm việc thực tế tại Công ty để giúp em học tập và có cái nhìn cụ thể hơn về công việc thực tế từ đó có được những kinh nghiệm vô cùng quý giá khi ra trường.

Quý thầy cô giáo Trường Đại học Quy Nhơn nói chung và các thầy cô trong khoa Kinh tế & Kế toán nói riêng đã truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm bản thân cho các sinh viên, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến giảng viên PGS.TS Nguyễn Ngọc Tiến đã trực tiếp hướng dẫn, quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ hết mình và giúp em hoàn thành tốt bài khoá luận tốt nghiệp.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ban giám đốc, các anh chị nhân viên trong Công ty TNHH Kiểm toán AACCS đã tạo cơ hội cho những sinh viên như chúng em được trải nghiệm thực tế đối với công việc kiểm toán, qua thời gian làm việc tại công ty giúp nhóm sinh viên có thêm những cái nhìn chân thực hơn về công việc kiểm toán.

Trong thời gian làm khoá luận, do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên khoá luận tốt nghiệp này có thể còn tồn tại những sai sót. Vì vậy, kính mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý và chỉ dẫn của quý thầy cô để em có thể củng cố kiến thức của mình và rút ra được những kinh nghiệm bổ ích phục vụ tốt hơn cho công việc sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp “*Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS*” là luận văn tốt nghiệp của cá nhân em, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Nguyễn Ngọc Tiến. Những số liệu và kết quả nghiên cứu là trung thực, hoàn toàn được thực hiện tại Phòng kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AACS, không sao chép bất kỳ nguồn nào khác.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Bình Định, ngày 26 tháng 05 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thanh Bình

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Thanh Bình

Lớp: Kiểm toán K41

Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS.

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:
2. Nội dung của đề tài:
 - Cơ sở lý thuyết:
 - Cơ sở số liệu:
 - Phương pháp giải quyết các vấn đề:
3. Hình thức của đề tài:
 - Hình thức trình bày :
 - Kết cấu của đề tài:.....
4. Những nhận xét khác :

II. Đánh giá cho điểm :

- Tiến trình làm đề tài :
- Nội dung đề tài :
- Hình thức đề tài :

- Tổng cộng:**

Bình Định, Ngày 02 tháng 06 năm 2022

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Ngọc Tiên

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Thanh Bình

Lớp: Kiểm toán K41

Khóa: K41

Tên đề tài : Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACCS.

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :
- Kết cấu của đề tài:

3. Những nhận xét khác :

.....

.....

II. Đánh giá cho điểm :

- Nội dung đề tài :

- Hình thức đề tài :

Tổng cộng:

Bình Định, Ngày 02 tháng 06 năm 2022

Giảng viên vấn đáp/phản biện

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Kết cấu của đề tài	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm của khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định.....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của khoản mục tài sản cố định	5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định	9
1.2. Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định và giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định.....	15
1.2.1. Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định	15
1.2.2. Mục tiêu kiểm toán giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định	16
1.3. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định.....	17
1.3.1. Các yêu cầu kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định.....	17
1.3.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định	19
1.3.3. Các thủ tục kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định của tài sản cố định.....	21
1.4. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định	25

1.4.1. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính.....	25
1.4.2. Quy trình kiểm toán đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định	27
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS ĐỐI VỚI CÔNG TY ABC	34
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Kiểm toán AACS	34
2.1.1. Quá trình, lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS.....	34
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Kiểm toán AACS	36
2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán AACS	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty TNHH Kiểm toán AACS	40
2.1.5. Quy trình kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AACS.....	43
2.2. Khái quát chung về Công ty ABC	55
2.2.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty ABC	55
2.2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.....	56
2.2.3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	56
2.2.4. Các chính sách kế toán áp dụng.....	57
2.3. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS đối với Công ty ABC.....	58
2.3.1. Lập kế hoạch kiểm toán.....	58
2.3.2. Thực hiện kiểm toán	61
2.3.3. Kết thúc kiểm toán	65
2.4. Nhận xét về quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS.....	66
2.4.1. Ưu điểm	66
2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	69
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	73
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS.....	74

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS và quan điểm hoàn thiện	74
3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS.....	74
3.1.2. Quan điểm hoàn thiện.....	75
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS	76
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn chuẩn bị kiểm toán khoản mục tài sản cố định	76
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định	81
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn kết thúc kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao.....	85
3.2.4. Giải pháp hoàn thiện khác	86
3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp.....	87
3.3.1. Về phía Bộ Tài chính	87
3.3.2. Về phía Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam.....	88
3.3.3. Về phía Công ty TNHH Kiểm toán AACS	89
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	90
KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD/BQT	Ban Giám đốc/Ban Quản trị
CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
GTCL TSCĐ	Giá trị còn lại của Tài sản cố định
KH	Khấu hao
KH TB	Khấu hao trung bình
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TT - BTC	Thông tư – Bộ Tài chính
VACPA	Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam
VSQC	Kiểm soát chất lượng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định	16
Bảng 1.2: Mục tiêu kiểm toán chi phí khấu hao tài sản cố định	17
Bảng 1.3: Tổng hợp các thử nghiệm kiểm tra chi tiết đối với tài sản cố định	30
Bảng 1.4: Tổng hợp các thử nghiệm kiểm tra chi tiết đối với chi phí khấu hao.....	31
Bảng 2.1: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019 - 2021 của Công ty	37
Bảng 2.2: Bảng xác định mức trọng yếu.....	61
Bảng 2.3: Tổng hợp các thử nghiệm của thủ tục chung.....	62
Bảng 2.4: Tổng hợp chi tiết các thử nghiệm cơ bản	63
Bảng 3.1: Bảng câu hỏi bổ sung đánh giá kiểm soát nội bộ về tài sản cố định	76
Bảng 3.2: Bảng câu hỏi mở rộng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty ABC	79
Bảng 3.3: Phân tích tỷ trọng từng loại tài sản cố định hữu hình của Công ty ABC năm 2021	81
Bảng 3.4: Phân tích hiệu suất sử dụng của tài sản cố định tại Công ty ABC năm 2021	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Mô tả chu trình mua bán tài sản cố định chung trong các đơn vị.....	23
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty TNHH Kiểm toán AACS.....	41

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với công cuộc hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước, hoạt động kiểm toán ở Việt Nam, đặc biệt là kiểm toán Báo cáo tài chính ngày càng khẳng định vai trò tích cực của mình trong công tác quản lý nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Bởi lẽ, từ việc dựa trên ý kiến của các kiểm toán viên, những người quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư hay thậm chí là các ngân hàng cũng như người cho vay sẽ có những đánh giá khách quan hơn về đơn vị để từ đó có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp.

Kiểm toán báo cáo tài chính là việc kiểm toán để kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như việc báo cáo tài chính có được trình bày phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán được thừa nhận hay không. Thước đo để đánh giá hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính là hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán. Vậy, đối tượng của hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính là gì? Đó chính là báo cáo tài chính, bao gồm: bảng cân đối kế toán hoặc báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính giữ vai trò rất quan trọng trong doanh nghiệp và được xem như là một bức tranh tài chính phản ánh toàn cảnh, toàn bộ các hoạt động của đơn vị, do đó yêu cầu về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính là thực sự hết sức cần thiết. Đặc biệt, khi Việt Nam là một thành viên của WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới) thì việc công bố và minh bạch tình hình tài chính gần như bắt buộc đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Điều này thúc đẩy hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính ngày càng phát triển, thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả và đạt chất lượng cao, đặc biệt là kiểm toán những khoản mục chiếm tỷ trọng lớn (trọng yếu) trên báo cáo tài chính. Và một trong những khoản mục không thể bỏ qua đó là tài sản cố định.

Tài sản cố định là khoản mục quan trọng, chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định thường mang giá trị lớn, nên kiểm toán khoản mục tài sản cố định luôn là công việc phức tạp và quan trọng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Vì vậy, cho dù tiếp cận kiểm toán dựa trên hệ thống hay tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro, kiểm toán viên cũng phải thận trọng khi thực hiện kiểm toán khoản mục này. Tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá

trị tài sản của đơn vị và tùy thuộc vào từng ngành nghề, từng loại hình kinh doanh của đơn vị. Vì thế, trong mọi trường hợp khoản mục tài sản cố định phản ánh tình trạng trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. Điều này khiến cho khoản mục tài sản cố định trở thành một khoản mục quan trọng khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính. Mặt khác, do chi phí hình thành tài sản cố định rất lớn và khả năng quay vòng vốn chậm nên việc kiểm toán khoản mục tài sản cố định sẽ giúp cho kiểm toán viên đánh giá được tính kinh tế và tính hiệu quả của việc đầu tư cho tài sản cố định, từ đó đưa ra được định hướng đầu tư và nguồn sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định một cách hiệu quả nhất. Việc kiểm toán khoản mục tài sản cố định sẽ góp phần phát hiện ra các sai sót trong việc xác định chi phí cấu thành nguyên giá tài sản cố định, chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao tài sản. Những sai sót trong việc tính chi phí này thường dẫn đến những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính. Chẳng hạn như việc trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí thường bị trích cao hơn (hoặc thấp hơn) thực tế, từ đó ảnh hưởng đến chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp. Việc không phân biệt loại chi phí sửa chữa được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định với chi phí sửa chữa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cũng dẫn đến những sai lệch trong khoản mục tài sản cố định và khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh. Các khoản đầu tư cho tài sản cố định vô hình như quyền sử dụng đất, giá trị bằng phát minh sáng chế, chi phí nghiên cứu khoa học thường có nhiều sai sót, gian lận và rất khó tập hợp chi phí cũng như đánh giá chính xác giá trị. Vì thế, khoản mục tài sản cố định thường được quan tâm đến trong các cuộc kiểm toán. Tóm lại, kiểm toán tài sản cố định chính là một khoản mục quan trọng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Qua đó giúp kiểm toán viên thu thập bằng chứng hợp lý và đầy đủ tạo cơ sở đưa ra ý kiến của mình về việc trình bày báo cáo tài chính có trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không, đồng thời giúp cho kiểm toán viên đánh giá được tính hợp lý của doanh nghiệp trong việc đầu tư kinh doanh, đề tư vấn cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh một cách khoa học và hiệu quả nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng của khoản mục này cùng với quá trình tiếp xúc, thực hành thực tế tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS, tôi quyết định chọn đề tài “***Quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS***”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của bài báo cáo bao gồm hai mục tiêu chính: mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.

+ Mục tiêu tổng quát: là đánh giá thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS trong thời gian thực tập tại Công ty. Qua đó đưa ra đánh giá những mặt ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Từ đó, đề xuất phương hướng hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong thời gian tới.

+ Mục tiêu cụ thể: Tìm hiểu quá trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định đối với Công ty khách hàng ABC trong năm 2021. Gắn với ba nội dung chính là kiểm toán việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao tài sản cố định tại đơn vị được kiểm toán.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Cụ thể, là kiểm toán nguyên giá tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao tài sản cố định.

Phạm vi nghiên cứu : Số liệu thực hiện kiểm toán là số liệu của Công ty TNHH ABC năm 2020 và 2021.

Thời gian thực hiện đề tài: Từ ngày 20 tháng 04 năm 2022 đến ngày 01 tháng 06 năm 2022.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tham khảo chương trình kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS kết hợp đọc Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, các quy định, thông tư liên quan đến khoản mục tài sản cố định, chi phí khấu hao và một số tài liệu khác.

Thu thập hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan đến khoản mục tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Phỏng vấn Ban Giám đốc, Kiểm toán viên và Bộ phận liên quan trong Công ty.

Xem xét hồ sơ kiểm toán năm trước của Công ty TNHH ABC và tham gia cuộc kiểm toán với vị trí trợ lý kiểm toán viên tại Công ty TNHH ABC.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Khóa luận tốt nghiệp có ý nghĩa thực tiễn vì đã đánh giá thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Dựa vào kết quả đánh giá thực trạng, tác giả khóa luận đã chỉ ra những mặt ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS Từ đó, đề xuất phương hướng hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định cho Công ty trong thời gian tới.

6. Kết cấu của đề tài

Nội dung chính đề tài gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định.

Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS đối với Công ty TNHH ABC.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1.1. Khái niệm, đặc điểm của khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của khoản mục tài sản cố định

1.1.1.1. Khái niệm tài sản cố định

Trong mỗi doanh nghiệp đều có những tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty, hiện nay có thể nhìn thấy hai nhóm tài sản là cố định và không cố định. Mỗi loại tài sản có giá trị và thời gian khấu hao khác nhau. Và trong quá trình quản lý, sử dụng và thống kê tài sản của doanh nghiệp, việc xác định tài sản cố định là rất quan trọng. Do đó, Theo thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013, tại Chương II Điều 3 đã trình bày chi tiết quy định về tiêu chuẩn và điều kiện nhận biết tài sản cố định như sau: *Tài sản cố định là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài (có thời gian sử dụng, luân chuyển, thu hồi trên một năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh nếu chu kỳ kinh doanh lớn hơn hoặc bằng một năm), tham gia vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và trong quá trình sử dụng tài sản cố định sẽ bị hao mòn dần.* Tài sản phải đảm bảo đủ 4 điều kiện để được công nhận là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá của tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Tài sản cố định được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại phần B, cụ thể là chỉ tiêu tài sản dài hạn, chủ yếu bao gồm: tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính. Tài sản được phản ánh trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần.

Trong đó khoản mục “Tài sản cố định” (mã số 220) phản ánh toàn bộ giá trị còn lại (bằng nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế) của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo. Mã số 220 = Mã số 221 + Mã số 224 + Mã số 227, trong đó, mã số 221 là “Tài sản cố định hữu hình”; mã số 224 là “Tài sản cố định thuê tài chính”; mã số 227 là “Tài sản cố định vô hình”. Riêng khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế” cụ thể mã

số 223 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình, mã số 226 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình, mã số 229 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

* Tài sản cố định hữu hình: Là những tư liệu lao động có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Tài sản cố định hữu hình thường được phân thành các chi tiết như: Nhà xưởng, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn; thiết bị, dụng cụ quản lý; cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm,...

Tài khoản sử dụng: TK 211 “Tài sản cố định hữu hình” có 6 cấp tài khoản cấp 2 gồm:

- TK 2111 “Nhà cửa, vật kiến trúc”
- TK 2112 “Máy móc, thiết bị”
- TK 2113 “Phương tiện vận tải, truyền tải”
- TK 2114 “Thiết bị, dụng cụ quản lý”
- TK 2115 “Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm”
- TK 2118 “ Tài sản cố định khác”

* Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của đơn vị. Tài sản cố định vô hình bao gồm các loại như: Quyền sử dụng đất có thời hạn; nhãn hiệu hàng hóa; quyền phát hành; phần mềm máy vi tính; giấy phép và giấy phép nhượng; bản quyền, bằng sáng chế; công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu, thiết kế và vật mẫu; tài sản vô hình đang trong giai đoạn triển khai,...

Tương tự tài sản cố định hữu hình, TK 213 “Tài sản cố định vô hình” cũng 6 cấp tài khoản cấp 2 gồm:

- TK 2131 “Quyền sử dụng đất”
- TK 2132 “Quyền phát hành”
- TK 2133 “Bản quyền và bằng sáng chế”
- TK 2134 “Nhãn hiệu tên thương mại”
- TK 2135 “Chương trình phần mềm”
- TK 2136 “Giấy phép và giấy phép nhượng quyền”
- TK 2138 “Tài sản cố định vô hình khác”

* Tài sản cố định thuê tài chính: Là những tài sản cố định đã được bên cho thuê chuyển giao phần lớn lợi ích và rủi ro gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê; quyền sở hữu tài sản có thể được chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Như vậy, dù chưa thuộc quyền sở hữu của bên thuê, nhưng do đặc điểm trên, tài sản thuê tài chính vẫn được ghi nhận là tài sản của bên thuê.

Tài khoản sử dụng: TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính” gồm có 2 tài khoản cấp 2, cụ thể:

- TK 2121 “Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính”
- TK 2122 “Tài sản cố định vô hình thuê tài chính”

1.1.1.2. Đặc điểm của tài sản cố định

Tài sản cố định là một khoản mục có giá trị lớn và thường chiếm tỷ trọng đáng kể so với tổng tài sản của doanh nghiệp và thường đi kèm cùng những đặc điểm sau đây:

- Thứ nhất, tài sản cố định tham gia trực tiếp, gián tiếp vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau nhưng không thay đổi hình thái vật chất lúc ban đầu cho đến khi bị hư hỏng.

- Thứ hai, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản cố định bị hao mòn dần và giá trị của chúng được chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Thứ ba, vốn đầu tư vào tài sản cố định thường lớn trong khi thời gian thu hồi vốn khá dài.

1.1.1.3. Phân loại tài sản cố định

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, tài sản cố định thường được phân loại theo nhiều hình thức khác nhau sau đây:

- Theo Điều 2, Thông tư 45/2013/TT-BTC và Khoản 2, Điều 1 Thông tư 147/2016/TT-BTC. Căn cứ theo hình thái vật chất doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản cố định thành tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

+ Tài sản cố định hữu hình thường được phân chia thành các chi tiết như: Nhà xưởng, vật kiến trúc - Máy móc, thiết bị - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn - Thiết bị, dụng cụ quản lý - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm, ...

• *Nhà cửa, vật kiến trúc*: Là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân

bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ...

- *Máy móc, thiết bị*: Là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ, ...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn*: Là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải, ...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý*: Là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút âm, hút bụi, chống mối mọt, ...

- *Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm*: Là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò, ...

- *Các loại tài sản cố định khác*: Là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật, ...

+ Tương tự tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình cũng được phân tách thành: Quyền sử dụng đất có thời hạn - Nhãn hiệu, tên thương mại - Quyền phát hành - Chương trình phần mềm - Giấy phép và giấy phép nhượng - Bản quyền, bằng sáng chế - Công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu, thiết kế và vật mẫu - Tài sản cố định vô hình đang trong giai đoạn triển khai...

- Phân loại theo quyền sở hữu, tài sản cố định của doanh nghiệp được chia thành:

- + Tài sản cố định tự có: Là những tài sản được xây dựng, mua sắm, hình thành từ nguồn vốn ngân sách cấp hoặc cấp trên cấp, bằng vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của doanh nghiệp và các tài sản cố định được quyền tặng, viện trợ không hoàn lại.

- + Tài sản cố định thuê ngoài: là những tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành do đi thuê ngoài, gồm có tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định thuê hoạt động.

- Phân loại theo nguồn hình thành, tài sản cố định được chia thành:

- + Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (nếu là doanh nghiệp nhà nước);
- + Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay;
- + Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn tự bổ sung;
- + Tài sản cố định nhận vốn góp liên doanh bằng hiện vật.
- Phân loại theo công dụng và tình hình sử dụng, tài sản cố định được chia thành:
 - + Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh;
 - + Tài sản cố định dùng cho đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Tài sản cố định dùng cho phúc lợi, an ninh, quốc phòng, dự trữ;
 - + Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý, giải quyết.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định

1.1.2.1. Khái niệm giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định và chi phí khấu hao tài sản cố định

Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định là “là tổng cộng giá trị hao mòn của tài sản cố định tính đến thời điểm lập báo cáo”.

Chuẩn mực kế toán (VAS 03, VAS 04) và chế độ kế toán yêu cầu phản ánh đồng thời nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định. Bên cạnh đó, Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) cũng có hướng dẫn khi kiểm toán tài sản cố định thì sẽ kiểm toán kèm theo khấu hao tài sản cố định. Vì vậy, quá trình kiểm toán tài sản cố định gắn liền với việc kiểm tra chi phí khấu hao. Khác với những chi phí thông thường, chi phí khấu hao tài sản cố định lại là khoản mục có nhiều điểm riêng biệt. Theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, khấu hao tài sản cố định được định nghĩa như sau: “*Khấu hao tài sản cố định là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của tài sản cố định*”. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định là thời gian cần thiết mà doanh nghiệp thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định để thu hồi vốn đầu tư tài sản cố định. Chỉ tiêu chi phí khấu hao tài sản cố định được ghi âm trên Bảng cân đối kế toán và ghi dương trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tùy thuộc vào tài sản cố định được sử dụng ở bộ phận nào thì chi phí khấu hao được trích ở bộ phận đó).

Nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định:

- Mọi tài sản cố định của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh đều phải trích khấu hao. Mức trích khấu hao được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Doanh nghiệp không được tính và trích khấu hao đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp; tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng); tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. Những tài sản cố định không tham gia vào hoạt động kinh doanh thì không trích khấu hao mà chỉ tính hao mòn như phúc lợi, hành chính sự nghiệp, ...

Tài sản cố định chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể hay cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp hoặc doanh nghiệp không trích lập Quỹ dự phòng tài chính, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cho thuê tài sản cố định hoạt động thì phải trích khấu hao đối với tài sản cho thuê. Doanh nghiệp thuê tài sản cố định theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là tài sản cố định thuê tài chính), phải trích khấu hao tài sản cố định đi thuê như tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, doanh nghiệp thuê tài sản cố định thuê tài chính cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì doanh nghiệp đi thuê được trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

Trường hợp đánh giá lại giá trị tài sản cố định đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì các tài sản cố định này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ ba (03) đến năm (05) năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải thông báo với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, doanh nghiệp đã hạch toán tăng tài sản cố định theo giá tạm tính do chưa thực hiện quyết toán. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

Đối với các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thời điểm trích khấu hao của các tài sản cố định nói trên là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần. Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thời gian không quá mười (10) năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

Đối với quyền sử dụng đất lâu dài là tài sản cố định vô hình đặc biệt, doanh nghiệp ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo nguyên giá nhưng không được tính khấu hao.

Việc trích hoặc thôi trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà tài sản cố định được ghi tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp

thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản cố định theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 133/2016/TT-BTC, Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư 147/2016/TT-BTC)

1.1.2.2. Các phương pháp khấu hao tài sản cố định

Theo Điều 13 Chương III Thông tư 45/2013/TT-BTC, thì có ba phương pháp trích khấu hao tài sản cố định là: Phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh và Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm. Căn cứ khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp trích khấu hao tài sản cố định, doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại tài sản cố định của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Phương pháp khấu hao đường thẳng: Là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp của tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá hai lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Trường hợp doanh nghiệp trích khấu hao nhanh vượt hai lần mức quy định tại khung thời gian sử dụng tài sản cố định nêu tại Phụ lục 1, thì phần trích vượt mức khấu hao nhanh (quá 2 lần) không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập trong kỳ.

$$\text{Mức trích KH TB năm} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích KH}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng. Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của tài sản cố định. Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao tài sản cố

định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh: Chỉ được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng);
- Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

$$\text{Mức trích KH TB năm} = \frac{\text{GTCL TSCĐ}}{\text{Thời gian trích KH}} * 100 * \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Hệ số điều chỉnh: xác định theo thời gian trích khấu hao của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định (t)	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6$ năm)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng. Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm: Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

1.2.2.3. Thời gian trích khấu hao đối với tài sản cố định

Theo chương II Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 quy định về việc xác định thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình như sau:

- Đối với tài sản cố định hữu hình còn mới, doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của quy định để xác định cho phù hợp với đơn vị của mình.

- Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	=	Giá trị hợp lý của TSCĐ	X	Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1
		Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)		

Trong đó: Giá trị hợp lý của tài sản cố định là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của tài sản cố định hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

Đối với tài sản cố định vô hình: Doanh nghiệp tự xác định thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình nhưng không quá 20 năm. Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời

gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp. Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

1.2.2.4. Đặc điểm của giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định

Đối với chi phí khấu hao, khác với chi phí thông thường khác, việc kiểm toán có hai đặc điểm riêng như sau:

Thứ nhất, chi phí khấu hao là một khoản ước tính kế toán chứ không phải là chi phí thực tế phát sinh. Bởi lẽ, mức khấu hao phụ thuộc vào ba nhân tố là nguyên giá, giá trị thanh lý ước tính và thời gian sử dụng hữu ích; trong đó nguyên giá là nhân tố khách quan, còn giá trị thanh lý và thời gian sử dụng hữu ích lại căn cứ theo ước tính của đơn vị. Do đó, việc kiểm toán chi phí khấu hao mang tính chất là kiểm tra một khoản ước tính kế toán hơn là một chi phí phát sinh thực tế, nghĩa là không dựa vào các chứng từ, tài liệu để tính toán một cách chính xác được.

Thứ hai, do chi phí khấu hao là một sự phân bổ có hệ thống của nguyên giá sau khi trừ đi giá trị thanh lý ước tính nên sự hợp lý của chi phí khấu hao phụ thuộc vào phương pháp khấu hao được sử dụng. Vì vậy, kiểm toán chi phí khấu hao còn mang tính chất của sự kiểm tra về việc áp dụng phương pháp kế toán.

1.2. Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định

1.2.1. Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định

Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định không những phải phù hợp với mục đích chính của kiểm toán báo cáo tài chính là xác nhận mức độ tin cậy, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính được kiểm toán mà còn là trọng tâm, nòng cốt để kiểm toán viên xây dựng các thủ tục kiểm toán phù hợp nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp, từ đó đưa ra xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính liên quan đến khoản mục này. Và thông qua mục tiêu kiểm toán thì kiểm toán viên sẽ giới hạn được thời gian và phạm vi kiểm toán khoản mục này nhằm tiết kiệm được thời gian cũng như chi phí của cuộc kiểm toán. Do đó quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định cũng như xây dựng mục tiêu kiểm toán, mục tiêu kiểm toán khoản mục này là hết sức quan trọng và thực sự rất cần thiết. Các

mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định được xác định thông qua các cơ sở dẫn liệu của khoản mục tài sản cố định như sau:

Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định

Mục tiêu	Diễn giải
Hiện hữu	Tài sản cố định thể hiện trên báo cáo tài chính là có thật.
Đầy đủ	Tài sản cố định thể hiện trên báo cáo tài chính thuộc quyền sở hữu/ kiểm soát của đơn vị đã được ghi chép đầy đủ.
Đánh giá và phân bổ	Tài sản cố định thể hiện trên báo cáo tài chính và những điều chỉnh liên quan đến đánh giá và phân bổ đã được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.
Quyền và nghĩa vụ	Tài sản cố định thể hiện trên báo cáo tài chính thuộc quyền sở hữu/ kiểm soát của đơn vị.
Chính xác	Số liệu chi tiết cũng như các phép tính liên quan đến tài khoản tài sản cố định đều được thực hiện chính xác.
Trình bày và thuyết minh	Tài sản cố định được trình bày và thuyết minh là có thật, thuộc về đơn vị, đầy đủ, phân loại đúng và diễn đạt dễ hiểu cũng như được trình bày hợp lý, theo giá trị phù hợp.

(Nguồn:[7])

Đối với khoản mục tài sản cố định, mục tiêu chính của kiểm toán là nhằm xác định tính có thật và thuộc quyền sở hữu của đơn vị. Nguyên nhân chính là vì tài sản cố định luôn là khoản mục chứa đựng giá trị tài sản rất lớn của doanh nghiệp, là cơ sở phản ánh trang thiết bị, vật chất của doanh nghiệp nên các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến khoản mục này thường chiếm giá trị, tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Do đó 2 mục tiêu hiện hữu và quyền luôn phải được đảm bảo hàng đầu trong suốt quá trình kiểm toán.

1.2.2. Mục tiêu kiểm toán giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định

Bên cạnh quá trình kiểm toán tài sản cố định, ta cần phải kiểm tra song song, đồng thời giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định phát sinh trong kỳ. Điều đó, làm cho việc xây dựng mục tiêu kiểm toán đối với giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao là thực sự rất cần thiết, được xem như là điều kiện cần khi kiểm toán khoản mục tài sản cố định. Bởi vì, chi phí khấu hao là một khoản ước tính kế toán, không phải là chi phí thực tế phát sinh. Thêm vào đó, chi phí khấu hao là một sự phân bổ có hệ thống của nguyên giá tài sản cố định sau khi trừ đi giá trị thanh lý ước tính

nên sự hợp lý còn phụ thuộc vào phương pháp tính khấu hao được đơn vị sử dụng. Trên cơ sở đó, ta xây dựng mục tiêu kiểm toán chi phí khấu hao như sau:

Bảng 1.2: Mục tiêu kiểm toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Mục tiêu	Diễn giải
Phát sinh	Chi phí khấu hao được ghi nhận thực sự phát sinh trong kỳ.
Đầy đủ	Chi phí khấu hao của các tài sản cố định đang được sử dụng được trích lập đầy đủ.
Đánh giá và phân bổ	Mức khấu hao phải được xác định hợp lý và phân bổ phù hợp cho các đối tượng liên quan
Chính xác	Chi phí và mức khấu hao phải được tính toán và ghi nhận chính xác về mặt số học
Trình bày và thuyết minh	Các thuyết minh liên quan đến chi phí khấu hao được trình bày, diễn giải rõ ràng, dễ hiểu.

(Nguồn:[7])

Đối với chi phí khấu hao, mục tiêu kiểm toán chủ yếu là xem xét sự đúng đắn trong việc xác định mức khấu hao và phân bổ cho các đối tượng liên quan. Đối với giá trị hao mòn lũy kế, mục tiêu kiểm toán là xem xét việc ghi nhận đầy đủ và đúng đắn giá trị hao mòn lũy kế do tăng lên do khấu hao, giá trị hao mòn lũy kế giảm đi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cũng như việc phản ánh chính xác vào từng đối tượng cụ thể. Điều đó, nó phụ thuộc vào việc lựa chọn phương pháp khấu hao; ước tính giá trị còn lại để thanh lý, nhượng bán; cũng như các dữ liệu làm cơ sở cho việc tính toán và tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao của đơn vị.

1.3. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định

1.3.1. Các yêu cầu kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định

Trong báo cáo COSO (2016) đã đưa ra định nghĩa về kiểm soát nội bộ như sau: “Kiểm soát nội bộ là một quá trình bị chi phối bởi người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động, báo cáo và tuân thủ”. Cụ thể như sau:

- *Nhóm mục tiêu về hoạt động*: nhấn mạnh đến sự hiện hữu và hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực của đơn vị. Đối với tài sản cố định thì mục tiêu này là đảm bảo

việc mua sắm, sử dụng, quản lý tài sản cố định giúp đơn vị đảm bảo kế hoạch sản xuất, ổn định giá thành, giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ cung cấp, giúp đơn vị đạt được mục tiêu kinh doanh và tốc độ tăng trưởng. Trong khi đó, mục tiêu hiệu quả được hiểu là mối tương quan so sánh giữa chi phí bỏ ra cho việc mua sắm, sửa chữa tài sản cố định với thu nhập từ tài sản cố định mang lại.

- *Nhóm mục tiêu về báo cáo*: được chia thành báo cáo tài chính và báo cáo phi tài chính phục vụ cho người, cơ quan bên ngoài và bên trong doanh nghiệp. Mục tiêu này nhấn mạnh đến tính trung thực và đáng tin cậy của báo cáo tài chính và phi tài chính mà đơn vị cung cấp cho cả đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Đối với tài sản cố định thì mục tiêu này là đảm bảo những khoản mục liên quan đến đầu tư mua sắm, sử dụng, sửa chữa, bảo trì, thanh lý tài sản cố định được trình bày trung thực và hợp lý như nguyên giá tài sản cố định, giá trị còn lại của tài sản cố định, chi phí khấu hao, lợi nhuận. Ngoài ra, các báo cáo khác liên quan như: Báo cáo tình hình sử dụng tài sản cố định; báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định; báo cáo kiểm kê tài sản cố định;... cần được phản ánh chính xác với tình hình thực tế.

- *Nhóm mục tiêu về tuân thủ*: nhấn mạnh đến việc tuân thủ pháp luật và các quy định về doanh nghiệp, thuế, tài chính – kế toán và các quy định khác có liên quan. Đối với tài sản cố định thì mục tiêu này là việc mua sắm tài sản cố định cần tuân thủ các quy định pháp luật như quy định về hợp đồng kinh tế, đấu thầu, thanh toán bằng ngoại tệ, quy định về phương pháp tính khấu hao,... cũng như các quy định của đơn vị như đề xuất mua tài sản, quy định về đầu tư xây dựng cơ bản,...

Đối với mỗi doanh nghiệp, việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là kiểm soát nội bộ tài sản cố định và chi phí khấu hao vì thông thường khoản mục này là rất trọng yếu đối với các doanh nghiệp (phần lớn là các doanh nghiệp sản xuất và vận tải). Mục tiêu chính của kiểm soát nội bộ tài sản cố định và chi phí khấu hao là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vào tài sản cố định thông qua việc đầu tư đúng mục đích, không lãng phí cũng như quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản cố định. Ngoài ra, kiểm soát nội bộ còn giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quá trình hạch toán các chi phí cấu thành nguyên giá tài sản cố định, chi phí sửa chữa, chi phí nâng cấp được chính xác và đúng quy định. Do đó việc thiết lập các thủ tục kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định và chi phí khấu hao phải đạt được 3 mục tiêu chung như Báo cáo COSO (2013) đã đề ra ở trên.

1.3.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định

Kiểm soát nội bộ khoản mục Tài sản cố định và chi phí khấu hao thường được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc 1: Phân chia trách nhiệm giữa các chức năng

Theo nguyên tắc này thì các chức năng như: bảo quản, ghi sổ, phê chuẩn và việc thực hiện việc mua, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cần có sự phân chia trách nhiệm rõ ràng. Việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến đầu tư xây dựng hay mua sắm mới, điều chuyển qua đơn vị khác, thanh lý, nhượng bán, sửa chữa lớn tài sản cố định cũng cần quy định rõ thẩm quyền của từng cấp quản lý. Thực hiện nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa các chức năng sẽ tránh được tình trạng thông đồng, gian lận vì mục đích tư lợi trong quản lý tài sản cố định

- Nguyên tắc 2: Kế hoạch và dự toán về tài sản cố định

Đối với những công ty có quy mô lớn, hàng năm đơn vị thường thiết lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho tài sản cố định. Kế hoạch thường bao gồm những nội dung về mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và nguồn vốn tài trợ cho kế hoạch này.

Nhìn chung, kế hoạch và dự toán là công cụ khá quan trọng để kiểm soát đối với tài sản cố định. Chính nhờ xây dựng kế hoạch và dự toán hợp lý, doanh nghiệp dễ dàng rà soát lại toàn bộ tình trạng tài sản cố định hiện có cũng như mức độ và hiệu quả của việc sử dụng tài sản cố định của đơn vị, đồng thời đối chiếu với kế hoạch sản xuất đề ra từ đó đưa ra giải pháp hợp lý để nâng cao hiệu quả quá trình sử dụng tài sản cố định của công ty. Đồng thời việc xây dựng kế hoạch, dự toán tài sản cố định cần phải cân đối giữa các phương án khác nhau (mua sắm, tự xây dựng, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định,...) với nguồn tài trợ của đơn vị.

- Nguyên tắc 3: Hệ thống sổ chi tiết của tài sản cố định

Đơn vị cần mở sổ chi tiết cho từng loại tài sản cố định, bao gồm sổ chi tiết, thẻ chi tiết, hồ sơ chi tiết (Biên bản giao nhận tài sản cố định, hợp đồng, hóa đơn mua và các chứng từ liên quan khác). tài sản cố định cần được phân loại thống kê, đánh số và có thẻ riêng. Một hệ thống sổ chi tiết đầy đủ sẽ giúp phân tích, quản lý dễ dàng các tài sản cố định tăng, giảm trong năm, từ đó giúp bảo vệ hữu hiệu tài sản, phát hiện kịp thời những mất mát, thiếu hụt đối với tài sản để sử dụng tài sản có hiệu quả.

- Nguyên tắc 4: Quy định những thủ tục cần thiết khi mua sắm tài sản cố định

Mỗi doanh nghiệp cần thiết lập một qui trình riêng các thủ tục cần thiết khi mua sắm, đầu tư mới tài sản cố định để đảm bảo việc đầu tư đạt hiệu quả cao nhất. Chẳng hạn mọi trường hợp mua sắm phải được người có thẩm quyền xét duyệt, phù hợp với kế hoạch và dự toán, phải tổ chức đấu thầu (tài sản cố định có giá trị lớn), tuân theo các tiêu chuẩn chung về bàn giao, nghiệm thu, chi trả tiền,...

- Nguyên tắc 5: Quy định thủ tục về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Các thủ tục này cần phải được mỗi doanh nghiệp qui định bài bản và thực hiện nhất quán nhằm tránh thất thoát, biến thủ công quỹ từ những đối tượng tư lợi. Chẳng hạn như phải được sự đồng ý của các bộ phận có liên quan, phải thành lập hội đồng thanh lý gồm các thành viên theo quy định,...

- Nguyên tắc 6: Chế độ kiểm kê tài sản cố định

Định kỳ đơn vị nên tiến hành kiểm kê tài sản cố định để kiểm tra về sự hiện hữu, địa điểm đặt tài sản, điều kiện sử dụng cũng như phát hiện các tài sản nằm ngoài sổ sách, hoặc bị thiếu hụt mất mát. Hàng năm, ít nhất công ty nên tiến hành kiểm kê tất cả tài sản cố định, và đối chiếu số lượng kiểm kê thực tế với bản đăng ký tài sản cố định. Việc kiểm kê và đối chiếu cũng phải tìm ra bất kỳ tài sản nào không sử dụng, hư hỏng hay đã khấu hao đủ mà vẫn còn tiếp tục tính khấu hao. Những bản sao của bản đăng ký tài sản cố định nên được gửi cho phòng hành chính và bộ phận mà tài sản cố định đặt ở đó vì điều này giúp các bộ phận trong việc bảo vệ các tài sản này hàng ngày. Ngoài ra, nên có một hệ thống để cập nhật bản đăng ký tài sản cố định được kịp thời thông qua sự phối hợp giữa các bộ phận này với phòng kế toán.

- Nguyên tắc 7: Các biện pháp bảo vệ tài sản cố định

Thiết kế và áp dụng các biện pháp bảo vệ tài sản, chống trộm cắp, hỏa hoạn, mua bảo hiểm cho tài sản. Đồng thời đơn vị cũng phải xây dựng hệ thống bảo quản tài sản như kho bãi, hàng rào chắn và phân định trách nhiệm rõ ràng trong việc bảo vệ tài sản cũng như đưa các quy định về việc đền bù khi làm mất tài sản cố định. Quy định thủ tục chặt chẽ về việc đưa tài sản cố định ra khỏi đơn vị.

- Nguyên tắc 8: Quy định về tính khấu hao

Thông thường thời gian tính khấu hao cho từng loại tài sản cố định phải được ban giám đốc phê chuẩn trước khi sử dụng, và được thực hiện đúng theo khung khấu hao mà chế độ kế toán quy định. Doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện việc quản lý, sử

dụng đối với tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với tài sản cố định thuê tài chính doanh nghiệp phải theo dõi, quản lý và sử dụng chúng như tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp mình.

1.3.3. Các thủ tục kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao của tài sản cố định của tài sản cố định

1.3.3.1. Các thủ tục kiểm soát chung

Trước khi thực hiện các thủ tục kiểm soát cụ thể trong từng giai đoạn, đơn vị cần xác lập được các thủ tục kiểm soát chung. Các thủ tục kiểm soát chung đối với khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao, chẳng hạn như:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư tài sản cố định: Do khoản đầu tư tài sản cố định thường có giá trị lớn trong ngân sách nên đơn vị cần lập kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định ngay từ đầu năm hoặc trước đó vài năm. Kế hoạch phải bao gồm toàn bộ các vấn đề chính về tài sản cố định như kế hoạch về đầu tư, mua sắm, sửa chữa lớn, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Việc xây dựng kế hoạch nhằm đảm bảo các dự án đề xuất phù hợp với ngân sách được duyệt, đảm bảo tính hiệu quả của dự án đầu tư, ngăn chặn sự tham ô (thường là khai khống giá trị tài sản cố định) và sử dụng tài sản cho mục đích cá nhân. Kế hoạch này thường phải có sự tham gia của phòng kế toán. Việc lập kế hoạch và dự toán giúp đơn vị rà soát toàn bộ tình trạng tài sản cố định hiện có và mức độ sử dụng chúng, đối chiếu với kế hoạch sản xuất của năm kế hoạch.

- Phân chia trách nhiệm đầy đủ: Để phân chia trách nhiệm đầy đủ, một cách tổng quát đơn vị cần tách biệt giữa các chức năng sau: Xét duyệt, ghi sổ, bảo quản và thực hiện việc mua, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Chẳng hạn, chức năng xét duyệt nhà cung cấp phải khác với bộ phận mua tài sản, kế toán tài sản cố định đảm nhận ghi chép về tài sản cố định còn sử dụng, mua sắm, xây dựng, bảo trì là do bộ phận khác đảm nhiệm,...

- Kiểm soát quá trình xử lý thông tin: Kiểm soát quá trình xử lý thông tin bao gồm kiểm soát chung, kiểm soát ứng dụng, kiểm soát chứng từ sổ sách, uỷ quyền và xét duyệt.

- Kiểm tra độc lập với việc thực hiện: Mặc dù sự phân chia trách nhiệm đã tạo ra sự kiểm soát lẫn nhau trong hoạt động, nhưng việc kiểm tra độc lập vaaxn nên được áp dụng đối với quy trình quản lý tài sản cố định. Đặc điểm của thủ tục này là người kiểm

tra phải độc lập với người bị kiểm tra. Chẳng hạn, một nhân viên độc lập đối chiếu tài sản cố định nhận về với hoá đơn hay hợp đồng mua tài sản về số lượng, tình trạng, đặc điểm kỹ thuật,...

- Kiểm soát vật chất: Kiểm soát vật chất là tập hợp tất cả các thủ tục nhằm giảm thiểu tài sản bị mất mát, lãng phí, lạm dụng, hư hỏng, phá hoại,... Ví dụ: Lắp hệ thống camera, báo chống trộm các tài sản cố định; giao trách nhiệm quản lý tài sản cố định cho các bộ phận sử dụng,...

- Phân tích rà soát: Định kỳ, cần tiến hành so sánh chi phí mua tài sản thực tế so với dự toán, đối với các tài sản đã đưa vào sử dụng, cần so sánh việc thực hiện với kế hoạch nhằm phát hiện các tài sản đầu tư lãng phí, không mang lại hiệu quả,...

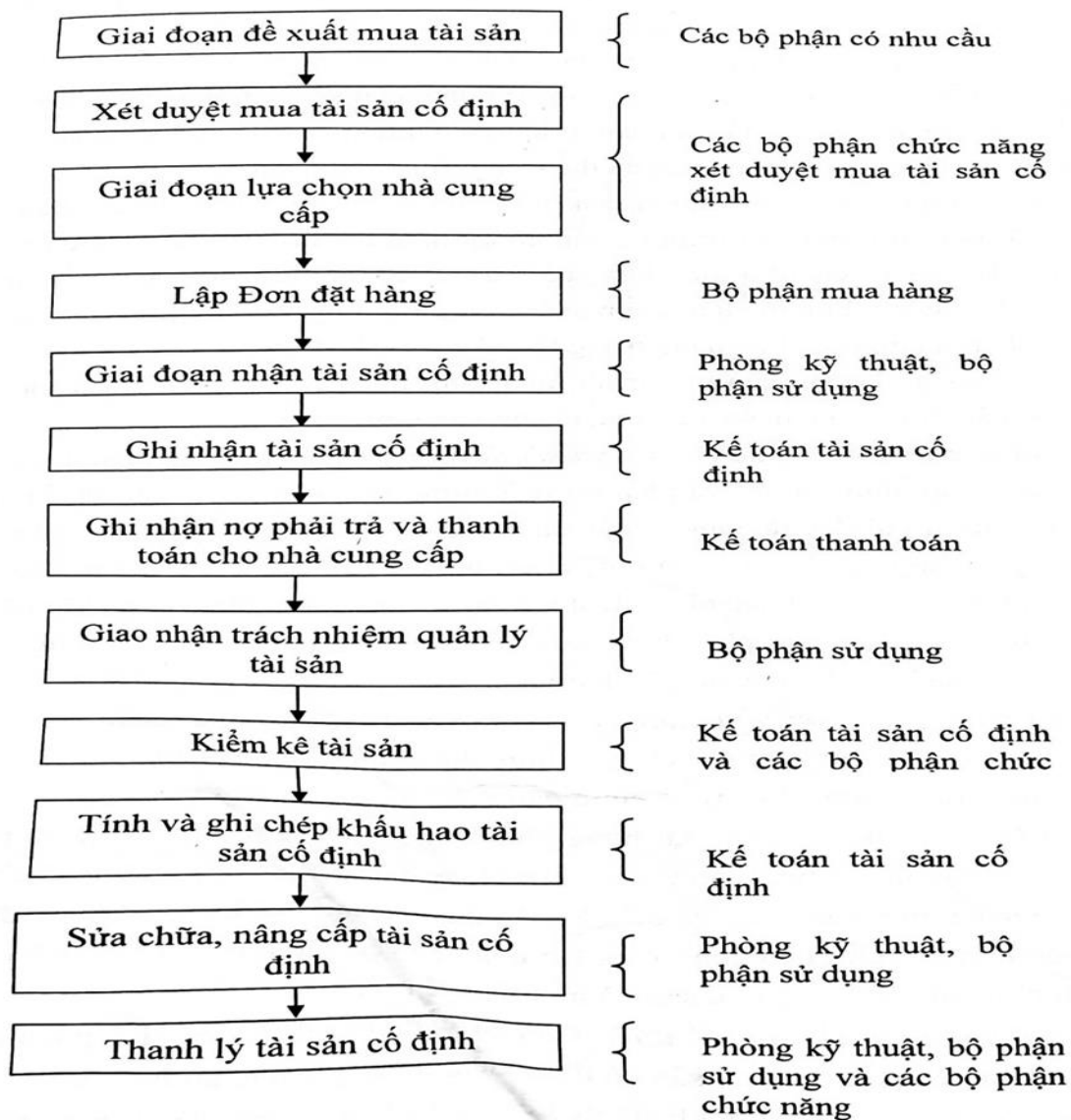
1.3.3.2. Các thủ tục kiểm soát cụ thể trong từng giai đoạn

Tuỳ theo quy mô và đặc điểm của từng đơn vị mà cách thức tổ chức cụ thể về kiểm soát nội bộ trong chu trình tài sản cố định có thể rất khác nhau (vì hệ thống kiểm soát nội bộ chỉ có thể ngăn ngừa các sai phạm thường xuyên xảy ra chứ không thể kiểm soát được hết các hoạt động và tuỳ thuộc vào đặc điểm của mỗi công ty). Để có thể nghiên cứu đầy đủ về các thủ tục kiểm soát cụ thể trong chu trình này, phần dưới đây sẽ trình bày cách thức tổ chức kiểm soát trong một đơn vị. Chu trình tài sản cố định được phân thành các chức năng theo Sơ đồ 1.1 dưới đây:

Trong từng giai đoạn của quy trình mua sắm, quản lý và thanh lý tài sản cố định, cần có các thủ tục kiểm soát cụ thể, chẳng hạn như:

- Giai đoạn đề xuất mua tài sản cố định và xét duyệt mua tài sản: Cần phải dựa trên kế hoạch được xây dựng trước và phải được Trưởng bộ phận xét duyệt. Phiếu yêu cầu tài sản cố định với đầy đủ chữ ký của nhân viên và Trưởng bộ phận có yêu cầu, xong sẽ được chuyển sang người có trách nhiệm xét duyệt. Tuỳ thuộc vào giá trị của tài sản, người xét duyệt có thể khác nhau. Đối với tài sản có giá trị lớn, các tài sản dùng để đầu tư sản xuất, cần có sự phê chuẩn của Giám đốc và trong một số trường hợp đặc biệt phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

Sơ đồ 1.1: Mô tả chu trình mua bán tài sản cố định chung trong các đơn vị



(Nguồn:[9])

- Giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp: Dựa vào phiếu đề nghị mua tài sản cố định đã được duyệt và trên chính sách lựa chọn nhà cung cấp, Bộ phận mua sẽ tham khảo giá ở nhiều nhà cung cấp (ít nhất phải có 03 báo giá) hay tổ chức đấu thầu.

- Lập đơn đặt hàng: Đơn đặt hàng phải được đánh số thứ tự liên tục trước và phải bao gồm đầy đủ các thông tin quan trọng như: Ngày đặt mua, số lượng, quy cách tài sản cố định, giá cả, nhà cung cấp và điều khoản thanh toán. Thông thường, mỗi Đơn đặt hàng được lập thành bốn bản gửi cho nhà cung cấp, Bộ phận có yêu cầu mua tài sản, Bộ phận có liên quan như Bộ phận nhận tài sản và một bản để lưu.

- Giai đoạn nhận tài sản cố định: Căn cứ vào Đơn đặt hàng, Bộ phận mua hàng và Bộ phận yêu cầu mua tài sản cố định kiểm tra quy cách số lượng, yêu cầu kỹ thuật

xem có đúng như Đơn đặt hàng để tiến hành nhận tài sản và chấp nhận hoá đơn yêu cầu thanh toán của nhà cung cấp. Sau khi nhận được tài sản, Bộ phận mua tài sản tiến hành lập Biên bản giao nhận tài sản cố định.

- Ghi nhận tài sản cố định: Phòng kế toán cần lưu trữ đầy đủ và chính xác thông tin về tài sản cố định trong Sổ chi tiết và Thẻ tài sản cố định.

- Ghi nhận nợ phải trả và thanh toán cho nhà cung cấp: Ghi nhận chính xác nợ phải trả về tài sản cố định, kiểm tra các chứng từ thanh toán, tất cả Hoá đơn của nhà cung cấp đính kèm bản sao Phiếu yêu cầu tài sản cố định, bản sao Đơn đặt hàng, bản sao Biên bản giao nhận tài sản cố định được lưu vào hồ sơ theo mã tài sản và tên tài sản.

- Giao nhận trách nhiệm quản lý tài sản: Hạn chế tiếp cận tài sản, cần có nhân viên bảo vệ để tránh di chuyển trái phép tài sản ra khỏi đơn vị hay sang nơi khác; lắp đặt hệ thống camera hay hệ thống báo động nhằm giám sát và phát hiện việc đánh cắp tài sản; mua bảo hiểm cho tài sản,...

- Kiểm kê tài sản: Ít nhất hàng năm, đơn vị phải kiểm kê tất cả các tài sản cố định. Khi kiểm kê cần đối chiếu số lượng thực tế với Danh sách tài sản cố định để phát hiện tài sản mất mát. Ngoài ra, qua kiểm kê có thể phát hiện tài sản không còn sử dụng được, tài sản hư hỏng.

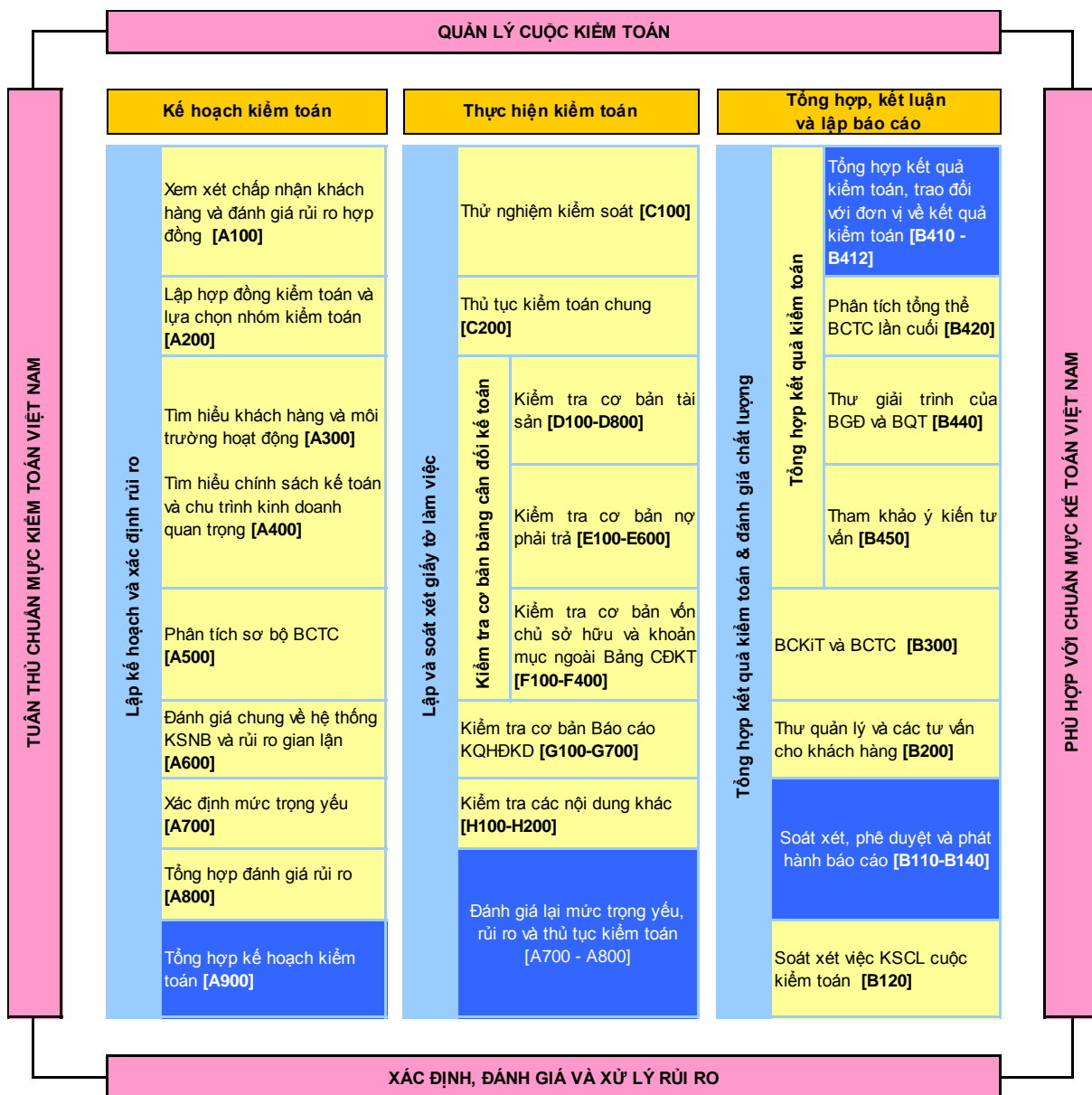
- Tính toán và ghi chép khấu hao tài sản cố định: Công việc này do Kế toán tiến hành và cần đảm bảo lựa chọn phương pháp khấu hao và thời gian khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng tài sản cố định. Các thủ tục kiểm soát thường là kiểm tra việc ghi nhận đúng chủng loại, tính khấu hao thích hợp cho tài sản cố định, lưu trữ thông tin khấu hao tài sản cố định.

- Thủ tục kiểm soát đối với sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định: Để quản lý chặt chẽ tình hình sửa chữa tài sản cố định, cần phải lập dự phòng chi phí sửa chữa, bảo trì, ghi chép, theo dõi và kiểm tra thường xuyên chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa.

- Thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Soát xét tình hình sử dụng tài sản cố định kỳ, ban hành cụ thể về thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong đơn vị.

1.4. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định

1.4.1. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính



(Nguồn: [6])

1.4.1.1. Chuẩn bị kiểm toán

- Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng: Đối với khách hàng mới, KTV sẽ tìm hiểu lí do mời kiểm toán của khách hàng và thu nhập những thông tin cần thiết. Còn đối với khách hàng cũ KTV cần cập nhật thông tin về khách hàng để xem có tiếp tục kiểm toán cho họ không. Đánh giá các rủi ro khi ký hợp đồng kiểm toán xem xét liệu có ký hợp đồng kiểm toán được không.

- Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng và kí hợp đồng: Khi thấy rằng có thể nhận lời mời kiểm toán thì KTV sẽ trao đổi và thỏa thuận sơ bộ với khách hàng về vài vấn đề cơ bản, sau đó thống nhất và kí hợp đồng kiểm toán. Sau khi hai bên ký kết và hoàn thành các thủ tục pháp lý để bổ nhiệm, tổ chức kiểm toán sẽ chính thức trở thành kiểm toán của đơn vị.

- Lựa chọn nhóm kiểm toán: Sau khi ký hợp đồng, thì thực hiện việc lựa chọn nhóm kiểm toán phù hợp về số người, trình độ, khả năng của từng kiểm toán viên, yêu cầu về chuyên môn, và đặc biệt chú trọng đến tính định của pháp luật.

- Tìm hiểu khách hàng và môi trường: KTV cần tìm hiểu các thông tin như: Ngành nghề kinh doanh, đặc điểm đơn vị, các chính sách kế toán mà đơn vị lựa chọn áp dụng, mục tiêu chiến lược và những mục tiêu kinh doanh, việc đo lường và đánh giá kết quả kinh doanh của đơn vị.

- Tìm hiểu các chu trình quan trọng của doanh nghiệp như: Chu trình bán hàng phải thu và thu tiền, chu trình mua hàng, phải trả và trả tiền, chu trình hàng tồn kho, tính giá thành và giá vốn, chu trình lương phải trả người lao động, chu trình tài sản cố định và xây dựng cơ bản.

- Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính: KTV thực hiện thủ tục đánh giá rủi ro trợ giúp cho kiểm toán viên xây dựng kế hoạch kiểm toán, KTV thực hiện phân tích biến động, phân tích hệ số, phân tích số dư bất thường trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

- Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ: KTV dùng các thủ tục phỏng vấn, quan sát, kiểm tra các tài liệu, quy trình, chính sách nội bộ của doanh nghiệp để đánh giá rủi ro và xác định nội dung, lịch trình, phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo.

- Xác định mức trọng yếu: KTV đánh giá sơ bộ về mức trọng yếu nhằm ước tính mức độ sai sót lên báo cáo tài chính. Từ đó, xác định bản chất, thời gian và phạm vi các thử nghiệm kiểm toán.

1.4.1.2. Thực hiện kiểm toán

- Thủ tục kiểm soát: Là việc KTV tìm hiểu và thu thập tài liệu về hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) của khách hàng để thông qua đó đánh giá điểm mạnh điểm yếu của hệ thống KSNB của khách hàng thông qua đó sẽ hình dung được khối lượng và độ phức tạp của công ty, đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát, xác định được phương hướng và phạm vi kiểm tra thiết kế các thủ tục kiểm toán.

- Thủ tục phân tích: là chỉ số các thông tin tài chính, các tỷ lệ để phát hiện và nghiên cứu về các trường hợp bất thường.

- Thủ tục kiểm tra chi tiết: Là việc kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh hay số dư bao gồm: Kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và thu thập các bằng chứng về số dư trong kỳ.

1.4.1.3. Kết thúc kiểm toán

Sau khi kết thúc các thử nghiệm, thu thập đầy đủ bằng chứng, KTV sẽ tổng hợp các vấn đề và trao đổi với khách hàng để giải quyết các vấn đề cần thiết, sau đó đưa ra kết luận và KTV sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán.

1.4.2. Quy trình kiểm toán đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao.

Chương trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định cũng tương tự như quy trình kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm ba (03) phần: chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán và cuối cùng là kết thúc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán.

1.4.2.1. Chuẩn bị kiểm toán

- *Tìm hiểu khách hàng:* Trong giai đoạn này, kiểm toán viên tiến hành thu thập thông tin về khách hàng nhằm giúp kiểm toán viên hiểu rõ mục đích của cuộc kiểm toán, nhu cầu của khách hàng, đánh giá rủi ro, khả năng thực hiện cũng như các vấn đề khác như thời gian thực hiện, phí kiểm toán, nguồn nhân lực,... Trường hợp đối với khách hàng cũ, kiểm toán viên phải chú ý những điểm lưu ý trong năm trước. Nếu chấp nhận khách hàng, công ty kiểm toán sẽ tiến hành ký hợp đồng và chuẩn bị thư hẹn kiểm toán.

- *Thu thập một số thông tin cơ sở:* Quá trình thu thập thông tin cơ sở luôn đóng vai trò tiền đề quan trọng cho mọi cuộc kiểm toán. Thông qua việc thu thập thông tin cơ sở, kiểm toán viên có những đánh giá khách quan cơ bản về khách hàng từ đó xây dựng chương trình kiểm toán phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho cuộc kiểm toán. Kiểm toán viên phải thu thập những hiểu biết về ngành nghề.

- *Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm toán đối với khoản mục tài sản cố định:* Kiểm toán viên dựa vào kinh nghiệm và khả năng xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá rủi ro kiểm toán và xác định các thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm các rủi ro kiểm toán xuống mức có thể chấp nhận được. Để thực hiện được điều này, kiểm toán viên phải:

+ Xác định rủi ro thông qua quá trình tìm hiểu về đơn vị và môi trường của đơn vị từ đó xác định những rủi ro liên quan đến khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao, bao gồm cả việc tìm hiểu các kiểm soát phù hợp liên quan đến rủi ro và xác định rủi ro thông quan các nhóm giao dịch, số dư tài khoản, thông tin thuyết minh trên báo cáo tài chính.

+ Sau khi xác định rủi ro liên quan, kiểm toán viên tiến hành đánh giá mức độ ảnh hưởng của chúng. Điều này đòi hỏi kiểm toán viên phải sử dụng đến kinh nghiệm nghề nghiệp và khả năng xét đoán của bản thân để cân nhắc khả năng xảy ra sai sót cũng như mức sai sót trọng yếu và khả năng lan tỏa của rủi ro.

**** Một số rủi ro thường gặp đối với tài sản cố định:***

Quản lý tài sản cố định thiếu chặt chẽ: hồ sơ tài sản cố định không đầy đủ, không có sổ, thẻ chi tiết cho từng tài sản cố định, ...

Không tiến hành kiểm kê tài sản cố định cuối kỳ, biên bản kiểm kê không phân loại tài sản cố định không sử dụng, tài sản cố định chờ thanh lý, tài sản cố định đã khấu hao hết. Số chênh lệch giữa biên bản kiểm kê và sổ sách chưa được xử lý.

Chứng từ liên quan đến tài sản cố định không được lưu riêng với chứng từ kế toán.

Phân loại sai: tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định nhưng vẫn ghi nhận là tài sản cố định.

Chênh lệch nguyên giá, hao mòn lũy kế giữa bảng cân đối số phát sinh và Sổ Cái, Sổ chi tiết.

- *Tìm hiểu về Hệ thống Kiểm soát nội bộ:* Mục tiêu của việc tìm hiểu Hệ thống kiểm soát nội bộ là đánh giá điểm yếu, điểm mạnh nói chung của từng bộ phận, từng khoản mục của đơn vị khách hàng. Trên cơ sở hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên có thể đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát, từ đó xây dựng phương hướng, phạm vi kiểm toán và thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp.

- *Xác định mức trọng yếu:* Theo Chuẩn mực kiểm toán số 320, khái niệm trọng yếu được định nghĩa như sau: “Trọng yếu là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu kế toán) trong báo cáo tài chính. Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu tính chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.”

Đối với mọi cuộc kiểm toán, việc xác định mức trọng yếu giữ vai trò hết sức quan trọng. bởi lẽ: mức trọng yếu là một mức giá trị do kiểm toán viên xác định tùy

thuộc vào tầm quan trọng và tính chất của thông tin hay sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Mức trọng yếu là một ngưỡng, một điểm chia cắt chứ không phải là nội dung của thông tin cần phải có. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét cả trên phương diện định lượng và định tính.

Sau khi xác định được mức trọng yếu, kiểm toán viên sẽ tiến hành xác định mức trọng yếu thực hiện. Theo Chuẩn mực kiểm toán số 320, mức trọng yếu thực hiện được khái quát như sau:

“Mức trọng yếu thực hiện là một mức giá trị hoặc các mức giá trị do kiểm toán viên xác định ở mức thấp hơn mức trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính nhằm giảm khả năng sai sót tới một mức độ thấp hợp lý để tổng hợp ảnh hưởng của các sai sót không được điều chỉnh và không được phát hiện không vượt quá mức trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính. Trong một số trường hợp, “mức trọng yếu thực hiện” có thể hiểu là mức giá trị hoặc các mức giá trị do kiểm toán viên xác định thấp hơn mức hoặc các mức trọng yếu của một nhóm các giao dịch, số dư tài khoản hoặc thông tin thuyết minh trên báo cáo tài chính.”

Khi lập kế hoạch kiểm toán, tùy theo đặc điểm của doanh nghiệp mà kiểm toán lựa chọn xây dựng mức trọng yếu dựa trên doanh thu hay lợi nhuận hoặc một số chỉ tiêu khác. Sau khi xây dựng mức trọng yếu tổng thể, tùy theo xét đoán chuyên môn và chính sách của khách hàng, kiểm toán viên tiến hành xây dựng các mức trọng yếu cho các khoản mục, trong đó có khoản mục tài sản cố định nhằm xác định cỡ mẫu kiểm tra phát sinh tăng, giảm tài sản cố định (trường hợp nghiệp vụ phát sinh quá nhiều) vì hạn chế thời gian và nhân lực để có thể kiểm tra toàn bộ tất cả.

- *Tổng hợp vấn đề và lập kế hoạch kiểm toán:* Sau khi thực hiện các công việc trên, kiểm toán viên tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm toán cụ thể cho cuộc kiểm toán.

Kế hoạch kiểm toán là toàn bộ những chỉ dẫn cho kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán tham gia kiểm toán, là công cụ để kiểm toán viên ghi chép, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán chỉ dẫn mục tiêu kiểm toán từng phần hành, nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cụ thể và thời gian ước tính cần thiết cho từng phần hành. Đây là cơ sở để xây dựng chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là một bảng liệt kê, chỉ dẫn các thủ tục kiểm toán chi tiết tương ứng với mục tiêu kiểm toán của các công việc kiểm toán cụ thể được sắp xếp

theo một trình tự nhất định. Chương trình kiểm toán phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết.

Kế hoạch kiểm toán và chương trình kiểm toán sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình kiểm toán nếu có những thay đổi về tình huống hoặc do những kết quả ngoài dự đoán của kiểm toán viên. Nội dung và nguyên nhân thay đổi kế hoạch và chương trình kiểm toán sẽ phải được ghi rõ trong hồ sơ kiểm toán.

1.4.2.2. Thực hiện kiểm toán

- *Thử nghiệm kiểm soát:* Các thủ tục để thực hiện thử nghiệm kiểm soát bao gồm: kiểm tra chứng từ, tài liệu; quan sát; phỏng vấn; và thực hiện lại các thủ tục kiểm soát. KTV thực hiện quan sát việc quản lý và sử dụng tài sản cố định ở đơn vị, phỏng vấn những người có liên quan về các thủ tục và quy định của đơn vị đối với tài sản cố định, kiểm tra các chứng từ sổ sách, thực hiện lại các thủ tục kiểm soát tài sản cố định của đơn vị. Ví dụ: KTV sẽ kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ chi tiết và Sổ cái của tài sản cố định để xem công việc đối chiếu có được một nhân viên có trách nhiệm thực hiện một cách đều đặn hay không, ...

- *Thử nghiệm cơ bản:*

+ Thủ tục phân tích: Tùy theo đặc điểm của đơn vị được kiểm toán mà KTV có thể sử dụng nhiều tỷ số khác nhau để phân tích tài sản cố định và chi phí khấu hao, thông thường là các tỷ số như: Tỷ trọng từng loại tài sản cố định so với tổng số, tỷ số giữa doanh thu với tổng giá trị tài sản cố định, tỷ số giữa tài sản cố định với vốn chủ sở hữu, tỷ lệ hoàn vốn tài sản cố định.

+ Kiểm tra chi tiết tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao: KTV sẽ tiến hành kiểm tra chi tiết các nhóm giao dịch, số dư tài khoản, các thông tin thuyết minh liên quan đến khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao và thường được tiến hành thông qua các cách sau: Kiểm tra chi tiết số dư tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm tra chi tiết thông tin thuyết minh.

Bảng 1.3: Tổng hợp các thử nghiệm kiểm tra chi tiết đối với tài sản cố định

STT	Thử nghiệm	Mục đích
1	Thu thập bảng số liệu tổng quát về tài sản cố định và đối chiếu với Sổ	Nhằm kiểm tra mục tiêu ghi chép chính xác, đầy đủ.

	Cái.	
2	Kiểm tra nghiệp vụ tăng tài sản cố định.	Để xác định các nghiệp vụ tăng tài sản cố định là chính xác và đầy đủ.
3	Kiểm tra các nghiệp vụ giảm tài sản cố định.	Kiểm tra xem đơn vị có phát sinh các nghiệp vụ giảm tài sản cố định như thanh lý nhượng bán hay không, nếu có thì kiểm tra việc ghi nhận có chính xác, đầy đủ hay không.
4	Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định.	Nhằm thỏa mãn mục tiêu về tính hiện hữu, đầy đủ và quyền.
5	Kiểm tra quyền sở hữu pháp lý đối với tài sản cố định.	Đảm bảo quyền sở hữu tài sản cố định của đơn vị là đúng quy định.
6	Xem xét việc trình bày và công bố tài sản cố định trên báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành	Đảm bảo việc trình bày và thuyết minh tài sản cố định của đơn vị là phù hợp và đúng quy định.

(Nguồn:[7])

Bảng 1.4: Tổng hợp các thử nghiệm kiểm tra chi tiết đối với chi phí khấu hao

STT	Thử nghiệm	Mục đích
1	Thu thập bảng số liệu tổng quát về chi phí khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.	Nhằm kiểm tra mục tiêu ghi chép chính xác, đầy đủ.
2	Kiểm tra mức khấu hao.	Nhằm thỏa mãn mục tiêu chính xác và phân bổ.
3	Kiểm tra các khoản ghi giảm giá trị hao mòn lũy kế do thanh lý, nhượng bán trong năm.	Nhằm thỏa mãn mục tiêu phát sinh.
4	Xem xét việc trình bày và phân bổ chi phí khấu hao trên báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.	Đảm bảo việc trình bày và phân bổ chi phí khấu hao của đơn vị theo đúng quy định.

(Nguồn:[7])

1.4.2.3. Kết thúc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán

Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán và thu thập đầy đủ những bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán, kiểm toán viên tiến hành tổng hợp lại các nội dung sau:

- *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ*: Thông thường các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có thể ảnh hưởng đến khoản mục tài sản cố định trên báo cáo tài chính trong năm mà kiểm toán viên cần xem xét như: mất tài sản cố định đang ở trong kho đơn vị, chuyển nhượng một số tài sản cố định không sử dụng với giá thấp hơn giá trị ghi sổ hiện hành, tài sản cố định mất mát do hỏa hoạn, thiên tai,...

Để thu thập những thông tin trên, kiểm toán viên có thể sử dụng các thủ tục kiểm toán sau:

1. Phỏng vấn Ban quản trị;
2. Xem xét lại các báo cáo nội bộ đã lập sau ngày lập báo cáo tài chính;
3. Xem xét các sổ sách kế toán lập sau ngày lập báo cáo tài chính.

- *Đánh giá kết quả kiểm toán*: Ở giai đoạn này, kiểm toán viên phải hợp nhất kết quả thực hiện toàn cuộc kiểm toán vào một kết luận chung. Trước hết kiểm toán viên cần đánh giá tổng hợp các sai sót trọng yếu phát hiện được trong quá trình kiểm toán và so sánh với mức sai sót có thể bỏ qua. Nếu vượt quá mức có thể bỏ qua, các sai sót này cần được lập bút toán điều chỉnh và đề nghị khách hàng điều chỉnh. Sau đó, kiểm toán viên phải đánh giá xem các bằng chứng kiểm toán đã đầy đủ và hợp lý. Từ đó làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán cuối cùng.

- *Lập và phát hành Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý*: Đây là giai đoạn cuối cùng kết thúc cuộc kiểm toán. Trước khi báo cáo kiểm toán được phát hành, công ty kiểm toán phải thông báo cho đơn vị khách hàng về kết luận của cuộc kiểm toán. Sau đó tiếp tục thực hiện các thủ tục còn lại để hoàn tất cuộc kiểm toán.

Việc phát hành báo cáo kiểm toán nhằm mục đích đảm bảo cuộc kiểm toán đã được thực hiện một cách chặt chẽ từ khâu lập chuẩn bị kiểm toán đến khi kết thúc kiểm toán; tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các bằng chứng kiểm toán được thu thập đầy đủ, thích hợp để phục vụ cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cùng với việc phát hành báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên có thể phát hành thêm thư quản lý để đưa ra những kiến nghị nhằm giúp đỡ khách hàng chấn chỉnh công tác quản lý tài chính và hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Nội dung thư quản lý có thể mô tả về các sự kiện cụ thể như hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro cũng như kiến nghị của kiểm toán viên và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương này trình bày tổng quan cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định. Cụ thể, người đọc có thể hiểu và nắm được về khái niệm, đặc điểm của tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định. Không chỉ dừng lại ở đó, trong chương 1 còn đề cập đến mục tiêu kiểm toán, kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định. Bên cạnh đó, còn nêu lên quy trình kiểm toán báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định. Điều này giúp cho người đọc hình dung và sau đó nắm rõ được bức tranh toàn cảnh về khoản mục tài sản cố định. Các kết quả này là cơ sở cho việc thiết lập quy trình và thủ tục kiểm toán thực tế tại Công ty TNHH Kiểm toán ở chương 2.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH ABC

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Kiểm toán AACS

2.1.1. Quá trình, lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty

- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Kiểm toán AACS.
- Tên quốc tế: AACS Auditing Company Limited.
- Địa chỉ: Số 15 Đường số 23, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0314554707.
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Duy Mạnh.
- Ngày cấp giấy phép kinh doanh: Ngày 03 tháng 08 năm 2017.
- Ngày hoạt động: Ngày 10 tháng 08 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 5.000.000.0000 đồng
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước.
- Logo:



- Số điện thoại: 02866500381.
- Email: infor@acs.com.vn.

2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng

- Thời điểm thành lập: AACS là Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính và tư vấn thuế được thành lập vào ngày 03 tháng 8 năm 2017 bởi ban lãnh đạo đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm

toán đã trực tiếp tham gia kiểm toán nhiều doanh nghiệp lớn trong nhiều lĩnh vực ngành nghề tại Việt Nam, đặc biệt là các tập đoàn có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đặt trụ sở chính tại số 15 đường số 23, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày đầu thành lập với vô vàn những khó khăn, trở ngại, cùng với sự thiếu thốn cơ sở vật chất lẫn nhân sự. Trải qua hơn năm (05) năm hoạt động Công ty TNHH Kiểm toán AACS dần dần đã hoàn thiện các sự khó khăn ở trên cả về chất lượng lẫn số lượng, khẳng định vị thế của mình trên thị trường kiểm toán.

- *Các mốc quan trọng:*

- + Ngày 03/08/2017: Được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tên gọi Công ty TNHH Kiểm toán AACS.
- + Ngày 10/08/2017: Công ty chính thức đi vào hoạt động.
- + Ngày 23/10/2018: Thành lập văn phòng đại diện tại tỉnh Bình Dương.
- + Ngày 12/04/2020: Thành lập chi nhánh tại tỉnh Bắc Ninh.
- + Ngày 15/07/2020: Thành lập văn phòng đại diện tại TP. Nha Trang
- + Ngày 22/07/2020: Thành lập văn phòng đại diện tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Ngày 20/05/2021: Thành lập văn phòng đại diện tại tỉnh Gia Lai
- + Ngày 01/08/2021: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty

Theo Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP, dựa vào doanh thu đạt 16.000.000.000 đồng, số lượng nhân viên gần 100 người nên quy mô của doanh nghiệp thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của công ty

Sau năm (05) năm hoạt động, Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã đạt được những thành tựu nổi bật và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, tiêu biểu gần đây là giai đoạn 2019 – 2021.

Bảng 2.1: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019 - 2021 của Công ty*(Đơn vị tính: Tỷ đồng)*

Năm	2019	2020	2021	Chênh lệch năm 2019 so với 2020		Chênh lệch năm 2020 so với 2021	
				+/-	%	+/-	%
Doanh thu	13	14	16	1	7,69	2	14,29
Chi phí	6,3	7	8,2	0,7	11,11	1,2	17,14
Lợi nhuận trước thuế	6,7	7	7,8	0,3	4,48	0,8	11,43
Thuế TNDN	1,34	1,4	1,56	0,06	4,48	0,16	11,43
Lợi nhuận sau thuế	5,36	5,6	6,24	0,24	4,48	0,64	11,43

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

Kết quả kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2019 – 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AACS cho thấy rằng, doanh thu năm 2019 đạt 13 tỷ đồng, sang năm 2020 con số này có sự tăng nhẹ, cụ thể tăng 1 tỷ đồng. Ngay sau đó, sang năm 2021 doanh thu của Công ty đạt đến một con số khá ấn tượng là 16 tỷ đồng (tăng liền 2 tỷ đồng so với năm 2020). Qua đó chứng tỏ Công ty thực hiện khá hiệu quả các chính sách quản trị chi phí và góp phần rất lớn trong việc phát triển ngân sách Nhà nước.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

- Chức năng của Công ty: Công ty TNHH Kiểm toán AACS được thành lập nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tại Việt Nam về các lĩnh vực tư vấn tài chính, tài chính kế toán, thuế, quản lý đầu tư, kiểm toán báo cáo tài chính, nắm bắt kịp thời các quy định và pháp lệnh của Nhà nước về Kế toán – Tài chính – Thuế, giúp cho hoạt động của các doanh nghiệp có nhiều thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

- Nhiệm vụ của Công ty: Với phương châm hoạt động “trở thành lựa chọn tối ưu của các doanh nghiệp đang phát triển đối với các dịch vụ chất lượng cao và chuyên biệt”, AACS hướng tới sự hỗ trợ khách hàng đạt được các mục tiêu thông qua các dịch vụ hỗ trợ kiểm toán, thuế, dịch vụ lập báo cáo giao dịch liên kết và các dịch vụ khác. Với văn phòng chính tại TP. Hồ Chí Minh và chi nhánh tại các trung tâm kinh tế lớn trong cả nước như Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Thừa

Thiên Huế, Nghệ An, Bắc Ninh... đã, đang và sẽ tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán và tư vấn uy tín cho các doanh nghiệp trên khắp mọi miền đất nước. Công ty TNHH Kiểm toán AACS đề ra nhiệm vụ hết sức cụ thể nhằm từng bước phấn đấu không ngừng để trở thành một trong những công ty dịch vụ Kế toán và Kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam. Dem lại những giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như cộng đồng xã hội và nâng cao giá trị cuộc sống của các thành viên trong công ty về cả vật chất lẫn tinh thần. Những nhiệm vụ đó là:

- + Đối với khách hàng và đối tác, tạo dựng sự tín nhiệm cao, duy trì mối quan hệ hợp tác với khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm khách hàng mới;
- + Đối với nội bộ Công ty, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ công ty, đa dạng hóa chính sách đãi ngộ và tuyển dụng nhân sự;
- + Đối với sản phẩm và dịch vụ, không ngừng nâng tầm chất lượng dịch vụ của công ty lên tầm quốc tế;
- + Đối với xã hội, xây dựng hình ảnh công ty chuyên nghiệp, gương mẫu và hoàn thành mọi trách nhiệm và nghĩa vụ.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty

Công ty TNHH Kiểm toán AACS cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Trong đó, dịch vụ kiểm toán và dịch vụ kế toán và tư vấn thuế là các dịch vụ chủ yếu tạo ra doanh thu cho công ty.

- *Dịch vụ Kiểm toán:* Công ty cung cấp các dịch vụ đảm bảo, bao gồm kiểm toán, soát xét và kiểm tra các số liệu, các khoản mục và các giao dịch.

Dịch vụ kiểm toán của công ty bao gồm:

- + Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán hoạt động, dịch vụ kiểm toán tuân thủ, dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và công việc kiểm toán khác.
- + Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.
- + Tư vấn kinh tế, tài chính, thuế;
- + Tư vấn quản lý, chuyển đổi và tái cơ cấu doanh nghiệp;
- + Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị của doanh nghiệp, tổ chức;
- + Dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
- + Thẩm định giá tài sản và đánh giá rủi ro kinh doanh;

- + Dịch vụ bồi dưỡng kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
- + Dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật.
- *Dịch vụ Kế toán:* Dịch vụ kế toán của Công ty bao gồm:
 - + Dịch vụ cho thuê các vị trí kế toán.
 - + Lập báo cáo tài chính hàng tháng hoặc hàng quý.
 - + Lập báo cáo kế toán quản trị.
 - + Dịch vụ theo dõi sổ sách kế toán tạm thời, bao gồm tổng hợp sổ cái, đối chiếu sổ phụ ngân hàng, tài khoản phải thu, khoản phải trả và lập các báo cáo tài chính.
- *Dịch vụ Tư vấn thuế của Công ty bao gồm:* Dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng và Dịch vụ quyết toán thuế tại TP. Hồ Chí Minh.
- *Dịch vụ Tư vấn doanh nghiệp:* Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp toàn diện một cách đầy đủ và chi tiết về việc kinh doanh tại Việt Nam. Công ty cung cấp các dịch vụ sau đây: Xin cấp giấy phép đầu tư ban đầu và sửa đổi; lập kế hoạch kinh doanh và quản lý giao dịch; cập nhật bản tin pháp luật.
- Dịch vụ Quản trị rủi ro: Công ty cung cấp một số dịch vụ quản trị rủi ro, bao gồm: Quản trị rủi ro tài chính; đánh giá và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; tuân thủ pháp luật; phòng ngừa gian lận.
- Dịch vụ Chuyên giá: Công ty cung cấp dịch vụ chuyên giá bao gồm những nội dung sau:
 - + Hỗ trợ doanh nghiệp lập chính sách giá giao dịch giữa các bên liên kết.
 - + Lập báo cáo Thông tin về giao dịch liên kết.
 - + Thu thập, hỗ trợ lập các tài liệu có liên quan đến thông tin về giao dịch liên kết.
 - + Hỗ trợ khách hàng giải trình với cơ quan thuế các vấn đề liên quan đến xác định giá trong giao dịch liên kết.

2.1.3.2. Các khách hàng của công ty

Công ty TNHH Kiểm toán AACS hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan chính trực bảo vệ quyền lợi và bí mật kinh doanh của khách hàng cũng như quyền lợi của chính bản thân công ty trên cơ sở tuân thủ những quy định của pháp luật. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, chất lượng dịch vụ cung cấp và uy tín của công ty là những tiêu chuẩn hàng đầu mà mọi nhân viên phải tuân thủ.

Phương pháp kiểm toán của AACS dựa trên nguyên tắc chỉ đạo của Kiểm toán viên và các chuẩn mực Kế toán, Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng.

Các khách hàng chủ yếu của Công ty là các khách hàng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hà Nội và các tỉnh lân cận như: Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Gia Lai, Nha Trang, Thanh Hoá, Các khách hàng đa dạng về lĩnh vực hoạt động như: dịch vụ, xây lắp, thương mại, gia công, sản xuất.

2.1.3.3. Vốn điều lệ của công ty

Vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, được góp từ năm thành viên là ông Nguyễn Duy Mạnh góp 4.550.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 91%), ông Khu Việt Nghĩa góp 100.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 2%), ông Hồ Tấn Nam góp 100.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 2%), ông Phạm Ngọc Thịnh góp 100.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 2%) và bà Nguyễn Thị Mến góp 150.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 3%).

2.1.3.4. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của công ty

Công ty TNHH Kiểm toán AACS được điều hành bởi lãnh đạo và kế toán viên, kiểm toán viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các công ty kế toán – kiểm toán lớn trên khu vực TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề, năng động, sáng tạo trong công việc cùng với trình độ chuyên môn cao, được đào tạo cập nhật kiến thức thường xuyên liên tục. Đội ngũ nhân viên đã tham gia các dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế, các dự án hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Công ty TNHH Kiểm toán AACS hoạt động theo phương châm “trở thành lựa chọn tối ưu của các doanh nghiệp đang phát triển đối với các dịch vụ chất lượng cao và chuyên biệt” và luôn đề cao nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bí mật số liệu của khách hàng. Với mục tiêu giúp khách hàng và các bên khách quan bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, cung cấp những thông tin thiết thực và các giải pháp tối ưu cho việc quản trị và điều hành doanh nghiệp. Công ty TNHH Kiểm toán cam kết mang đến cho khách hàng các dịch vụ chuyên ngành với chất lượng cao nhất và tham gia vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Ngoài ra Công ty TNHH Kiểm toán AACS còn tiến hành trang bị cơ sở vật chất khá khang trang nhằm đáp ứng nhu cầu về môi trường làm việc cho nhân viên. Cụ thể, gần đây nhất Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã tiến hành xây dựng văn phòng làm việc ở Chi nhánh Bắc Ninh tại địa chỉ 20.CL7 KĐT Him Lam Green Park, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh. Hệ thống phòng làm việc được thiết

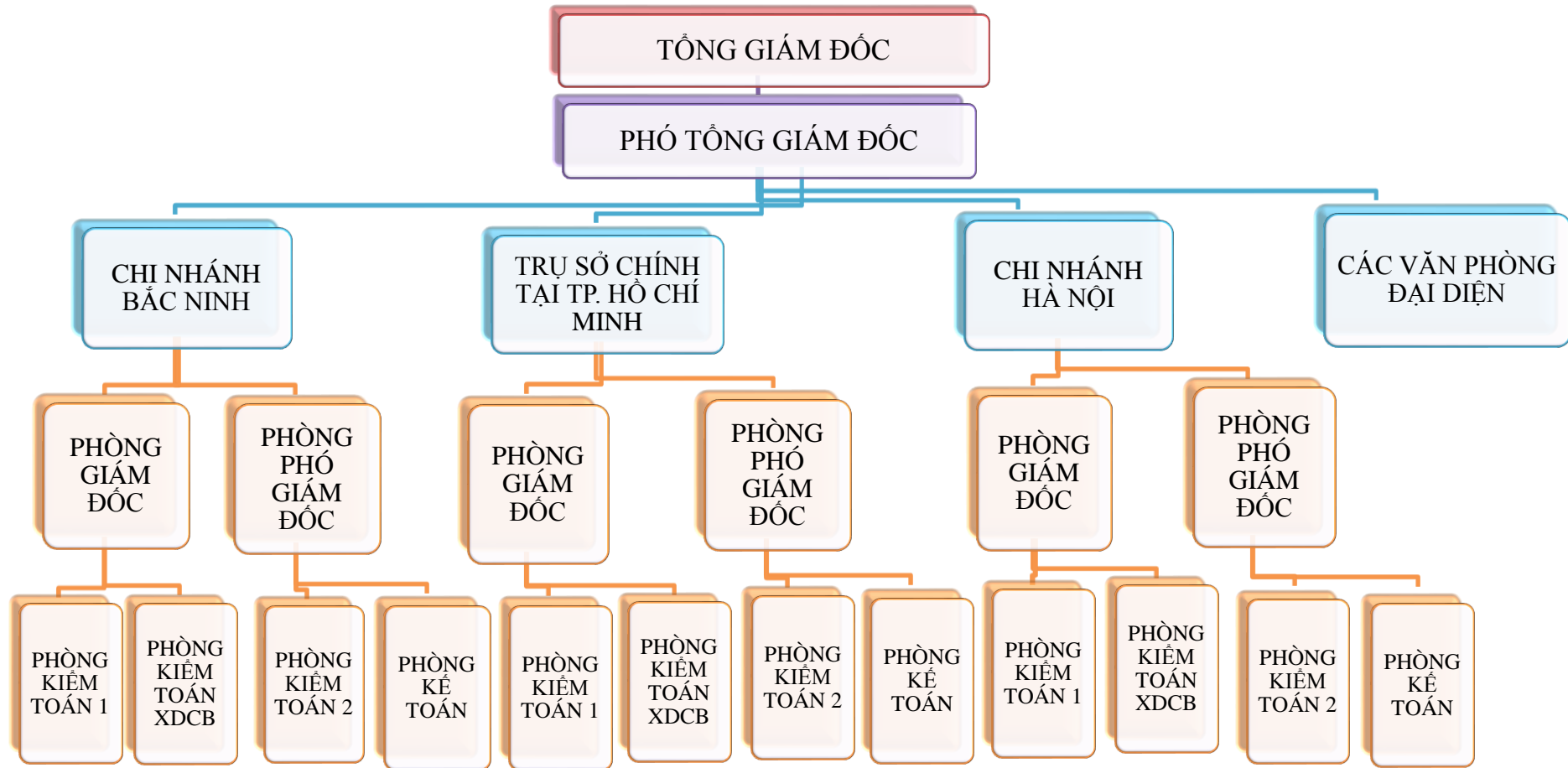
kế hiện đại thoáng mát và được lắp thiết bị hệ thống máy móc, phần mềm đầy đủ tạo môi trường thoải mái cho nhân viên làm việc.

Những thế mạnh của Công ty TNHH Kiểm toán AACS đó là: Hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về thị trường trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và trong nước; Thường xuyên được mời tham gia các Hội thảo về chuẩn mực kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế tại TP. Hồ Chí Minh; Lãnh đạo và nhân viên đã có nhiều năm làm việc cho các công ty lớn, chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề; được đào tạo thường xuyên liên tục; Các cuộc kiểm toán tại doanh nghiệp sẽ do các nhân sự chủ chốt của công ty tham gia trực tiếp, nhằm phát huy tối đa việc tư vấn, hỗ trợ cho quý khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

- Sơ đồ tổ chức quản lý:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty TNHH Kiểm toán AACS



- Giải thích chức năng và nhiệm vụ của sơ đồ trên:

Sơ đồ trên biểu diễn cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty TNHH Kiểm toán AACS. Qua sơ đồ có thể thấy rằng tổ chức quản lý của công ty chia làm hai cấp bậc, mỗi cấp bậc nắm giữ một vai trò cố định và xuyên suốt. Cụ thể:

- Cấp thứ nhất: Tổng Giám đốc là người đứng đầu công ty quyết định những vấn đề quan trọng trong công ty, có quyền quyết định về mọi mặt hoạt động của công ty, đại diện hợp pháp cho công ty trước pháp luật; đánh giá rủi ro hợp đồng kinh tế liên quan đến hoạt động của công ty, phân tích và đánh giá hiệu quả của các công việc hàng ngày trong các phòng ban và đảm bảo các mục tiêu đều được đáp ứng....Bên cạnh đó, còn có các Giám đốc và Phó Giám đốc chi nhánh hỗ trợ, kiểm tra đối với công việc trực thuộc các chi nhánh.

- Cấp thứ hai: Là các phòng ban, mỗi phòng ban thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác nhau:

+ Phòng Kế toán 1: Thực hiện dịch vụ kế toán cho các khách hàng về lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng và lưu trữ hồ sơ khách hàng; lập báo cáo tài chính, tư vấn thuế cho các doanh nghiệp khi có yêu cầu; tư vấn và thực hiện dịch vụ đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp; soát xét hồ sơ BCTC trước khi thanh kiểm tra. Cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và tư vấn tài chính: Soát xét thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân; xây dựng giải pháp thuế hiệu quả; làm việc (giải trình) với Cơ quan thuế và tư vấn quản lý rủi ro; thiết kế tài liệu, cảm nang hoạt động và tư vấn theo yêu cầu

+ Phòng Kiểm toán: Thực hiện công việc kiểm toán BCTC, soát xét hồ sơ BCTC, soát xét thông tin tài chính theo các thủ tục thoả thuận trước và đào tạo, tư vấn cho doanh nghiệp bên ngoài hoặc đối tượng có nhu cầu.

2.1.5. Quy trình kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

2.1.5.1. Lập kế hoạch

❖ Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng [A100]

- *Chấp nhận khách hàng*

Thực hiện thủ tục chấp nhận khách hàng để đánh giá rủi ro hợp đồng đối với các khách hàng tiềm năng.

Đánh giá lại rủi ro đối với các khách hàng tiếp tục thực hiện kiểm toán.

Chuẩn bị hợp đồng kiểm toán.

Sắp xếp nhân sự nhóm kiểm toán, thông báo kế hoạch với khách hàng.

- *Các vấn đề cần xem xét khi chấp nhận khách hàng*

+ Đánh giá rủi ro hợp đồng.

+ Xem xét các vấn đề về tính độc lập.

+ Xem xét các nguồn lực của Công ty kiểm toán đáp ứng dịch vụ.

+ Chấp nhận hoặc từ chối khách hàng.

+ Nếu chấp nhận, chuẩn bị hợp đồng kiểm toán.

+ Cần xem xét thêm: các ngành nghề rủi ro cao theo quy định của từng Công ty kiểm toán.

+ Phương pháp kiểm toán đối với các hợp đồng rủi ro cao.

- *Chính sách kiểm soát chất lượng*

+ Áp dụng VSQC1 – Kiểm soát chất lượng.

+ Áp dụng chuẩn mực kiểm toán số 220 – “Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán BCTC”.

Đoạn 26, VSQC1 quy định: “doanh nghiệp kiểm toán phải xây dựng các chính sách và thủ tục về việc chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ cụ thể để có sự đảm bảo hợp lý rằng doanh nghiệp kiểm toán sẽ chỉ chấp nhận hoặc duy trì quan hệ khách hàng và các hợp đồng dịch vụ nếu doanh nghiệp kiểm toán:

- Có đủ năng lực chuyên môn và khả năng để thực hiện hợp đồng dịch vụ, bao gồm thời gian và các nguồn lực cần thiết.
- Có thể tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
- Đã xem xét tính chính trực của đơn vị được kiểm toán/khách hàng và không có thông tin nào làm cho doanh nghiệp kiểm toán kết luận rằng đơn vị được kiểm toán/khách hàng đó thiếu chính trực.

- *Các ngành nghề có rủi ro cao*

+ Ngân hàng và các tổ chức tài chính.

+ Công ty bảo hiểm.

+ Casino và các tổ chức sòng bài.

+ Các công ty chứng khoán của Chính phủ.

+ Môi giới/Đại lý.

+ Các nhà phát triển bất động sản

- + Công ty cho thuê tài chính.
- *Các khách hàng có rủi ro cao*
- + Công ty niêm yết/Công ty đại chúng.
- + Công ty đang chuẩn bị hồ sơ để niêm yết/nộp hồ sơ đại chúng.
- + Công ty có dấu hiệu vi phạm pháp luật.
- + Công ty đang có kiện tụng, tranh chấp.
- + Hoạt động kinh doanh không hiệu quả.
- + Nguồn lực tài chính không đủ.
- + Thiếu hệ thống tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ tốt.
- + Thay đổi chính sách kế toán.
- + Không có khả năng đáp ứng báo cáo tài chính đúng thời hạn.
- + Nghi ngờ tính chính trực của Ban quản lý.
- *Các khách hàng lớn:*
- + Tổng doanh thu hoặc tổng tài sản lớn (ví dụ lớn hơn 60 triệu USD).
- + Đối với Tập đoàn, tổng doanh thu hoặc tổng tài sản hợp nhất lớn (ví dụ lớn hơn 60 triệu USD).
- *Các chiến lược kiểm toán đối với khách hàng có rủi ro cao*
- + Gia tăng sự giám sát, kiểm tra của partner và manager.
- + Bố trí nhóm kiểm toán với các nhân viên có nhiều kinh nghiệm.
- + Thu thập thêm các bằng chứng đảm bảo từ bên ngoài.
- + Gia tăng các thủ tục kiểm toán (Lower materiality – Performance Materiality and Allowance for undetected errors).
- + Gia tăng thái độ hoài nghi nghề nghiệp.
- + Bổ nhiệm EQCR Partner.
- *Soát xét kiểm soát chất lượng độc lập (EQRC)*
- + Độc lập với nhóm kiểm toán.
- + Tiêu chuẩn: tương đương với Thành viên Ban Giám đốc phụ trách nhóm kiểm toán.
- + Tham gia trong suốt quá trình kiểm toán.
- *Các khách hàng kiểm toán năm đầu tiên*
- + Xem xét có kiểm toán viên tiền nhiệm không?
- + Gửi “Thư gửi kiểm toán viên tiền nhiệm” -> Gửi trước khi ký hợp đồng.

+ Thu thập “Khách hàng gửi kiểm toán viên tiền nhiệm”.

- Hoàn thành GLV chấp nhận khách hàng

+ Kiểm toán năm đầu tiên: A110

+ Chấp nhận khách hàng cũ: A120

Đối với kiểm toán năm đầu tiên [A110] gồm các thông tin cơ bản:

- Tìm hiểu loại hình của đơn vị khách hàng.
- Tìm hiểu ngành nghề kinh doanh xem xét doanh nghiệp có nhiều giao dịch hay không.
- Ngày đăng ký kinh doanh, quá trình thành lập công ty được kiểm toán.
- Xem xét cơ cấu quy trình của công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ hay không.
- Xem xét công ty có niêm yết trên thị trường chứng khoán hay không và đánh giá ngành nghề kinh doanh của công ty có rủi ro hay không.
- Xem xét công ty đang kinh doanh trong bối cảnh nào.
- Xem xét các quy định pháp luật đối với ngành nghề kinh doanh của công ty.
- Ngành nghề của công ty có phức tạp hay không và có nên sử dụng chuyên gia tư vấn không.
- Hoạt động của công ty đơn giản hay phức tạp, rủi ro đánh giá cao hay thấp từ đó nhà quản lý đưa ra hệ thống KSNB như thế nào.

Đối với chấp nhận khách hàng cũ [A120] gồm các thông tin cơ bản sau:

- Xem xét ban quản lý của khách hàng có tính chính trực không, có tuân thủ theo quy định của pháp luật hay không.
- Xem xét đơn vị khách hàng có cần cung cấp dịch vụ khác hay không.
- Trao đổi với Tổng giám đốc về thư giải trình cung cấp cho đơn vị kiểm toán.
- Xem xét công ty có thay đổi bộ máy quản lý hay không và đánh giá rủi ro.
- Xem xét khách hàng đã thanh toán phí kiểm toán năm trước chưa.
- Có công ty kiểm toán nào yêu cầu đánh giá lại mối quan hệ giữa công ty kiểm toán và khách hàng.

- Có điều khoản nào cần được cập nhật và được bổ sung trong hợp đồng hay không.
 - Xem xét BCTC tuân thủ theo chuẩn mực nào.
 - Xem xét các mối quan hệ ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc kiểm toán.
 - Trách nhiệm của Tổng Giám đốc về lập và trình bày BCTC.
 - Xem xét lập và trình bày BCTC có mâu thuẫn hay không.
- ❖ Lập hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán [A200]
- *Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập [A270]*
 - + Xem xét Công ty kiểm toán có cung cấp dịch vụ nào khác ngoài dịch vụ kiểm toán.
 - + Xem có các lợi ích của nhân viên trong Công ty kiểm toán tại khách hàng không.
 - + Xem xét quy trình luân chuyển KTV theo quy định của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
 - + Phụ thuộc vào khách hàng kiểm toán: Phí dịch vụ
 - + Các mối quan hệ giữa khách hàng và các thành viên doanh nghiệp kiểm toán.
 - + Các mối quan hệ về tài chính, kinh doanh ngoài kiểm toán.
 - + Nhân viên kiểm toán làm việc cho doanh nghiệp kiểm toán.
 - + Lợi ích tài chính.
 - + Cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo: tư vấn, kế toán, soát xét, định giá,...
 - + Theo dõi luân chuyển kiểm toán viên trong nhiều năm.
 - + Nguồn lực của doanh nghiệp kiểm toán.
 - *Các biện pháp thực hiện về tính độc lập*
 - + Ký cam kết độc lập hàng năm với tất cả nhân viên trong công ty kiểm toán.
 - + Nhóm thực hiện kiểm toán Ký cam kết về tính độc lập trước khi thực hiện khách hàng và trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán [A260].
 - + Đối với công ty mạng lưới: Gửi các conflict check trong mạng lưới/ interest search.
 - + Các quy định luân chuyển người thực hiện, phân công soát xét đảm bảo [A271].
- Trong đó [A260] gồm các thông tin cơ bản sau:

- Xem xét tính độc lập kiểm toán đối với khách hàng (chỉ cung cấp dịch vụ kiểm toán).
- Xem xét giữa đơn vị kiểm toán và khách hàng có mối quan hệ nào với nhau hay không .
- Xem xét có tồn tại các yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến tính độc lập của nhóm kiểm toán cũng như đơn vị được kiểm toán.
- Bên cạnh đó, còn có cam kết độc lập của KTV trước khi thực hiện kiểm toán cần: ký cam kết hàng năm của nhóm tham gia để biểu thị sự độc lập; Mỗi người phải đăng xuất tài liệu này trước khi bắt đầu công việc kiểm toán. Cụ thể, cam kết gồm hai nội dung chính: Tôi và Vợ/Chồng và các con của tôi không có bất kỳ lợi ích nào liên quan đến khách hàng; Sự độc lập của tôi trong mối quan hệ khách hàng này không bị ảnh hưởng bất kỳ lợi ích cá nhân hay xung đột lợi ích nào.

[A270] gồm các thông tin cơ bản như:

- Xem xét đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên 3 năm liên tục chưa.
- Xem xét khách hàng phải là đơn vị có lợi ích công chúng hay không. Nếu có thì hãy mô tả thông tin mà KTV chịu trách nhiệm phụ trách hợp đồng cho khách hàng năm đó nếu không thì đưa ra kết luận.
- Xem xét KTV nào phụ trách hợp đồng kiểm toán cho khách hàng này liên tục trên 3 năm chưa. Nếu có thì đơn vị kiểm toán cần xem xét phân công lại KTV phù hợp với quy định. Nếu không thì KTV phụ trách hợp đồng này đã đủ điều kiện ký trên báo cáo kiểm toán và các hồ sơ có liên quan cho khách hàng hiện hành.

- *Lập hợp đồng kiểm toán và Soát xét.*

- *Phân công nhóm kiểm toán [A250.1 và A250.2]*

+ Thành viên Ban Giám đốc phụ trách cuộc kiểm toán - Engagement Partner.

+ Chủ nhiệm kiểm toán – Manager.

+ Trưởng nhóm - In-charge.

+ Trợ lý - Audit assistants.

+ Những người khác - Others (when required): Kiểm soát chất lượng:

Engagement Quality Control Reviewer, Chuyên viên thuế - Tax specialist, Chuyên gia

kiểm toán công nghệ thông tin - IT Audit specialist, Thẩm định giá - Valuation specialist.

- *Xây dựng chiến lược kiểm toán tổng thể [A220]*

KTV phải xây dựng chiến lược kiểm toán tổng thể để xác định phạm vi, lịch trình, định hướng của cuộc kiểm toán và để làm cơ sở lập kế hoạch kiểm toán.

- *Các vấn đề cần thực hiện sau khi chấp nhận khách hàng*

+ Soát xét việc kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán [A221].

+ Thư gửi khách hàng về kế hoạch kiểm toán [A230].

+ Danh mục tài liệu cần khách hàng cung cấp [A240].

+ Kế hoạch phân công nhân sự kiểm toán và thời gian thực hiện [A250.1].

+ Phân công nhiệm vụ nhóm kiểm toán [A250.2].

+ Cam kết về tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán [A260].

+ Trao đổi với Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán [A290].

+ Trao đổi với Ban Quản trị đơn vị được kiểm toán [A291].

+ Thư trao đổi với Ban Quản trị về tính độc lập của KTV [A292].

❖ *Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động [A310]*

- *Rủi ro tìm tòi*

+ Nguồn cung cấp có bị hạn chế hay không?

+ Khách hàng lớn nhất là ai?

+ Thị trường có đang phát triển hay không?

+ Các bên liên quan: bán cho ai? So sánh giá bán có chuyển giá hay không? Xem xét cả đầu vào và đầu ra.

- *Các nội dung cần tìm hiểu khách hàng*

+ GLV A311 – Tìm hiểu khách hàng – Danh sách pháp luật và các quy định ảnh hưởng đến đơn vị.

+ GLV A312 – Tìm hiểu khách hàng – Các bên liên quan.

+ GLV A313 – Tìm hiểu khách hàng – Hệ thống kế toán để ghi chép, xử lý giao dịch.

+ GLV A314 – Tìm hiểu khách hàng – Các ước tính kế toán.

❖ *Tìm hiểu các chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng [A400]*

+ Chu trình bán hàng, phải thu và thu tiền [A410, A411, A411.1, A411.2].

+ Chu trình mua hàng, phải trả và trả tiền [A420, A421, A421.1].

+ Chu trình hàng tồn kho, tính giá thành và giá vốn [A430, A431, A431.1].

❖ Phân tích sơ bộ BCTC [A500]

Khi thực hiện phân tích sơ bộ BCTC, KTV thực hiện phân tích biến động (phân tích xu hướng), phân tích hệ số (phân tích tỷ số). Tài liệu dùng để phân tích chủ yếu là bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh [A510]. Đồng thời, KTV soát xét các sự kiện dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của đơn vị [A520].

❖ Đánh giá chung về hệ thống KSNB và rủi ro gian lận [A600]

+ Đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ doanh nghiệp [A610].

+ Trao đổi Ban Giám đốc và các cá nhân liên quan về gian lận [A620].

+ Trao đổi với bộ phận kiểm toán nội bộ/Ban kiểm soát về gian lận [A630].

+ Rà soát yếu tố dẫn đến rủi ro gian lận [A640].

❖ Xác định mức trọng yếu [A700]

- *Lựa chọn tiêu chí để xác định mức trọng yếu tổng thể*

+ Xác định người sử dụng BCTC.

+ Các vấn đề cần xem xét:

- Đơn vị có lợi ích công chúng không, số lượng cổ đông quan tâm đến Báo cáo tài chính.
- Chu kỳ phát triển của doanh nghiệp (Đầu tư, Phát triển, ổn định, suy thoái), đặc điểm ngành nghề và môi trường kinh doanh.
- Thông tin nào trong các khoản mục Báo cáo tài chính sẽ thu hút sự chú ý của người sử dụng nhất.
- Cơ cấu sở hữu vốn của đơn vị được kiểm toán (vốn vay, vốn chủ sở hữu).
- Khả năng thay đổi tương đối của tiêu chí đã được xác định.

- *Một số gợi ý trong việc lựa chọn tiêu chí xác định mức trọng yếu*

+ Công ty có lợi ích công chúng (niêm yết, đại chúng): Lợi nhuận là tiêu chí ưu tiên hàng đầu;

+ Công ty trong giai đoạn đầu tư: Tổng tài sản là tiêu chí phù hợp;

+ Công ty trong giai đoạn phát triển ổn định: Doanh thu/Lợi nhuận là các tiêu chí phù hợp.

+ Các tổ chức phi chính phủ: Chi phí là tiêu chí phù hợp.

Các lưu ý:

+ Phải loại bỏ các yếu tố bất thường trong các tiêu chí xác định OM.

Chỉ tiêu	% Tối thiểu	% Tối đa
Doanh thu thuần	0,5	3
Vốn chủ sở hữu	1	5
Lợi nhuận trước thuế	5	10
Tổng tài sản	1	2

+ So sánh mức trọng yếu tổng thể được xác định với kỳ kế toán trước.

❖ Tổng hợp đánh giá rủi ro [A800]

+ Tổng hợp đánh giá rủi ro cấp độ Báo cáo tài chính và cấp độ cơ sở dẫn liệu [A810].

+ Đánh giá và phân loại rủi ro tiềm tàng [A811].

+ Tóm tắt rủi ro và biện pháp xử lý kiểm toán [A820].

❖ Tổng hợp kế hoạch kiểm toán [A900]

Sau khi hoàn thành chiến lược kiểm toán tổng thể, kế hoạch kiểm toán cần được xây dựng để xử lý các vấn đề đã được xác định trong chiến lược kiểm toán tổng thể, trên cơ sở đảm bảo đạt được mục đích của cuộc kiểm toán thông qua việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của kiểm toán viên thông qua GLV [A910].

2.1.5.2. Thực hiện kiểm toán

❖ Thử nghiệm kiểm soát [C100]

Để kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên sẽ sử dụng thử nghiệm kiểm soát để kiểm tra xem các thủ tục kiểm soát chính có thực sự hoạt động hiệu quả trong việc ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa các gian lận sai sót đối với từng chu trình kinh doanh chính. Những thủ tục mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm tra bao gồm: Phỏng vấn các cá nhân liên quan; kiểm tra các tài liệu liên quan; quan sát hoạt động của các chu trình chính và nghiệp vụ chính; thực hiện lại các thủ tục kiểm soát xem chúng có hoạt động, hoặc hoạt động có hiệu quả không.

❖ Thủ tục kiểm soát chung [C200]

Các thủ tục kiểm toán chung do KTV thực hiện đối với tính phù hợp chung của sổ cái, sự phù hợp của đơn vị tiền tệ trong kế toán, kiểm tra số dư đầu kỳ trên sổ cái,

kiểm tra việc Ban Giám đốc không chế các kiểm soát, kiểm tra số dư cuối kỳ trên sổ cái và kiểm tra hồ sơ pháp lý.

- ❖ Kiểm tra cơ bản Bảng cân đối kế toán

- + Kiểm tra tài sản [D100-D800].

- + Kiểm tra cơ bản nợ phải trả [E100-E600].

- + Kiểm tra cơ bản vốn chủ sở hữu và khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán [F100-F400].

- ❖ Kiểm tra cơ bản Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh [G100-G700]

- ❖ Kiểm tra các nội dung khác [H100-H200]

- + Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan [H110, H111, H112].

- + Soát xét các bút toán ghi sổ và các điều chỉnh khác [H120, H121].

- + Soát xét giao dịch với các bên liên quan và thuyết minh [H140, H141].

- + Soát xét sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán [H150, H151].

- + Đánh giá khả năng hoạt động liên tục [H160, H161].

- + Kiểm tra các thông tin khác trong tài liệu có BCTC đã được kiểm toán.

- + Các khoản dự phòng, nợ tiềm tàng và các cam kết [H180, H181].

- + Soát xét thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót [H190, H191].

- + Sử dụng công việc của chuyên gia của Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán và sử dụng công việc của chuyên gia của KTV.

2.1.5.3. Hoàn thành kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán

- ❖ Tổng hợp kết quả kiểm toán

- *Tổng hợp kết quả kiểm toán, trao đổi với đơn vị về kết quả kiểm toán [B410-B412].*

- + Tổng hợp kết quả kiểm toán [B410].

- + Soát xét các vấn đề cần trao đổi với Ban Quản trị đơn vị được kiểm toán [B410].

- *Phân tích tổng thể BCTC lần cuối [B420]*

Một số điểm lưu ý khi phân tích tổng thể BCTC lần cuối:

- + Kiểm toán viên sẽ thực hiện phân tích tổng thể BCTC lần cuối vào gần cuối cuộc kiểm toán nhằm hỗ trợ kiểm toán viên khi hình thành nên kết luận tổng thể rằng báo cáo tài chính có phù hợp với hiểu biết của kiểm toán viên về doanh nghiệp.

+ Việc xem lại phân tích tổng thể BCTC lần cuối được thực hiện bởi Trưởng nhóm kiểm toán và người phê duyệt là Chủ nhiệm kiểm toán. Thành viên Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán phải ký vào giấy làm việc này để xác nhận đã xét duyệt các vấn đề xử lý trong và sau kiểm toán.

+ Các chênh lệch trọng yếu trong các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các hệ số chính phải được giải thích phù hợp và đầy đủ.

+ Một vấn đề quan trọng cần lưu ý là xem xét lại về tính hoạt động liên tục trong suốt giai đoạn kiểm toán.

Các vấn đề cần giải quyết trước ngày phát hành Báo cáo kiểm toán [B430] như: các tài liệu còn thiếu mà khách hàng cam kết sẽ cung cấp bổ sung, danh sách các thư xác nhận chưa được phản hồi.

- Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban Quản trị [B440]

Ngày của Thư giải trình tốt nhất là nên cùng với ngày ký Báo cáo kiểm toán (theo quy định tại đoạn 14 Chuẩn mực kiểm toán số 580, ngày ký văn bản giải trình phải là ngày gần nhất với ngày lập Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính mà có thể thực hiện được, nhưng không được sau ngày lập Báo cáo kiểm toán). Thư giải trình là bằng chứng kiểm toán quan trọng cần được lưu giữ trong Chương trình kiểm toán.

- Tham khảo ý kiến tư vấn [B450]

Theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán số số 220, nhóm kiểm toán phải tham khảo ý kiến tư vấn thích hợp về các vấn đề phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi, đảm bảo nội dung, phạm vi, kết quả tư vấn đã được thống nhất với bên tư vấn và đảm bảo các kết quả tư vấn đã được thực hiện.

❖ Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính [B300]

+ Danh mục bút toán điều chỉnh và phân loại lại [B360].

+ Bảng tổng hợp đánh giá ảnh hưởng của các sai sót đến báo cáo kiểm toán [B370].

+ Bảng cân đối số phát sinh trước và sau điều chỉnh [B350].

+ BCTC trước và sau điều chỉnh [B341, B342, B343].

+ Báo cáo kiểm toán.

❖ Soát xét kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán

Theo quy định của VSQC1 và Chuẩn mực kiểm toán số 220, đối với cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của các tổ chức niêm yết và các khách hàng có rủi ro cao tùy theo chính sách của doanh nghiệp kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải bổ nhiệm người soát xét việc kiểm soát chất lượng của cuộc kiểm toán. Công việc soát xét kiểm soát chất lượng của cuộc kiểm toán phải hoàn thành trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức.

❖ Soát xét phê duyệt và phát hành báo cáo

+ Danh mục kiểm tra hoàn thành cuộc kiểm toán [B110].

+ Soát xét Báo cáo tài chính [B111].

+ Soát xét giấy làm việc chi tiết [B130].

+ Hình thành ý kiến kiểm toán [B140].

❖ Thư quản lý và các tư vấn cho khách hàng

+ Mục đích chính của thư quản lý không phải để phát hiện các nhược điểm, tìm kiếm gian lận và sai sót của Công ty mà để giúp kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán của mình và do đó không nên dựa vào đây để kết luận là không tồn tại những nhược điểm khác.

+ Thư quản lý này bao gồm các quan sát của kiểm toán viên về những thủ tục và chính sách hiện hành và các gợi ý của kiểm toán viên để hoàn thiện các quy trình của Công ty. Kiểm toán viên đã thảo luận các gợi ý của mình với Ban Giám đốc Công ty. Ý kiến của Ban Giám đốc Công ty được phản ánh trong Thư quản lý dưới tiêu đề “Ý kiến của Công ty”.

+ Tuy nhiên, cũng xin lưu ý rằng các vấn đề đề cập trong Thư quản lý là kết quả của việc thực hiện cuộc kiểm toán thông thường để kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Thư quản lý không bao gồm đầy đủ các khiếm khuyết có thể tồn tại trong kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán của Công ty.

+ Thư quản lý này chỉ phục vụ cho mục đích sử dụng của Ban Giám đốc và không nhằm mục đích cung cấp thông tin cho bất cứ bên thứ ba nào sử dụng. Vì vậy việc cung cấp Thư này cho bên thứ ba sử dụng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi là không phù hợp và trong trường hợp đó chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ quyết định nào của bên thứ ba do đã sử dụng bản sao của Thư quản lý này.

2.2. Khái quát chung về Công ty TNHH ABC

2.2.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty TNHH ABC

2.2.1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH ABC là công ty có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 2112752xxx ngày 08 tháng 06 năm 2007 cấp bởi Ban quản lý các khu Công nghiệp Đồng Nai. Và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600895xxx cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Đồng Nai ngày 08 tháng 06 năm 2007.

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn C
- Được quản lý bởi: Chi cục thuế Tỉnh Đồng Nai.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước.
- Trụ sở chính của Công ty: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 17.189.919.750 đồng.
- Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 : 17.189.919.750 đồng.

2.2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

2.2.1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
- Chi tiết: Sản xuất bột đồng, bột thiếc, bột kẽm, bột inox, bột đồng thiếc, bột đồng kẽm, bột đồng sắt.
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
 - Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.
 - Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
 - Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Gia công sản xuất các sản phẩm dệt (vải may giày phục vụ cho ngành sản xuất giày dép, trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn nhuộm)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm dệt (vải may giày phục vụ cho ngành sản xuất giày dép, trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn nhuộm); Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

2.2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

2.2.3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các BCTC được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

2.2.4. Các chính sách kế toán áp dụng

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hiện tại được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc:	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị:	05 - 08 năm
Phương tiện vận chuyển:	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng:	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác:	03 - 05 năm

2.3. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định, giá trị hao mòn lũy kế và chi phí khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS đối với Công ty TNHH ABC

2.3.1. Lập kế hoạch kiểm toán

2.3.1.1. Chấp nhận khách hàng cũ

Trước khi thực hiện cuộc kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán AACS xác định xem Công ty TNHH ABC là khách hàng cũ, vì bắt đầu kiểm toán năm 2019. Do đó, công việc chấp nhận khách hàng cũ được tổng hợp trên giấy làm việc A120 (*Xem chi tiết tại phụ lục 1 - Chấp nhận, duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng*).

2.3.1.2. Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

Sau khi thực hiện đánh giá khách hàng cũ và ký kết hợp đồng kiểm toán, KTV tiến hành tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Cụ thể, được thực hiện trên giấy làm việc A310 (*Xem chi tiết tại phụ lục 2 – Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động*).

2.3.1.3. Tìm hiểu về chính sách kế toán và chu trình kinh doanh của khách hàng

Niên độ kế toán: từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

* Các chính sách kế toán áp dụng:

- Chính sách kế toán đối với tài sản cố định và chi phí khấu hao:

+ Tài sản cố định hữu hình và chi phí khấu hao:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc:	10 – 50 năm

Máy móc, thiết bị:	05 – 08 năm
Phương tiện vận tải:	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 – 08 năm
Tài sản khác:	05 – 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình và chi phí khấu hao:	

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Cụ thể, được trình bày ở giấy làm việc A450 (*Xem chi tiết tại phụ lục 3 – Tìm hiểu chu trình tài sản cố định và xây dựng cơ bản*).

2.3.1.4. Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính

Các thủ tục phân tích được kiểm toán viên áp dụng để phân tích báo cáo tài chính chủ yếu là so sánh dữ liệu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa năm kiểm toán với năm trước đó, kết hợp phân tích các chỉ tiêu, tỷ suất tài chính liên quan đến tính thanh khoản, khả năng sinh lợi,... Việc áp dụng cả phương pháp phân biến động và phân tích xu hướng giúp kiểm toán viên có nhận xét đánh giá sơ bộ về những biến động lớn để tập trung kiểm tra và giải thích chênh lệch.

Cụ thể, công việc này được trình bày ở giấy làm việc A510 (*Xem chi tiết tại phụ lục 4 – Phân tích sơ bộ trích báo cáo tài chính*).

Phân tích sơ bộ trích bảng cân đối kế toán

Qua Bảng phân tích sơ bộ Bảng cân đối kế toán của Công ty ABC, kiểm toán viên nhận thấy một số điểm sau:

Thứ nhất, giá trị tổng tài sản của công ty khách hàng cuối năm nay có biến động giảm nhẹ so với đầu năm, cụ thể giá trị tổng tài sản giảm 13.584.852.459 đồng tương ứng giảm 6,63%. Trong đó, sự giảm của 4 tiểu khoản hàng tồn kho, nợ phải thu, tiền và tương đương tiền, và tài sản ngắn hạn khác là nguyên nhân chính dẫn đến sự giảm sút của tổng tài sản. Điều này cho thấy Công ty đang có tốc độ luân chuyển hàng tồn kho nhanh có thể là chính sách giá bán đang thu hút khách làm cho tiểu mục hàng tồn kho giảm mạnh vào cuối năm 2021 với mức giảm là 18.088.030.958 đồng, đồng thời công ty còn tăng cường các chính sách tín dụng thương mại và đã góp phần đáng kể

giúp tiểu mục nợ phải thu cán mức 61.337.444.682 đồng vào cuối năm 2021, tăng 16.128.869.435 đồng so với đầu năm. Khoản mục tiền và tương đương tiền cũng giảm tương đối mạnh giảm 5.673.460.150, tương ứng giảm 19,69%. Bên cạnh đó, tiểu mục tài sản ngắn hạn khác cũng giảm mạnh giảm 2.578.227.298 đồng, tương ứng giảm 51,18% so với đầu năm. Ngoài ra, tiểu mục tài sản cố định hữu hình trong năm 2021 của công ty khách hàng cũng có biến động đáng kể. Cụ thể, tài sản cố định hữu hình của Công ty ABC trong cuối năm 2021 tăng 1.187.231.000 đồng so với đầu năm 2021, tương ứng với tốc độ tăng là 2,15%. Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình cuối năm 2020 là 27.270.647.842 đồng, tăng 4.561.533.536 đồng so với đầu năm 2021. Sự gia tăng tài sản có thể là dùng tiền để mua sắm tài sản cố định nên sự gia tăng này là phù hợp. Tài sản cố định tăng thêm trong năm nay chủ yếu là do mua sắm do đó kiểm toán viên sẽ chú ý kiểm tra việc ghi nhận nguyên giá tài sản.

Thứ hai, tương tự khoản mục tài sản, giá trị nguồn vốn cuối năm nay cũng giảm so với đầu năm. Sự giảm sút giá trị nguồn vốn chủ yếu là do sự giảm đi của tiểu khoản nợ phải trả người bán và các khoản đi vay. Cụ thể, cuối năm 2021 nợ phải trả người bán của Công ty giảm 16.288.027.210 đồng, tương ứng giảm 21,51% so với đầu năm. Trong khi đó, tiểu khoản vay và nợ thuê tài chính cũng giảm đáng kể, giảm 798.311.888 đồng, tương ứng giảm 46,90% so với đầu năm. Để giải thích cho sự biến động đó, KTV đưa ra một số nguyên nhân ban đầu là có thể Công ty dùng tiền thu được từ bán hàng và tiền đang có để thanh toán cho người bán và thanh toán một phần của nợ vay để giảm bớt một phần nợ, từ đó giảm bớt áp lực thanh toán trong năm 2021.

Phân tích sơ bộ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Qua Bảng phân tích sơ bộ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty TNHH ABC, ta thấy doanh thu thuần năm 2021 giảm 14.868.665.518 đồng so với đầu năm, tương ứng với 6,49%. Khoản giảm nhẹ này là do trong năm Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nên làm cho doanh số giảm sút.

Tương tự với khoản mục doanh thu thuần, giá vốn hàng bán vào cuối năm có sự biến động nhẹ hơn doanh thu, cụ thể giảm 4.478.837.644 đồng, tương ứng với 2,34%. Điều này cho thấy tác động của dịch bệnh và lạm phát làm cho chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.

Đặc biệt trong năm 2021, lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế giảm mạnh. Cụ thể, lần lượt là giảm 18.386.341.577 đồng và 14.656.886.425 đồng. Điều này là hợp lý khi chịu tác động của Covid 19 thì chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công và các chi phí khác đều tăng cao, còn hàng hoá thì không thể bán ra. Làm cho doanh số và lợi nhuận giảm sút đáng kể.

2.3.1.5. Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị khách hàng

Kiểm toán viên tiến hành đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng chủ yếu thông qua các thủ tục sau:

- Quan sát cách thức quản lý của Ban Giám đốc.
- Phỏng vấn Doanh nghiệp thông qua bảng câu hỏi đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ ở cấp độ toàn doanh nghiệp.
- Phỏng vấn Doanh nghiệp thông qua bảng câu hỏi đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định.

Công ty TNHH ABC là khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán AACS trong nhiều năm, vì vậy khi nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị, kiểm toán viên sẽ tập trung vào những thay đổi về tài sản cố định hữu hình trong năm vừa qua.

Một số thủ tục kiểm soát liên quan đến tài sản cố định của công ty:

- Tất cả các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định hữu hình đều do Ban Giám đốc phê duyệt
- Mỗi tài sản cố định đều được mở thẻ
- Bàn giao tài sản cố định hữu hình đều có biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý hợp đồng.
- Hồ sơ, chứng từ liên quan đến tài sản cố định hữu hình đều được luân chuyển về phòng kế toán kịp thời được trình bày tại Giấy làm việc A610 (*Xem chi tiết tại phụ lục 5 – Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ở cấp độ toàn doanh nghiệp và kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ đối với chu trình tài sản cố định và xây dựng cơ bản*).

2.3.1.6. Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro

Dựa vào xét đoán chuyên môn nghề nghiệp, kiểm toán viên đã lựa chọn tiêu chí Tổng tài sản để xác định mức trọng yếu cho công ty TNHH ABC được trình bày tại Giấy làm việc A710 (*Xem chi tiết tại phụ lục 6 – Xác định mức trọng yếu kế hoạch – thực hiện*).

Bảng 2.2: Bảng xác định mức trọng yếu

Nội dung	Năm nay (Đồng)	Năm trước (Đồng)
Mức trọng yếu tổng thể	1.913.711.534	2.049.560.059
Mức trọng yếu thực hiện	1.148.226.920	1.229.736.035
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	22.964.538	24.594.720

(Nguồn: Giấy làm việc của Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

- Đánh giá rủi ro được trình bày tại Giấy làm việc A640 (Xem chi tiết tại phụ lục 7 – Rà soát các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận):

+ Tài sản cố định không được theo dõi theo thẻ tài sản cố định, rủi ro chính sách theo dõi tăng, giảm tài sản cố định và chi phí khấu hao có thể sai sót. Kiểm toán viên cần kiểm tra kỹ chứng từ tăng, giảm tài sản cố định trong kỳ để tránh trường hợp khai thiếu hoặc khai không nguyên giá tài sản cố định và chi phí khấu hao.

+ Tài sản cố định đưa vào hoạt động nhưng chưa có biên bản bàn giao.

+ Rà soát các yếu tố dẫn đến rủi ro gian lận.

2.3.2. Thực hiện kiểm toán

2.3.2.1. Xây dựng kế hoạch kiểm toán

Việc xây dựng kế hoạch kiểm toán sẽ do thành viên của Ban Giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán và các thành viên chính trong nhóm kiểm toán thực hiện.

Nội dung của kế hoạch kiểm toán sẽ bao gồm những nội dung sau:

- Nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục đánh giá rủi ro;
- Nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo;
- Các thủ tục kiểm toán bắt buộc đảm bảo khác.

Trong giai đoạn này, KTV tiến hành thực hiện lập chỉ mục kiểm toán tài sản cố định và xây dựng chương trình kiểm toán tài sản cố định (Xem chi tiết tại phụ lục 8 – chỉ mục kiểm toán tài sản cố định và chương trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định).

2.3.2.2. Thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty TNHH ABC liên tiếp nhiều năm nên kiểm toán viên không thực hiện nhiều thử nghiệm kiểm soát ngoài đánh giá lại hệ thống kiểm soát nội bộ mà đi thẳng vào thực hiện các thử nghiệm cơ bản. Thông qua việc quan sát, phỏng vấn Ban Giám đốc, kiểm

tra và thực hiện lại. Từ đó, KTV đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ hiện tại của đơn vị là cao nên cần giảm thử nghiệm kiểm soát và tăng thử nghiệm cơ bản, để tiết kiệm thời gian cũng như chi phí của cuộc kiểm toán.

2.3.2.3. Thử nghiệm cơ bản

❖ Các thủ tục chung

Để quá trình thu thập bằng chứng được diễn ra một cách nhanh chóng, hiệu quả và đầy đủ, trước hết các kiểm toán viên ở Công ty DFK tiến hành thực hiện những thủ tục chung. Song song với quá trình áp dụng những thủ tục chung, kiểm toán viên sẽ phần nào đánh giá tổng quát về tình hình hoạt động thông qua các số liệu báo cáo mà khách hàng cung cấp (*Xem chi tiết tại phụ lục 9 – Kiểm tra việc trình bày, công bố và đối chiếu số liệu*)

Bảng 2.3: Tổng hợp các thử nghiệm của thủ tục chung

STT	Nội dung	Mục tiêu	Tham chiếu
1	Lập bảng số liệu tổng hợp so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với bảng cân đối số phát sinh, sổ Cái, sổ chi tiết,...	- Đảm bảo số liệu tổng hợp là phù hợp với số liệu trên bảng Cân đối số phát sinh, sổ Cái, sổ chi tiết và báo cáo kiểm toán năm trước.	Giấy làm việc_BH ₀
2	Kiểm tra chính sách kế toán năm nay có được áp dụng nhất quán với các năm trước và phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng	- Đảm bảo tính nhất quán trong việc áp dụng chính sách kế toán. - Đảm bảo chính sách kế toán áp dụng phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. - Trình bày những thay đổi về chính sách kế toán trên thuyết minh báo cáo tài chính năm nay.	Giấy làm việc_BH _s

(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

❖ Thử nghiệm cơ bản

Song song với những thủ tục chung, kiểm toán viên cũng tiến hành thực hiện những thử nghiệm cơ bản nhằm phát hiện các sai sót trọng yếu ở cấp độ cơ sở dẫn liệu (Xem chi tiết tại phụ lục 10 – Tổng hợp chi tiết các thử nghiệm cơ bản)

Bảng 2.4: Tổng hợp chi tiết các thử nghiệm cơ bản

Thủ tục	Thử nghiệm	Mục tiêu	Tham chiếu
Thủ tục phân tích	1. So sánh phân tích tình hình tăng, giảm tài sản cố định của số dư tài sản cố định hữu hình, vô hình năm nay so với năm trước, đánh giá tính hợp lý của các biến động lớn	Đảm bảo tình hình biến động tài sản cố định trong năm của công ty là phù hợp.	Giấy làm việc_BH ₁
	2. Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng của tài sản	Đảm bảo thời gian sử dụng của tài sản cố định là phù hợp với bản chất và quy định pháp luật và nhất quán với năm trước.	Giấy làm việc_BH _n
Kiểm tra chi tiết	1. Kiểm tra khấu hao tài sản cố định	Đảm bảo việc tính khấu hao tài sản cố định của đơn vị là chính xác, phù hợp và đúng quy định pháp luật.	Giấy làm việc_BH _{3.1}
	2. Kiểm tra nguyên giá tài sản cố định	Đảm bảo tài sản cố định phát sinh là có thật, được ghi nhận đầy đủ.	Giấy làm việc_BH ₂
	3. Kiểm tra tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng	Đảm bảo nguyên giá tài sản cố định là phù hợp.	Giấy làm việc_BH _{3.1.x} và BH _{3.1}
	4. Kiểm tra tài sản cố	Đảm bảo giá trị tài sản cố định	Giấy làm

định tăng thêm trong năm	tăng thêm trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.	việc_BH _{0.1} và BH ₃
5. Quan sát thực tế tài sản cố định	Đảm bảo sự hiện hữu và đầy đủ tài sản cố định	Giấy làm việc_BH _{3.1.x}
6. Kiểm tra các nghiệp vụ bất thường	Đảm bảo các nghiệp vụ bất thường được phát hiện và điều chỉnh chính xác	Giấy làm việc_BH ₇

(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

Sau khi hoàn thành các thử nghiệm cơ bản, kiểm toán viên tiến hành tổng hợp các sai sót cũng như các bút toán điều chỉnh liên quan lên giấy làm việc Tờ tổng hợp – Lead sheet (Xem chi tiết tại phụ lục 10)

2.3.3. Kết thúc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán

2.3.3.1. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Theo Chuẩn mực kiểm toán số 560, “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán là những sự kiện phát sinh kể từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo kiểm toán và những sự việc mà kiểm toán viên biết được sau ngày lập báo cáo kiểm toán.”

Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có thể ảnh hưởng trọng yếu hoặc không trọng yếu đến báo cáo kiểm toán, tuy nhiên việc xem xét các sự kiện này là hoàn toàn cần thiết và phù hợp với nguyên tắc thận trọng nghề nghiệp của kiểm toán viên.

Qua phỏng vấn Ban Giám đốc Công ty TNHH ABC và qua xem xét, đánh giá, đối với khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty ABC, kiểm toán viên nhận thấy không có những vấn đề phát sinh sau niên độ gây ảnh hưởng đến báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.

2.3.3.2. Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán, kiểm toán viên kết thúc quá trình kiểm toán, hoàn thiện các giấy tờ làm việc. Căn cứ vào bằng chứng thu thập được từ đó kiểm toán viên đưa ra những nhận xét và kiến nghị đến khách hàng cũng như đề nghị các bút toán điều chỉnh nếu có.

Qua quá trình kiểm toán Công ty ABC, căn cứ vào những bằng chứng thu thập được cũng như phạm vi kiểm toán cho phép, kiểm toán viên kết luận khoản mục tài sản cố định của Công ty TNHH ABC năm 2021 không có sai sót trọng yếu nào cần điều chỉnh, việc ghi nhận, xếp loại tài sản cố định của công ty là phù hợp.

2.3.3.3. Phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý

Sau khi thu thập thư giải trình của Ban giám đốc Công ty khách hàng, kiểm toán viên tiến hành lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán dự thảo. Sau khi xem xét, đánh giá chặt chẽ những sai phạm mà kiểm toán viên phát hiện cũng như trao đổi với Ban giám đốc Công ty khách hàng, Công ty AACS sẽ lập và công bố báo cáo kiểm toán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết gồm những nội dung sau:

- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập;
- Báo cáo tài chính của công ty khách hàng đã được kiểm toán.

2.2.3.4. Tổ chức lưu hồ sơ

Hồ sơ kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS gồm 2 phần:

- Hồ sơ pháp lý: Lưu trữ tất cả tài liệu về khía cạnh pháp lý của khách hàng. Hồ sơ này bao gồm lịch sử công ty, giấy phép kinh doanh, tổ chức bộ máy công ty, sổ ghi chép chính sách quan trọng, ... được lưu trữ tại phòng Hành chính – Nhân sự

- Hồ sơ kiểm toán hiện hành: Đây là hồ sơ lưu trữ các tài liệu, bằng chứng kiểm toán của một kỳ kế toán. Hiện nay, công ty áp dụng chương trình kiểm toán mẫu theo mẫu của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA). Được lưu trữ tại phòng Kiểm toán 2.

2.4. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH Kiểm toán AACS

2.4.1. Ưu điểm

Với bề dày lịch sử hơn 7 năm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán AACS đang không ngừng phát triển, không ngừng đa dạng hóa và gia tăng các dịch vụ cung cấp, hướng tới phát triển thành công ty kiểm toán niêm yết.. Đặc biệt, nhiều nhân viên từng là thành viên của các công ty kiểm toán lớn cùng với sự năng động, yêu nghề và học hỏi không ngừng của đội ngũ nhân viên, AACS đã và đang không ngừng nâng cao chất lượng cũng như mức độ uy tín của mình. Điều này cũng góp phần tạo dựng chất lượng các cuộc kiểm toán của Công ty.

Qua quá trình tiếp xúc thực tiễn, Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã đúc kết và xây dựng các chương trình kiểm toán mẫu khá linh hoạt và thực tế. Đối với mỗi khoản mục kiểm toán nói chung và khoản mục tài sản cố định nói riêng, quy trình kiểm toán được Công ty TNHH Kiểm toán AACS xây dựng dựa trên cơ sở Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Cụ thể đối với khoản mục kiểm toán tài sản cố định, các bước kiểm toán được xây dựng cụ thể, linh hoạt, mang tính thực tiễn cao nhưng không quá cứng nhắc tạo điều kiện cho kiểm toán viên linh hoạt áp dụng cho từng loại hình hoạt động và quy mô khách hàng khác nhau.

Cụ thể Công ty đã xây dựng quy trình kiểm toán báo cáo tài chính nói chung và kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao nói riêng với những ưu điểm trong từng giai đoạn kiểm toán như sau:

❖ Trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán khoản mục tài sản cố định: Trong giai đoạn này, các bước công việc kiểm toán cần thực hiện gồm: Tìm hiểu về khách hàng

và môi trường hoạt động, Tìm hiểu về chính sách kế toán và chu trình kinh doanh của khách hàng; Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính của khách hàng; Nghiên cứu Hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng; Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro; Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro. Đây được xem là giai đoạn quan trọng của cuộc kiểm toán cho nên việc chuẩn bị kiểm toán càng chi tiết, đầy đủ, chính xác là điều kiện thuận lợi để thực hiện các giai đoạn kiểm toán tiếp theo.

- Về tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động cũng như các chính sách kế toán và chu trình kinh doanh của khách hàng: Công ty TNHH Kiểm toán AACS tìm hiểu dựa trên các mẫu giấy tờ làm việc có sẵn, gồm các nội dung như: Hiểu biết về môi trường hoạt động (các vấn đề về lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh...); hiểu biết về đặc điểm của doanh nghiệp (hình thức sở hữu vốn, các hoạt động đầu tư,...); hiểu biết về các chính sách kế toán áp dụng (Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ, chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng...). Những thông tin này chính là cơ sở để kiểm toán viên bước đầu đánh giá mức độ trọng yếu và rủi ro kiểm toán từ đó xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp.

- Đối với việc thực hiện phân tích sơ bộ báo cáo tài chính của khách hàng: Kiểm toán viên đã tiến hành phân tích biến động sơ bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay so với năm trước từ đó tiến hành nhận xét, đánh giá.

- Đối với việc nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng: Thông qua những bảng câu hỏi có sẵn, kiểm toán viên tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về hệ thống kiểm soát nội bộ ở cấp toàn doanh nghiệp lẫn kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định và xây dựng cơ bản. Điều này được kiểm toán viên của công ty thực hiện một cách thận trọng và lưu giữ đầy đủ vào hồ sơ kiểm toán.

❖ Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định:

Quá trình này được diễn ra khá chặt chẽ, cụ thể: Kiểm toán viên lần lượt đi từ việc thực hiện các thủ tục thử nghiệm chung đến các thử nghiệm kiểm soát và sau cùng là các thử nghiệm cơ bản. Các thử nghiệm luôn được kiểm toán viên thực hiện đúng theo yêu cầu của chương trình kiểm toán và được ghi chép thể hiện trên các giấy làm việc.

❖ Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán khoản mục tài sản cố định:

Ở giai đoạn này, kiểm toán viên sẽ tổng hợp các sai phạm, lập các bút toán điều chỉnh, trao đổi với khách hàng từ đó tìm ra nguyên nhân, thống nhất ý kiến để đưa kết luận cuối cùng. Không những vậy, kiểm toán viên còn nêu ra các ý kiến tư vấn đáng quý cho khách hàng hoàn thiện hơn công tác kế toán của mình. Song song với đó, các giấy tờ làm việc phần hành tài sản cố định và chi phí khấu hao cũng được soát xét cẩn thận, kỹ càng. Hệ thống hồ sơ làm việc kiểm toán nói chung và giấy tờ làm việc của phần hành tài sản cố định và chi phí khấu hao nói riêng được công ty kiểm toán lưu trữ thành hệ thống theo các đầu chỉ mục tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu trữ, soát xét và tham chiếu.

Một ưu điểm đáng kể đến trong giai đoạn này của Công ty TNHH Kiểm toán AACS chính là báo cáo kiểm toán sau khi lập sẽ được xét duyệt bởi 2 kiểm toán viên thuộc 2 phòng kiểm toán khác nhau, đó chính là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Điều này sẽ mang tính khách quan, thận trọng cao vì 2 kiểm toán viên thuộc 2 phòng khác nhau, quan điểm khác nhau, kinh nghiệm khác nhau nên việc xét duyệt sẽ mang lại tính khách quan, kỹ lưỡng và có thể giảm thiểu rủi ro đến mức thấp hơn.

Ngoài ra, ưu điểm khá quan trọng phải kể đến là Công ty TNHH Kiểm toán AACS luôn nhận thức được vai trò vô cùng trọng yếu của khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao nên quá trình kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao được công ty xây dựng và soát xét khá chặt chẽ. Cụ thể, trực tiếp thực hiện kiểm toán tài sản cố định là trưởng đoàn kiểm toán cùng các trợ lý kiểm toán dựa trên chương trình kiểm toán và mục tiêu kiểm toán đã đề ra. Kế đến là Ban kiểm soát chất lượng, Trưởng phòng soát xét chất lượng, nội dung công việc của đoàn kiểm toán. Và sau cùng là sự kiểm tra của Ban Giám đốc, đảm bảo công việc kiểm toán đã được hoàn thành, báo cáo kiểm toán đạt chất lượng phát hành. Việc kiểm soát chặt chẽ này đã mang đến niềm tin cho khách hàng cũng như khẳng định được chất lượng và mức độ uy tín của công ty.

Thêm vào đó, đối với các biểu mẫu giấy tờ làm việc các khoản mục khác nói chung và khoản mục tài sản cố định nói riêng đều dựa trên Chương trình kiểm toán mẫu Việt Nam (VACPA) mà kiểm toán viên từng phòng sẽ thiết kế thành các file giấy tờ làm việc khác nhau nhằm thuận tiện cho kiểm toán viên thực hiện công việc kiểm toán của mình. Điều này cho thấy sự linh hoạt và sáng tạo của kiểm toán viên của công ty.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Song song với những ưu điểm nêu trên, quá trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định của Công ty TNHH Kiểm toán AACS cũng tồn tại một số hạn chế sau:

❖ Trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán khoản mục tài sản cố định

Thứ nhất, về tìm hiểu khách hàng: Do sức ép về thời gian cũng như khối lượng công việc và đây là khách hàng lâu năm của công ty nên nhìn chung giai đoạn này được kiểm toán viên thu thập một cách khá sơ sài, nhanh chóng do kiểm toán viên lấy thông tin của năm kiểm toán trước. Chẳng hạn như những thông tin tìm hiểu chu trình tài sản cố định năm nay của Công ty TNHH ABC chủ yếu là kiểm toán viên lấy thông tin của năm ngoái vì qua phỏng vấn Ban quản lý đơn vị ABC báo không thay đổi. Thông thường, kiểm toán viên chỉ chú trọng đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu, đầu tư tài chính,... Điều này chỉ phù hợp khi kiểm toán viên vẫn cập nhật thêm các thay đổi trong năm tài chính của khách hàng thì mới có thể đảm bảo tính xác thực của thông tin.

Thứ hai, về việc kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ: Tìm hiểu, kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty khách hàng là một bước hết sức quan trọng đối với quá trình kiểm toán. Là cơ sở để kiểm toán viên đánh giá tổng quát được tình hình hoạt động, quản lý của khách hàng để từ đó có thể điều chỉnh kế hoạch cũng như những thủ tục kiểm toán sao cho phù hợp nhằm thu lại kết quả kiểm toán chính xác nhất có thể. Tuy nhiên trong thực tế, việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ chưa thật sự được Công ty TNHH Kiểm toán AACS thực hiện một cách hiệu quả. Mặc dù công ty có tiến hành đánh giá toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như từng khoản mục, tuy nhiên quá trình này chưa thực sự được kiểm toán viên vận dụng triệt để, cụ thể là đánh giá khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao. Tuy công ty có đưa ra quy chế cụ thể trên giấy làm việc nhưng lại ít thực hiện trên thực tế. Thêm vào đó, công việc này chỉ đa phần dừng lại ở việc phỏng vấn những cá nhân liên quan do đó kết quả thu được không đảm bảo được tính khách quan và chỉ có trưởng đoàn kiểm toán hay kiểm toán viên chính mới được tham gia đánh giá, còn những trợ lý kiểm toán sẽ không có kinh nghiệm trong vấn đề này. Hơn nữa, vì bảng câu hỏi được thực kế chung có thể không phù hợp với tất cả các doanh nghiệp mà công ty kiểm toán do đó không nêu lên được những câu hỏi mang tính đặc thù cho khách hàng ABC. Nguyên nhân chủ yếu là do sự hạn hẹp về thời gian, kinh phí cũng như nguồn nhân lực thực hiện trong khi khối lượng công việc quá lớn, mật độ lại quá thường xuyên khi vào

mùa kiểm toán nên đối với những khách hàng lâu năm, ít biến động như Công ty ABC thì công việc này thường được thực hiện chưa thật sự kỹ lưỡng.

❖ Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định:

Về việc thực hiện các thủ tục phân tích tài sản cố định và chi phí khấu hao: Việc áp dụng thủ tục phân tích đối với khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao còn khá hạn chế ở Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Kiểm toán viên không đi sâu vào các thủ tục phân tích mà chỉ đánh giá sơ bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm này so với năm trước. Tuy nhiên có thể vì thời gian cuộc kiểm toán rất hạn chế và độ phức tạp của thủ tục mà kiểm toán viên chỉ thực hiện những thủ tục phân tích đơn giản nhất và ưu tiên đi sâu vào thực hiện những thử nghiệm chi tiết hơn.

Vì công việc kiểm toán thường diễn ra vào thời điểm cuối năm và diễn ra trong thời gian ngắn nên quá trình trực tiếp thực hiện kiểm kê tài sản cố định của kiểm toán viên còn hạn chế, chưa được ghi chép một cách chi tiết cụ thể trên các giấy làm việc. Do đó kiểm toán viên thường sẽ chấp nhận biên bản kiểm kê của đơn vị, điều này có thể dẫn đến rủi ro kiểm toán.

Một hạn chế khác phải kể đến trong giai đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao là quá trình chọn mẫu kiểm toán chủ yếu theo nghiệp vụ đối ứng trên sổ chi tiết, chọn mẫu theo khối lượng, giá trị, chọn mẫu theo phán đoán của kiểm toán viên cụ thể đối với Công ty TNHH ABC, kiểm toán viên kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định trong năm của công ty trên tổng số toàn bộ tài sản hiện có của công ty. Điều này có thể dẫn đến sai phạm tập trung vào các nghiệp vụ phát sinh với các tài sản cố định còn lại của doanh nghiệp và nếu kết hợp nhiều sai phạm này với nhau có thể ảnh hưởng lớn hơn đến báo cáo tài chính.

❖ Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán khoản mục tài sản cố định:

Về việc soát xét báo cáo kiểm toán: Theo quy định của Công ty, báo cáo kiểm toán cũng như giấy làm việc của khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao sẽ được xét duyệt bởi 2 kiểm toán viên thuộc 2 phòng kiểm toán khác nhau. Điều này sẽ dễ dẫn đến mâu thuẫn, tranh cãi nội bộ vì kinh nghiệm và quan điểm của mỗi kiểm toán viên có thể khác nhau nhưng quá trình trực tiếp kiểm toán chỉ có nhóm kiểm toán của 1 phòng thực hiện.

Về quá trình lưu trữ hồ sơ kiểm toán: Mặc dù hồ sơ kiểm toán đã được công ty trình bày và lưu trữ rất khoa học tuy nhiên, trên thực tế khi kiểm toán một số khách hàng của AACS, kiểm toán viên hầu như chỉ ghi chép tất cả các kết quả trên giấy tờ làm việc còn các thông tin khác như quá trình tiến hành kiểm tra, trình tự các bước công việc, cách thức chọn mẫu đối với khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao,... không được ghi chép đầy đủ. Nguyên nhân chủ yếu là do thời gian kiểm toán bị hạn chế, áp lực và khối lượng công việc lớn nên điều này có thể chấp nhận được.

❖ Các vấn đề khác:

Về phần mềm hỗ trợ kiểm toán: Thực tế, các kiểm toán viên của công ty chưa có phần mềm hỗ trợ kiểm toán, chủ yếu sử dụng công cụ Excel để thực hiện do đó khối lượng công việc mà mỗi kiểm toán viên phải đảm nhiệm là rất lớn. Cụ thể việc chọn mẫu kiểm tra tài sản cố định hay kiểm tra khấu hao đều được kiểm toán viên thực hiện thủ công. Điều này không những gây tốn kém thời gian của kiểm toán viên mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc kiểm toán.

Về các giấy tờ làm việc kiểm toán: Công ty chưa có sự đồng bộ, thống nhất giấy làm việc giữa các phòng kiểm toán, một số quy cách chọn mẫu, tính mức trọng yếu giữa các phòng có sự khác biệt dẫn đến quá trình soát xét, tham chiếu, kiểm tra sẽ khá mất thời gian.

Trong cuộc kiểm toán, nhân lực của công ty còn hạn chế về cả số lượng và chất lượng. Điều này thể hiện rõ qua việc kiểm kê của kiểm toán. Thời gian kiểm kê thường diễn ra rất hạn chế, chỉ kéo dài từ 1 đến 2 ngày trên mỗi công ty khách hàng và thường được diễn ra vào cuối tuần nhằm tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của đơn vị khách hàng. Trong khi đó, số lượng khách hàng được kiểm kê là rất lớn với nhiều loại hình và quy mô khác nhau dẫn đến kiểm toán viên không thể tham gia đầy đủ các cuộc kiểm kê hay toàn bộ các phần kiểm kê của doanh nghiệp.

Tuy nhiên thông qua quá trình trải nghiệm thực tế ở Công ty TNHH Kiểm toán AACS, có thể nhận thấy những hạn chế mà Công ty gặp phải trong quá trình kiểm toán nói chung và kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao nói riêng đều xuất phát từ những nguyên nhân khách quan sau. Đó chính là sự hạn hẹp về thời gian, kinh phí cũng như nguồn nhân lực thực hiện trong khi khối lượng công việc quá lớn, mật độ lại quá thường xuyên khi vào mùa kiểm toán. Thực tế, mỗi cuộc kiểm toán chỉ kéo dài từ 1 đến 4 ngày, tùy thuộc vào quy mô khách hàng và chỉ thực hiện được khi

kế toán tại đơn vị khách hàng hoàn tất báo cáo tài chính. Tuy nhiên trong một vài trường hợp, mặc dù kế hoạch kiểm toán đã được gửi cho khách hàng đúng thời hạn nhưng đến thời điểm kiểm toán, nhiều khách hàng vẫn chưa cung cấp đầy đủ sổ sách, chứng từ yêu cầu. Điều này dẫn đến việc chậm trễ tiến độ công việc cũng như sự không đầy đủ theo quy định của công ty về bằng chứng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán. Đồng thời sự chậm trễ này còn ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo kiểm toán cũng như kế hoạch của kiểm toán của nhiều công ty khách hàng còn lại. Do đó, việc thực hiện chi tiết, đầy đủ toàn bộ các thủ tục và theo đúng quy trình kiểm toán mà vẫn đảm bảo yếu tố thời gian, kinh phí và nhân lực thật sự là bài toán khó đối với Công ty TNHH Kiểm toán AACS nói riêng và của hầu hết các Công ty kiểm toán nói chung.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này trình bày thực trạng về quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS đối với Công ty TNHH ABC . Cụ thể, người đọc có thể hiểu và nắm được về những khái quát sơ bộ về Công ty TNHH Kiểm toán AACS, cũng như khách hàng. Không chỉ dừng lại ở đó, trong chương 1 còn đề cập đến các giai đoạn của cuộc kiểm toán khoản mục tài sản cố định kèm theo các giấy làm việc và số liệu thực tế tại Công ty TNHH ABC. Điều này giúp cho người đọc hình dung và sau đó nắm rõ được công việc kiểm toán khoản mục tài sản cố định của công ty kiểm toán thực tế. Trong khi đó, tác giả còn đề cập đến các ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS. Các kết quả này là cơ sở cho việc đề ra các giải pháp hoàn thiện ở chương 3.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS và quan điểm hoàn thiện

3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Kiểm toán AACS

Sau gần 30 năm hình thành và phát triển, đến nay kiểm toán độc lập Việt Nam đã và đang khẳng định vai trò không thể thiếu của mình trong nền kinh tế thị trường, trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế - tài chính và đóng vai trò tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhất là trong những năm gần đây, khi nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều bước chuyển mình ấn tượng với vô số doanh nghiệp mọc lên trên nhiều loại hình khác nhau tạo nên một nền kinh tế đầy màu sắc, đa dạng, phong phú nhưng cũng không kém phần phức tạp.

Cùng với đó, thị trường kiểm toán cũng trở nên náo nhiệt hơn, cạnh tranh gay gắt hơn với sự xuất hiện của vô số cái tên mới nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết về công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, lợi ích của chủ sở hữu vốn, các chủ nợ cũng như lợi ích và yêu cầu của Nhà nước. Điều này đã tạo cho AACS không ít thử thách, khó khăn và không ngừng hoàn thiện hoạt động kiểm toán của mình nói chung và hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính nói riêng.

Thực tế, việc kết luận mỗi khoản mục trên báo cáo tài chính nắm giữ vai trò rất quan trọng và có ảnh hưởng nhất định đến kết luận kiểm toán. Một trong những khoản mục đó phải kể đến tài sản cố định và chi phí khấu hao. Bởi lẽ, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ lệ khá lớn trên giá trị tổng tài sản của công ty, trong khi đó chi phí khấu hao lại TSCĐ là một khoản mục mang tính chất ước tính kế toán nên những sai phạm liên quan đến chúng thường có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Chính vì vậy, việc đưa ra kết luận đối với khoản mục này có ảnh hưởng rất lớn đến kết luận của cuộc kiểm toán khiến kiểm toán viên phải đặc biệt quan tâm. Do đó việc hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao là rất cần thiết và góp phần rất lớn trong việc thực hiện định hướng chiến lược phát triển dài hạn, ban lãnh đạo AACS chủ trương tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ về kiểm toán, tư vấn, tiếp tục thực hiện tốt phương châm mà công ty đã đề ra “Duy trì

chất lượng ngay trong mỗi phần việc dù nhỏ nhất và niềm tự hào trong mỗi nhân viên vì được là thành viên của công ty là những điều chúng ta cần luôn giữ”.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động kiểm toán ngày nay, Công ty TNHH Kiểm toán AACS cũng đã đặt ra một số định hướng phát triển như sau:

- Thứ nhất, Công ty đang trên quá trình phấn đấu đến năm 2022 sẽ trở thành một công ty kiểm toán các khách hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (hay nói cách khác là công ty kiểm toán niêm yết). Ngày càng nâng cao vị thế của Công ty tại Việt Nam, cũng như khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế.

- Thứ hai, hiện tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã và đang hoạt động mạnh ở khu vực Miền Bắc và Miền Nam, chưa thâm nhập mạnh vào thị trường kiểm toán ở Miền Trung. Gần đây, các tỉnh khu vực Miền Trung đang phát triển mạnh mẽ, thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư. Vì vậy, trong ngắn hạn Công ty có định hướng mở rộng thị phần hoạt động tại khu vực Miền Trung bằng cách đặt các chi nhánh và văn phòng đại diện tại một số tỉnh của khu vực này.

- Thứ ba, hướng đến xây dựng hệ thống đội ngũ nhân viên chất lượng cao. Không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng thực tế cho nhân viên bằng cách ngày càng có nhiều nhân viên đạt các chứng chỉ hành nghề kiểm toán (CPA) hoặc các chứng chỉ quốc tế như ACCA, CMA, CIA, CFA,...

- Thứ tư, không ngừng nâng cao và xây dựng chương trình kiểm toán ngày càng chặt chẽ phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo các quy định của chương trình kiểm toán mẫu do Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam ban hành, phù hợp với tình hình thực tế tại công ty khách hàng. Từ đó, nâng cao được số lượng và chất lượng của các cuộc kiểm toán.

3.1.2. Quan điểm hoàn thiện

Để các giải pháp thực sự hiệu quả, có tính ứng dụng cao đối với hoạt động kiểm toán khoản mục tài sản cố định thì quan điểm hoàn thiện của tác giả dựa trên các quan điểm sau:

- Thứ nhất, các giải pháp đề ra phải phù hợp với các quy định của Luật, Thông tư, Nghị định, Chuẩn mực kế toán – kiểm toán về khoản mục tài sản cố định,... cũng như đặc điểm hoạt động tại Công ty, mức độ hiện đại của công nghệ thông tin ngành Kế toán – Kiểm toán, nguồn nhân lực và trình độ của đội ngũ nhân viên tại Công ty, để đảm bảo tính khả thi của các giải pháp.

- Thứ hai, các giải pháp hướng đến việc nhận dạng rủi ro và những bất thường trong hoạt động kiểm toán khoản mục tài sản cố định nói riêng và kiểm toán BCTC nói chung, để từ đó có những biện pháp, thủ tục kiểm soát, soát xét và thường xuyên đánh giá chất lượng để phòng ngừa rủi ro.

- Thứ ba, các giải pháp được xây dựng trên cơ sở có cân nhắc, kế thừa kinh nghiệm của những kiểm toán viên hành nghề lâu năm, có kinh nghiệm kiểm toán khoản mục tài sản cố định. Hoặc có thể tham khảo chương trình kiểm toán của các công ty kiểm toán có uy tín như big 4 hoặc các công ty kiểm toán niêm yết.

- Thứ tư, các giải pháp cần được tiến hành đồng bộ để hỗ trợ lẫn nhau trong từng bước thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn chuẩn bị kiểm toán khoản mục tài sản cố định

➤ Mở rộng kênh tìm hiểu thông tin khách hàng

Trong quá trình kiểm toán, KTV cần mở rộng thu thập nhiều thông tin cơ bản về khách hàng ABC, tạo cơ sở chắc chắn, tin cậy hơn cho việc đưa ra những nhận xét ban đầu chính xác nhất có thể, từ đó xây dựng định hướng kế hoạch kiểm toán đúng đắn nhất. Cụ thể, kiểm toán viên có thể sử dụng nhiều phương pháp để tìm hiểu khách hàng ABC chi tiết nhất có thể như:

- Trước hết, hiện nay mạng thông tin đại chúng rất phát triển. Do đó, KTV có thể tìm hiểu thông tin khách hàng qua phương tiện đại chúng: Internet, Tivi, Facebook, Tạp chí, Báo,...

- Tiếp theo đó là tìm hiểu qua đối tác của doanh nghiệp, khách hàng của doanh nghiệp.

- Cuối cùng là tìm hiểu qua ngân hàng mà doanh nghiệp đã mở tài khoản.

Tuy nhiên, về việc bí mật thông tin cũng như bị giới hạn về thời gian của cuộc kiểm toán thì thực tế rất khó để áp dụng tất cả các giải pháp nói trên vào một cuộc kiểm toán.

➤ Hoàn thiện thủ tục đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về tài sản cố định

Tại Công ty TNHH Kiểm toán AACS, các KTV thực hiện tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định của khách hàng thông qua bảng

câu hỏi. Nhưng nội dung của các bảng câu hỏi này thường không đầy đủ và chủ yếu là tìm hiểu về các chính sách kế toán mà đơn vị đang áp dụng với tài sản cố định hơn là xem xét các thủ tục kiểm soát mà đơn vị thực hiện với khoản mục này và áp dụng bảng câu hỏi này hầu như cho tất cả các khách hàng, trong khi đó các khách hàng hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Do đó, Công ty AACS có thể thiết kế bổ sung bảng câu hỏi theo hướng tìm hiểu sâu hơn về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tài sản cố định của công ty khách hàng.

Bảng 3.1: Bảng câu hỏi bổ sung đánh giá kiểm soát nội bộ về tài sản cố định

Câu hỏi	Có	Không	Không áp dụng	Chú thích
1. Chi phí khấu hao tài sản cố định có được tính theo quy định hiện hành?				
2. Phương pháp tính khấu hao có được áp dụng hợp lý và nhất quán hay không?				
3. Khấu hao tài sản cố định được tính bằng hệ thống phần mềm hay do nhân viên tính thủ công?				
4. Nếu khấu hao tài sản cố định được tính bằng phần mềm thì đó là phần mềm gì?				
5. Hệ thống thẻ tài sản cố định có được duy trì và cập nhật kịp thời không?				
6. Việc mua sắm tài sản cố định có phải lập kế hoạch trước hàng năm không?				
7. Các công việc quyết định mua sắm, ghi chép, quản lý và sử dụng tài sản cố định có được tách biệt hay không?				
8. Các quy định về mua sắm, quản lý tài sản cố định có được công ty ban hành				

thành các quy định không?				
9. Tài sản cố định khi mua về có bắt buộc phải được kiểm tra và lập biên bản nghiệm thu trước khi giao cho bộ phận sử dụng và thanh toán không?				
10. Tài sản cố định có được mô tả đầy đủ thông tin trong thẻ tài sản cố định và thuận tiện cho việc dễ dàng nhận biết ở bên ngoài không?				
11. Tài sản cố định có được đánh mã số quản lý riêng để dễ dàng đối chiếu giữa ghi chép trên sổ và ngoài thực tế không?				
12. Khách hàng có văn bản quy định về trách nhiệm của người vận hành, sử dụng những tài sản cố định có giá trị lớn, quan trọng hoặc yêu cầu trình độ kỹ thuật nghiêm ngặt không? Ví dụ: dây chuyền công nghệ sản xuất,...				
13. Tài sản cố định khi di chuyển ra ngoài công ty có được theo dõi và có bắt buộc phải có sự đồng ý, phê duyệt bằng văn bản của cấp lãnh đạo có thẩm quyền trong đơn vị hay không?				
14. Đơn vị có mang tài sản cố định đi thế chấp vay vốn không?				
15. Những tài sản cố định đang thế chấp, cầm cố nhằm đảm bảo các khoản vay có được ghi nhận chéo để theo dõi riêng không?				
16. Công ty có bộ phận chuyên trách xử lý vấn đề khi tài sản cố định hư hỏng				

không?				
17. Các nhân viên có được phép tự ý sửa chữa tài sản cố định khi có sự cố xảy ra mà không cần xin phép cấp lãnh đạo hay không?				
18. Có phải các sự cố hư hỏng tài sản cố định đều được ghi lại thành biên bản và lưu giữ lại không?				
19. Các tài sản cố định chưa cần dùng có được bảo quản riêng trong kho để đảm bảo chúng không bị hư hại không?				
20. Tất cả tài sản cố định chờ thanh lý hoặc chưa sử dụng có được theo dõi và quản lý riêng không?				
21. Công ty có quy định về thanh lý tài sản cố định hay không?				
22. Các tài sản cố định khi thanh lý có thông qua sự phê duyệt của cấp lãnh đạo không?				
23. Công ty có quy định kiểm kê tài sản cố định ít nhất 1 lần trong năm hay không?				
24. Kế hoạch, hướng dẫn cũng như quá trình kiểm kê tài sản cố định có được lập thành văn bản và gửi trước cho các bộ phận, nhân sự tham gia kiểm kê hay không?				
25. Công ty có tham gia bảo hiểm cho hay không? Nếu có thì ghi rõ tỷ lệ giá trị tài sản được đăng ký bảo hiểm là bao nhiêu %?				

26. Công ty có tiến hành theo dõi, ghi chép đối với tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang tiếp tục sử dụng hay không?				
27. Đơn vị có tài sản cố định thuê không?				

Bên cạnh những câu hỏi chung cho toàn bộ tài sản cố định và chi phí khấu hao tài sản cố định như trên thì KTV cũng nên đưa ra thêm những câu hỏi mang tính đặc thù đối với mỗi khác hàng riêng biệt tùy vào loại hình kinh doanh, tính chất hoạt động. Ví dụ đối với Công ty ABC, một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vải các loại thì tài sản cố định khá nhiều, chủ yếu là nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và quản lý, KTV có thể đưa ra thêm các câu hỏi như sau:

Bảng 3.2: Bảng câu hỏi mở rộng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty ABC

Câu hỏi	Có	Không	Không áp dụng	Chú thích
1. Đơn vị có thực hiện phân công trách nhiệm đối với việc quản lý tài sản cố định tại các phân xưởng sản xuất hay không?				
2. Việc bảo dưỡng tài sản cố định tại các phân xưởng sản xuất có được thực hiện định kỳ không?				
3. Có sổ theo dõi khấu hao chi tiết tài sản cố định đang sử dụng tại các phân xưởng không?				

Ngoài ra, để kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về tài sản cố định và chi phí khấu hao, KTV có thể bổ sung phương pháp lưu đồ, bảng tường thuật hoặc đặt ra những câu hỏi dưới dạng mở như:

- Thủ tục mua mới, quy trình phê duyệt để mua sắm tài sản cố định được thực hiện như thế nào?

- Bộ phận nào chịu trách nhiệm chính, thủ tục, cho việc thanh lý tài sản cố định cụ thể được diễn ra như thế nào?

- Công ty tiến hành bảo quản tài sản cố định về cả hiện vật và giá trị ra sao. Nếu có tổn thất thì bộ phận nào chịu trách nhiệm và hướng xử lý như thế nào?

- Các loại máy móc, thiết bị được tính khấu hao theo phương pháp nào?

- Tài sản cố định nào đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng hay chờ thanh lý hay không?

Sau khi thu thập được toàn bộ đáp án cho hệ thống câu hỏi KTV sẽ tổng hợp để đưa ra kết luận về hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ về khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên chỉ dựa vào phỏng vấn thôi vẫn chưa đủ, KTV có thể tham gia quan sát thực tế tài sản cố định của khách hàng hoặc kiểm tra chứng từ sổ sách liên quan đến tài sản cố định, cũng như bổ sung thủ tục Walk – Through text để đảm bảo rằng kết luận của mình là phù hợp.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định

➤ Gia tăng thủ tục phân tích

Trong quá trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định, thủ tục phân tích giúp KTV đánh giá tính hợp lý chung cũng như xu hướng biến động tăng, giảm tài sản cố định của doanh nghiệp. Thực tế khi kiểm toán khoản mục tài sản cố định của Công ty ABC, Công ty AACS còn vận dụng khá hạn chế và đơn giản cũng như chưa phát huy được hiệu quả của thủ tục phân tích như chỉ đánh giá tài sản cố định qua thủ tục phân tích biến động, xu hướng, cũng như so sánh tỷ số tài sản cố định trên tổng tài sản. Để nâng cao chất lượng kiểm toán, đặc biệt là những công ty có quy mô như ABC, Công ty AACS có thể thực hiện thêm một số chỉ tiêu phân tích sau:

- Phân tích tỷ trọng từng loại tài sản cố định: Thông qua phân tích chỉ tiêu tỷ trọng từng loại tài sản cố định có thể giúp KTV xác định loại tài sản cố định có tỷ trọng lớn nhằm thu thập bằng chứng đầy đủ, thích hợp thông qua việc mở rộng thực hiện các thử nghiệm chi tiết và xem xét tính hợp lý trong kết cấu của từng loại tài sản. Đồng thời thủ tục phân tích này còn là căn cứ giúp KTV đánh giá được tình hình biến

động của từng loại tài sản cố định có thật sự phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khách hàng. Minh họa cụ thể tại Công ty ABC:

Bảng 3.3: Phân tích tỷ trọng từng loại tài sản cố định hữu hình của Công ty ABC năm 2021

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm	
	Giá trị (Đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Đồng)	Tỷ trọng (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.070.381.529	52,59%	29.070.381.529	51,48%
Máy móc, thiết bị	18.496.646.401	33,46%	19.650.441.401	34,80%
Phương tiện vận tải	2.078.572.819	3,76%	2.078.572.819	3,68%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	711.321.153	1,29%	744.757.153	1,32%
Tài sản cố định hữu hình khác	4.923.780.552	8,91%	4.923.780.552	8,72%
Tổng cộng	55.280.702.454	100%	56.467.933.454	100%

Nhận xét: So với đầu năm, tổng giá trị tài sản cố định hữu hình cuối năm có tăng nhưng không đáng kể. Trong năm 2021, tài sản cố định hữu hình chủ yếu của đơn vị là nhà cửa, vật kiến trúc, tiếp đến là máy móc, thiết bị, sau đó là thiết bị dụng cụ quản lý và những loại tài sản cố định này đều có biến động nhẹ về nguyên giá. Qua bảng cơ cấu trên ta cũng nhận thấy nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác không thay đổi về nguyên giá trong năm 2021 vì vậy KTV sẽ ưu tiên kiểm tra các nghiệp vụ tăng, giảm của máy móc thiết bị và thiết bị, dụng cụ quản lý để giới hạn phạm vi và thời gian kiểm toán, tập trung vào những biến động bất thường so với năm 2020.

- Phân tích hiệu suất sử dụng tài sản cố định: Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng tài sản cố định là tỷ số giữa doanh thu với tổng nguyên giá tài sản cố định. Tỷ số này là mối liên hệ giữa giá trị sổ sách với mức độ hoạt động của tài sản cố định hiện có vì nó phản ánh khả năng tạo ra sản phẩm (năng suất),... và mục đích cuối cùng của công đoạn này là tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Ta có thể xem xét ví dụ minh họa tại Công ty ABC ở Bảng 3.4.

Nhận xét: : Qua bảng phân tích trên ta thấy chỉ tiêu hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty ABC cuối năm giảm nhẹ so với đầu năm 2021. Qua đó, KTV cần tập trung sự chú ý vào các nghiệp vụ tăng tài sản cố định trong năm, đồng thời xem xét xem có phát sinh nghiệp vụ thanh lý tài sản cố định nào hay không?

Bảng 3.4: Phân tích hiệu suất sử dụng của tài sản cố định tại Công ty ABC năm 2021

Chỉ tiêu	Đầu năm (Đồng)	Cuối năm (Đồng)
Nguyên giá tài sản cố định	55.280.702.454	56.467.933.454
Doanh thu	229.179.226.004	214.310.560.486
Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	4,15	3,80

- Các giải pháp khác:

+ Đối với thủ tục phân tích công ty không chỉ thực hiện việc phân tích biến động số dư năm nay so với năm trước, biến động phát sinh từng tháng mà còn thực hiện các thủ tục như phân tích các chỉ số tài chính, phân tích các xu hướng cụ thể, so sánh với các chỉ tiêu trung bình ngành để có sự đánh giá chi tiết hơn mang lại hiệu quả cho cuộc kiểm toán.

+ Ngoài những giải pháp trong thủ tục phân tích ở trên, Công ty có thể xây dựng sẵn những bảng biểu phân tích, tính toán hoặc nếu những bảng biểu phân tích được xây dựng cho phù hợp với từng KTV thì KTV đó phải đảm bảo có thuyết minh về phương pháp phân tích, các tính toán, các giả thiết, những giải thích cho những sai lệch trọng yếu và cả nguồn thông tin làm cơ sở cho việc phân tích.

+ Bên cạnh đó, trong quá trình kiểm toán chi phí khấu hao tài sản cố định, KTV đã gặp không ít khó khăn khi khách hàng không truy suất được dữ liệu bảng tính khấu hao hoặc chỉ cung cấp bảng tính khấu hao bằng bản cứng. Lúc này, KTV thường phải tính toán lại mức khấu hao của tất cả tài sản cố định rồi đối chiếu với sổ sách của đơn vị. Thủ tục này mang lại tính chính xác cao nhưng sẽ mất rất nhiều thời gian nếu quy mô công ty khách hàng quá lớn trong khi thời gian kiểm toán rất hạn chế. Để khắc phục hạn chế này, KTV có thể sử dụng phương pháp ước tính chi phí khấu hao bình quân năm để thay thế.

➤ *Hoàn thiện thủ tục kiểm kê tài sản cố định*

Công ty cần xây dựng bổ sung chương trình kiểm kê tài sản cố định sao cho chặt chẽ và hạn chế thấp nhất mức độ rủi ro cũng như nâng cao chất lượng ý kiểm toán tài sản cố định. Thêm vào đó, các phòng kiểm toán phải sắp xếp thời gian phù hợp để có thể tham gia trực tiếp kiểm kê tài sản cố định cùng khách hàng. Nếu kiểm toán viên không thể tham gia kiểm kê như lịch hẹn thì có thể chọn mẫu kiểm kê ngay tại thời

điểm kiểm toán, vì tài sản cố định ít dịch chuyển, những nghiệp vụ tăng thêm hay giảm bớt đều có thể dễ dàng kiểm tra, đối chiếu qua sổ sách, từ đó kiểm tra ngược lại thời điểm kết thúc niên độ. Trường hợp xấu nhất, kiểm toán viên không thể tham gia tất cả các cuộc kiểm kê tài sản cố định thì có thể tiến hành phỏng vấn đơn vị về quá trình kiểm kê tài sản cố định. Chẳng hạn: phỏng vấn xem đơn vị có lập văn bản hướng dẫn kiểm kê tài sản cố định hay không, nếu có thì kiểm tra xem trên văn bản có phân công trách nhiệm rõ ràng hay không, có được chuyển đến cho người phụ trách kiểm kê hay không.

➤ *Hoàn thiện phương pháp chọn mẫu kiểm toán*

Thông thường, Công ty thực hiện chọn mẫu kiểm toán theo phương pháp dựa vào các biến động bất thường như lớn, lạ và lâu. Hoặc chọn mẫu theo nghiệp vụ đối ứng trên sổ chi tiết, chọn mẫu theo khối lượng, giá trị, chọn mẫu theo phán đoán của kiểm toán viên, ưu tiên chọn mẫu kiểm tra những nghiệp vụ phát sinh với giá trị lớn, hay phát sinh vào cuối niên độ kế toán. Nhược điểm của các phương pháp này là các mẫu chọn ra bị phụ thuộc quá nhiều vào ý kiến chủ quan của kiểm toán viên, đối với khách hàng quen thuộc thì đây còn là cơ hội để nhân viên che giấu sai phạm vào những nghiệp vụ còn lại. Và chỉ dừng lại ở đó thì thường có thể bỏ qua các sai sót trọng yếu trong quá trình thực hiện kiểm toán. Do đó, trước hết cần phải nắm rõ chọn mẫu kiểm toán là gì, phương pháp tiến hành chọn mẫu trong kiểm toán? Theo Đoạn 05 Chuẩn mực kiểm toán số 530 – Lấy mẫu kiểm toán: “Chọn mẫu kiểm toán là việc áp dụng các thủ tục kiểm toán trên số phần tử ít hơn 100% tổng số phần tử của một tổng thể kiểm toán sao cho tất cả các đơn vị lấy mẫu đều có cơ hội được lựa chọn nhằm cung cấp cho kiểm toán viên cơ sở hợp lý để đưa ra kết luận về toàn bộ tổng thể”. Và chọn mẫu có thể áp dụng 2 phương pháp: chọn mẫu thống kê và chọn mẫu phi thống kê. Cụ thể như sau:

- Phương pháp chọn mẫu thống kê: Là phương pháp lấy mẫu mà các phần tử được lựa chọn ngẫu nhiên vào mẫu và sử dụng lý thuyết xác suất thống kê để đánh giá kết quả mẫu, bao gồm cả việc định lượng rủi ro lấy mẫu.

- Chọn mẫu phi thống kê: Là phương pháp lấy mẫu không có các đặc điểm nêu trên.

Vì vậy, để có thể chọn được những mẫu kiểm toán đại diện làm căn cứ khách quan cho cuộc kiểm toán thì công ty nên sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau như:

- Công ty có thể kết hợp giữa chọn mẫu theo kinh nghiệm của KTV và chọn mẫu ngẫu nhiên. Như vậy có thể sẽ không bỏ qua những phần tử mà KTV nghi ngờ có dấu hiệu bất thường và tiềm ẩn rủi ro sai phạm cao nhưng bên cạnh đó sẽ làm tăng chi phí và mất khá nhiều thời gian. Công ty cần cân nhắc giữa lợi ích và chi phí khi thực hiện giải pháp này.

- Bên cạnh đó, công ty có thể sử dụng các phần mềm chọn mẫu ví dụ như phần mềm Visual Basic,... Đây là phần mềm hỗ trợ chọn mẫu ngẫu nhiên qua máy tính và sẽ giúp kiểm toán viên tiết kiệm được rất nhiều thời gian cũng như giảm bớt các sai sót trong quá trình chọn mẫu.. Cách này có ưu điểm là mang lại tính xác suất cao, kết quả khách quan đồng thời giúp cho việc công nghệ hóa kiểm toán. Song nó còn hỗ trợ tích cực trong quá trình tính toán của kiểm toán viên thêm chính xác hơn, tốc độ hơn. Tuy nhiên, cũng cần phải có sự kết hợp với cả kinh nghiệm đánh giá của kiểm toán viên thì hiệu quả chọn mẫu mới thật sự cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn kết thúc kiểm toán khoản mục tài sản cố định

➤ Hoàn thiện quá trình soát xét báo cáo kiểm toán

Như đã nêu ở phần hạn chế ở trên, công việc soát xét báo cáo kiểm toán bởi 2 KTV thuộc 2 phòng kiểm toán khác nhau có thể mang đến kết quả khách quan hơn nhưng nó cũng mang đến nhiều hiệu lằm trong nội bộ nhất là khi các giấy tờ làm việc kiểm toán chưa được thống nhất trong toàn bộ công ty, tùy theo xét đoán chuyên môn của mỗi người. Do đó, khi các giấy tờ làm việc được thống nhất thì cũng góp phần khắc phục được hạn chế của việc soát xét này. Bên cạnh đó, cần thảo luận chung để đưa ra các quyết định cuối cùng và hướng đến báo cáo kiểm toán đạt chất lượng cao.

➤ Hoàn thiện quá trình lưu trữ hồ sơ kiểm toán

Công ty có thể đề ra những quy định chung về việc lưu file giấy tờ làm việc, chứng từ kiểm toán cũng như hồ sơ kiểm toán phù hợp hơn, có thể phân loại hồ sơ theo loại hình kinh doanh hoặc theo hệ số mã hóa để lưu nhằm tránh thất lạc và mất thời gian tìm kiếm cho những năm kiểm toán sau.

Song song với đó, Ban Giám đốc và các Trưởng phòng kiểm toán nên thống nhất các biểu mẫu giấy tờ làm việc tạo điều kiện cho các kiểm toán viên thực hiện, kiểm tra, lưu trữ và trao đổi các vấn đề kiểm toán với nhau giữa các phòng, cũng như khắc phục hạn chế của việc soát xét báo cáo kiểm toán bởi 2 kiểm toán viên.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện khác

➤ Đầu tư phần mềm kiểm toán:

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin như hiện nay, việc áp dụng phần mềm hỗ trợ kiểm toán sẽ góp phần giảm bớt gánh nặng công việc rất lớn cho kiểm toán viên, điều này đồng nghĩa kiểm toán viên sẽ có nhiều thời gian hơn để đi sâu thực hiện nhiều thử nghiệm kiểm toán nhằm thu thập đầy đủ nhất những bằng chứng kiểm toán góp phần nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán. Đặc biệt, trong những trường hợp khẩn cấp như “Đại dịch COVID 19” buộc phải cách ly toàn xã hội dẫn đến quá trình làm việc của kiểm toán viên gặp nhiều trở ngại, vốn đã áp lực nay lại càng áp lực hơn. Lúc này phần mềm hỗ trợ kiểm toán thật sự trở thành một trợ thủ đắc lực cho kiểm toán viên. Ngoài ra việc ứng dụng phần mềm vào quá trình kiểm toán còn chứng tỏ được sự chuyên môn nghề nghiệp, hiện đại trong kỹ năng nghề nghiệp, góp phần nâng cao sự tín nhiệm của khách hàng dành cho công ty. Phần mềm Visual Basic hỗ trợ chọn mẫu kiểm toán là một điển hình. Phần mềm kiểm toán như CAATTs, ACL, IDEA,...

➤ Cập nhật kiến thức, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và số lượng của nguồn nhân lực:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Hiện nay, đội ngũ nhân viên của Công ty TNHH Kiểm toán AACS phần lớn là những nhân viên trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, hàng năm công ty có thể tổ chức thêm các buổi tập huấn về những thay đổi của các Thông tư, Nghị định mới,... cũng như tổ chức các đợt thi để đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV. Hoặc Công ty có thể xem xét đến việc tài trợ kinh phí cho các nhân viên tham gia thi chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề (CPA) tạo điều kiện nâng cao chất lượng cũng như uy tín nghề nghiệp của Công ty. Hơn nữa, Công ty cũng cần tạo điều kiện cho những nhân viên có năng lực tốt tham gia các lớp học đào tạo chuyên môn kiểm toán ở nước ngoài. Thêm vào đó, việc khuyến khích nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng anh chuyên ngành kế toán – kiểm toán cũng là một đòn bẩy hữu hiệu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của

Công ty, bởi vì hơn 80% hợp đồng kiểm toán của Công ty là các doanh nghiệp nước ngoài.

- Nâng cao số lượng nguồn nhân lực: Công ty nên tuyển dụng thêm nhân viên hàng năm để đáp ứng nhu cầu cũng như khối lượng công việc nhất là vào những tháng cao điểm. Nhưng không phải vì sự thiếu hụt này mà công ty thực hiện tuyển người hàng loạt, những ứng viên tuyển vào công ty phải được chọn lọc kỹ càng thông qua phỏng vấn cũng như những bài kiểm tra chuyên môn hay kiểm tra kiến thức chung, tránh tuyển dụng nhân viên không đạt chất lượng ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ kiểm toán của công ty. Do vậy mặc dù đang trong tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực nhưng công ty vẫn phải thắt chặt chất lượng tuyển dụng, yêu cầu không những giỏi về về chuyên môn mà còn có tầm hiểu biết rộng, có khả năng quan sát tốt, phong cách của một KTV chuyên nghiệp, đặc biệt yếu tố đạo đức nghề nghiệp luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong công tác tuyển dụng. Tuy nhiên, trong thời buổi hiện nay để thu hút được nhân tài thì bên cạnh môi trường làm việc, công ty cũng cần xây dựng một chế độ lương thưởng minh bạch, dân chủ trong các mối quan hệ lợi ích. Điều này tạo động lực cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó với sự phát triển lâu dài của Công ty.

3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.3.1. Về phía Bộ Tài chính

Pháp luật là một trong những yếu tố cần thiết cho ngành Kiểm toán độc lập Việt Nam phát triển. Do vậy, việc hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của các doanh nghiệp nói chung và của các công ty kiểm toán nói riêng là hết sức cần thiết. Những giải pháp cơ bản về hoàn thiện môi trường pháp lý được kiến nghị như sau:

- Trước hết, các cơ quan nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các quy định hiện hành liên quan đến kế toán, kiểm toán như các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, chế độ kế toán, luật kế toán,.. và các quy định khác. Đồng thời, cần tiếp cận gần hơn các chuẩn mực quốc tế và bổ sung các nghiệp vụ kinh tế chưa được đề cập trong các quy định trước đây, nhằm giảm thiểu những tranh luận và xử lý kế toán không nhất quán tại các doanh nghiệp, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên trong quá trình thực hiện kiểm toán và nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán cũng như báo cáo tài chính của các doanh nghiệp.

- Tiếp đến, cần rà soát lại để sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các doanh nghiệp. Thông qua việc tạo môi trường đầu tư thông thoáng, các doanh nghiệp sẽ tiếp tục ra đời, phát triển. Đây là nguồn khách hàng tiềm năng cho ngành Kiểm toán độc lập.

- Sau đó, cần ban hành các chính sách ưu đãi về thuế nhằm khuyến khích các công ty kiểm toán mở rộng các chi nhánh nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm toán của nhiều doanh nghiệp như hiện nay.

Song song với quá trình hoàn thiện pháp lý, cần mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới về lĩnh vực Kiểm toán độc lập nhằm nghiên cứu, học tập cũng như chia sẻ kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực này hiệu quả hơn.

Đồng thời, Bộ tài chính cũng cần đề ra những chính sách kích cầu kiểm toán bằng cách tăng thêm đối tượng các doanh nghiệp bắt buộc phải kiểm toán hằng năm đối với những công ty có quy mô lớn về vốn hoặc về doanh thu,...

Ngoài ra, cùng với sự phát triển của thời đại tin học hóa, hoạt động kế toán - kiểm toán cũng dần được cơ giới hóa và hiện đại hóa. Như vậy việc hoàn thiện hệ thống kế toán, kiểm toán, ban hành các văn bản pháp luật, biên soạn quy trình nghiệp vụ, tổ chức bộ máy kế toán phải hướng tới kế toán trên máy vi tính, kế toán sử dụng thống nhất các phần mềm chuẩn để mang lại lợi ích cao nhất cho điều hành quản lý kế toán và kiểm toán. Bộ Tài chính cần có những chính sách nhằm khuyến khích các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm hỗ trợ kiểm toán, kế toán.

3.3.2. Về phía Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam

Thứ nhất, đề ra những chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển và nâng cao đào tạo các chuyên gia kiểm toán, kế toán, đây là những cán bộ nòng cốt để hoạch định chính sách kế toán và trong vận hành bộ máy kiểm tra, kiểm toán. Bên cạnh đào tạo theo chương trình chuẩn, chính quy thì cũng phải có chương trình đào tạo bổ sung cập nhật kiến thức, thông tin mới về kế toán, kiểm toán cho họ. Vấn đề đào tạo cần chú ý đến đặc thù của nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đó là đạo đức nghề nghiệp, giỏi về chuyên môn nhưng phải trung thực, vô tư, khách quan. Như vậy đòi hỏi phải thường xuyên trau dồi nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp trong sáng.

Thứ hai, nghiên cứu, soạn thảo, ban hành nội dung đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao trình độ kiểm toán viên trong thời gian tới.

Thứ ba, xây dựng những tiêu chuẩn đánh giá Kiểm toán viên độc lập và đề ra chính sách khen thưởng cho những cá nhân tiêu biểu hàng năm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trong ngành cũng như tạo động lực phát triển ngành của các Kiểm toán viên.

Sau cùng, tăng cường hợp tác với các Hiệp hội có uy tín trên thế giới trong lĩnh vực Kiểm toán như: Hội Kế toán viên công chứng Anh Quốc, Hoa Kỳ,...

3.3.3. Về phía Công ty TNHH Kiểm toán AACS

Để ngày càng phát triển trong khi sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty kiểm toán cũng ngày càng cao thì bản thân Công ty TNHH Kiểm toán AACS cũng không thể không cần đến sự hợp tác của các công ty trong nghề. Nếu được, các công ty kiểm toán khác cùng hỗ trợ, liên kết, hợp tác với nhau thì hiệu quả kinh doanh sẽ còn cao hơn. Hơn thế nữa, sự hợp tác sẽ tạo ra sức mạnh để tránh sự cạnh tranh của các công ty đối thủ.

Nếu các công ty kiểm toán cũng hoạt động và cạnh tranh nhưng cạnh tranh một cách lành mạnh thì bản thân công ty AACS nói riêng và các công ty kiểm toán nói chung mới có thể cùng nhau tồn tại và phát triển.

Các KTV là người trực tiếp thực hiện quy trình kiểm toán nên yếu tố bản thân KTV sẽ ảnh hưởng trực tiếp nhất đến kết quả công việc hoàn thành. Thông thường, dựa trên tinh thần chỉ đạo và quy trình kiểm toán đã được xây dựng sẵn, KTV sẽ linh hoạt, sáng tạo áp dụng vào trong công việc của mình, kết hợp với việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hay quốc tế để KTV đưa ra kết luận kiểm toán. Tuy nhiên để thực hiện công việc một cách suýt sác, đưa ra kết luận xác thực, chất lượng nhất, ngoài việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, KTV cũng luôn phải luôn trau dồi kiến thức, kinh nghiệm và tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương này trình bày một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán báo cáo tài chính nói chung và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định nói riêng. Cụ thể, người đọc có thể hiểu và nắm được về tầm quan trọng của Kiểm toán độc lập ngày nay, định hướng phát triển, cũng như về các quan điểm hoàn thiện về Công ty TNHH Kiểm toán AACS và các giải pháp để hoàn thiện hơn, phát triển hơn về các giai đoạn kiểm toán bao gồm: giải pháp hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch, giai đoạn thực hiện kiểm toán, và cuối cùng là giai đoạn kết thúc kiểm toán. Không chỉ dừng lại ở đó, trong chương 3 còn đề cập vấn đề kiến nghị đối với Cơ quan Nhà nước như: Bộ Tài chính, Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Để các nhà đầu tư có được sự lựa chọn đầu tư kinh doanh đúng đắn thì cần phải hiểu rõ tình hình kinh doanh của các đối tác. Do đó, hoạt động kiểm toán BCTC là một hoạt động vô cùng quan trọng. Chính vì thế nên sự cạnh tranh cùng ngành nghề ngày càng gay gắt, các công ty kiểm toán ngày một xuất hiện dày đặc, để đảm bảo cho các khách hàng kiểm toán cũ của công ty có thể quay lại để nhờ đến kiểm toán thì các công ty trong hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán phải ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty mình.

Công ty TNHH Kiểm toán AACS hiểu rõ được tình hình trên nên đã tận dụng và ngày càng phát huy những điểm mạnh của mình. Tuy nhiên, vẫn không thể nào tránh khỏi những hạn chế. Nhưng trải qua nhiều lần kiểm toán, công ty ngày càng khắc phục được những điểm yếu trong quy trình kiểm toán để ngày một hoàn thiện và lấy được lòng tin của khách hàng, minh chứng là sau hơn 5 năm hoạt động công ty đã ngày càng ký kết được nhiều hợp đồng kiểm toán, mở rộng qui mô kinh doanh, phần đầu vươn lên dần khẳng định tên tuổi mình để có chỗ đứng nhất định trên thị trường kinh doanh loại hình dịch vụ này. Trong suốt quá trình hoạt động đó công ty đã gặp không ít khó khăn, nhưng bù lại tính đến thời điểm này công ty cũng đã đạt được không ít những thành công đáng kể, đó chính là nhờ sự nỗ lực và quyết tâm của toàn thể nhân viên trong công ty. Bằng uy tín của công ty và chất lượng dịch vụ mà công ty mang lại thì trong tương lai, nhóm sinh viên hy vọng cái tên Kiểm toán AACS sẽ có bước tiến vượt bậc, được mọi người an tâm đặt sự lựa chọn hợp tác lên hàng đầu.

Sau những ngày thực tế tìm hiểu công tác kiểm toán ở Công ty TNHH Kiểm toán AACS, sinh viên đã phần nào nắm bắt được thực trạng kiểm toán cho một doanh nghiệp với đề tài: “Quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định” do Công ty TNHH Kiểm toán AACS thực hiện đã giúp nhóm sinh viên hiểu sâu sắc hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý thuyết và thực tế nhằm bổ sung kiến thức được học trên ghế nhà trường.

Qua đề tài báo cáo của mình, em xin hi vọng nhận được ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô. Một lần nữa sinh viên xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định*, Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.
- [2] Bộ Tài chính (2016), *Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định*, Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.
- [3] Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- [4] Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 214/2012/TT-BTC hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2012.
- [5] Chính phủ (2018), *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP Quy định một số điều chi tiết của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 03 năm 2018.
- [6] Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, *Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2017.
- [7] Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Kiểm toán (Xuất bản lần thứ 8)*, Nhà xuất bản Lao động.
- [8] . Lê Thị Thanh Mỹ và cộng sự, *Kiểm toán căn bản*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2018.
- [9] Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, *Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính 1*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [10] Hồ Thị Thuý Hằng, *Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại Công ty TNHH Kiểm toán DKF Việt Nam*, Tài liệu chưa xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, 2019.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Chấp nhận, duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng

A120

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày kết thúc kỳ kế toán: 31/12/2021

Nội dung: **CHẤP NHẬN, DUY TRÌ KHÁCH HÀNG CŨ VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO HỢP ĐỒNG**

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	20/03/2021
Người soát xét 1	K.V.N	20/03/2021
Người soát xét 2	N.D.M	20/03/2021

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

2. Năm đầu tiên kiểm toán BCTC: 2019

3. Số năm DNKiT đã cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC cho khách hàng này: 2

4. Tên và chức danh của người liên lạc chính: Lee, Chien - Sheng

5. Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

6. Các thay đổi so với năm trước

	Chi tiết thay đổi
Loại hình DN	
Ngành nghề kinh doanh	
Giấy CNĐKDN/Giấy CNĐKKD/Giấy CNĐKĐT	
Vốn đầu tư/vốn điều lệ	
Các cổ đông, thành viên chính	
HĐQT	
BGD	
Các đơn vị trực thuộc	
Các công ty con	
Các công ty liên doanh, liên kết	
Nội dung giao dịch với các bên liên quan	
Các ngân hàng giao dịch (vay hoặc tài trợ vốn)	
Các sản phẩm và dịch vụ chính	

Vị thế trong ngành	
Các đối thủ cạnh tranh	
Luật sư tư vấn	
Bên cung cấp dịch vụ chuyên môn khác	
Các quy định pháp lý đặc thù liên quan đến hoạt động của DN	
Chính sách giá bán	
Thị trường chính	
Cách thức bán hàng (bán thu tiền ngay, trả chậm, bán qua đại lý, bán buôn, bán lẻ...)	
Các khách hàng chính	
Các hàng hoá, nguyên vật liệu, dịch vụ chủ yếu thường mua	
Phương thức mua hàng (nhập khẩu, trong nước...)	
Các nhà cung cấp chính	
Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng	
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	
Năm tài chính	
Chính sách kế toán	
Các chính sách kế toán đặc biệt	
Phần mềm kế toán	
Các quy trình/các quy định chính thức về KSNB	
Quy chế tài chính	
Quy chế hoạt động liên quan đến bán hàng, mua hàng, sản xuất (manual/SOP)	
Nhân sự phòng kế toán	
Các thay đổi đã xảy ra từ thời điểm năm tài chính trước hoặc dự định của khách hàng trong vòng 1 năm tới (ví dụ các giao dịch mua lại, sáp nhập, niêm yết...).	
Các thay đổi khác	

7. Các vấn đề lưu ý từ cuộc kiểm toán năm trước

- Không có lưu ý từ cuộc kiểm toán trước.

8. Các dịch vụ và báo cáo được yêu cầu là gì và ngày hoàn thành.

- Dịch vụ kiểm toán và báo cáo kiểm toán. Ngày hoàn thành là ngày 26 tháng 03 năm 2022

9. Mô tả tại sao DN muốn có BCTC được kiểm toán và các bên liên quan nào cần sử dụng BCTC đó.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên bắt buộc BCTC phải được kiểm toán. Bên liên quan cần sử dụng BCTC là cơ quan thuế.

II. XEM XÉT NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN HĐKIT, TÍNH CHÍNH TRỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN/KHÁCH HÀNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU KHÁC

	Có	Không	N/A	Ghi chú/ Mô tả
1. Năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện hợp đồng				
DNKiT có đầy đủ nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để tiếp tục duy trì quan hệ khách hàng và thực hiện hợp đồng không ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Xem xét tính độc lập và biện pháp đảm bảo tính độc lập của DNKiT và thành viên chủ chốt nhóm kiểm toán				
<i>(Tham chiếu sang mẫu A270 – Soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và biện pháp đảm bảo tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán)</i>				
<i>Lưu ý: Trong giai đoạn xem xét chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và HDKiT, các câu hỏi/nội dung trong biểu A270 cần xem xét ở cấp độ DNKiT và các thành viên chủ chốt, các thành viên khác dự kiến tham gia cuộc kiểm toán và phải thực hiện trước khi đưa ra quyết định có chấp nhận quan hệ khách hàng và HDKiT hay không.</i>				
3. Tính chính trực của đơn vị được kiểm toán và các vấn đề trọng yếu khác				
Có vấn đề trong việc nhận biết người chủ thực sự của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có thành viên nào trong BGD hoặc HĐQT/HĐTV có khả năng ảnh hưởng đến các vấn đề liên quan đến rủi ro kiểm toán không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có thông tin, tình huống hoặc vấn đề nào liên quan đến sự không tuân thủ pháp luật nghiêm trọng của các chủ sở hữu, BQT, BGD của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có những vấn đề bất lợi, kiện tụng, tranh chấp bất thường, các cuộc điều tra hoặc rủi ro trọng yếu liên quan đến các chủ sở hữu, BQT, BGD của khách hàng hoặc lĩnh vực hoạt động của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có vấn đề liên quan đến phương thức hoạt động hoặc kinh doanh của khách hàng đưa đến sự nghi ngờ về danh tiếng và tính chính trực không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có các tình huống hoặc sự kiện khác phát sinh trong quá trình làm việc dẫn tới nghi ngờ về tính chính trực của các chủ sở hữu, BQT, BGD của đơn vị không (như có các thông tin công bố mang tính tiêu cực; Thành viên BGD là nhân sự quản lý của các tổ chức chuyên môn không có danh tiếng tốt; Có mối quan hệ gần gũi với các cá nhân/DN đang bị nghi ngờ về mặt đạo đức,...) hoặc liên quan đến việc BGD vận dụng không phù hợp CMKT và không	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

	Có	Không	N/A	Ghi chú/ Mô tả
chế môi trường KSNB không?				
Danh tính và thông tin của các bên liên quan có dẫn tới nghi ngờ về tính chính trực của các chủ sở hữu, thành viên HĐQT/HĐTV, BGD của khách hàng không	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có dấu hiệu cho thấy khách hàng liên quan đến việc rửa tiền hoặc các hoạt động phạm tội không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Liệu khách hàng có quan tâm quá mức đến việc duy trì mức phí kiểm toán càng thấp càng tốt không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có dấu hiệu về sự hạn chế không phù hợp đối với phạm vi công việc của DNKiT hoặc BGD hoặc BQT đơn vị được kiểm toán có giới hạn phạm vi công việc của KTV (như thời hạn thực hiện cuộc kiểm toán là không khả thi, không chấp nhận một số nhân viên nhất định của DNKiT thực hiện công việc, từ chối việc tiếp cận với một cơ sở kinh doanh, với nhân sự chủ chốt hoặc các tài liệu liên quan) mà KTV và DNKiT cho rằng sự giới hạn này sẽ dẫn đến việc KTV từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có hoạt động trong môi trường pháp lý đặc biệt, hoạt động trong lĩnh vực suy thoái, giảm mạnh về lợi nhuận?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Khách hàng có phải là một phần trong tập đoàn có cấu trúc phức tạp không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Khách hàng có mua bán hoặc có các lợi ích ở nước ngoài không? Đặc biệt ở các quốc gia/vùng lãnh thổ thuộc nhóm “thiên đường thuế” hay không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có nhiều giao dịch quan trọng với các bên liên quan không? Các giao dịch này có phải là giao dịch ngang giá không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có những giao dịch bất thường trong năm hoặc gần cuối năm không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Đơn vị có những vấn đề kế toán hoặc nghiệp vụ phức tạp dễ gây tranh cãi mà chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Trong quá trình kiểm toán năm trước có phát hiện khiếm khuyết nghiêm trọng trong hệ thống KSNB của đơn vị không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

	Có	Không	N/A	Ghi chú/ Mô tả
Có dấu hiệu cho thấy hệ thống KSNB của đơn vị trong năm nay có khiếm khuyết nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính tuân thủ pháp luật, tính trung thực và hợp lý của BCTC?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
BCKiT về BCTC năm trước có “ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần” không? Nếu vậy, có dấu hiệu nào cho thấy sự lặp lại của vấn đề dẫn đến ý kiến kiểm toán như vậy trong năm nay không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Có các yếu tố khác khiến DNKiT phải cân nhắc việc từ chối bổ nhiệm làm kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Kết luận: các thủ tục thích hợp về chấp nhận quan hệ khách hàng và trước khi ký HDKiT đã được thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý về việc chấp nhận quan hệ khách hàng và HDKiT phù hợp với quy định chuẩn mực nghề nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO HỢP ĐỒNG

Cao Trung bình Thấp

Lý do đánh giá mức độ rủi ro này: Vì số liệu năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AACCS kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Và không có phát sinh bất lợi nào trong năm 2021. Nên mức độ rủi ro hợp đồng sẽ chọn ở mức trung bình.

V. GHI CHÚ BỔ SUNG

VI. KẾT LUẬN

Chấp nhận duy trì khách hàng: Có Không

Thành viên BGD (2): Lai abc

Ngày (1): 20/03/2022

Thành viên BGD độc lập (3): Nguyễn Duy Mạnh

Ngày (1): 20/03/2022

Phụ lục 2: Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

A310

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACCS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày khóa sổ: 31/12/2021

Nội dung: TÌM HIỂU KHÁCH HÀNG VÀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2022
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2022
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2022

A. MỤC TIÊU:

Thu thập hiểu biết về khách hàng và môi trường hoạt động để xác định và hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của khách hàng có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

B. NỘI DUNG CHÍNH:

1. Hiểu biết về môi trường hoạt động và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến DN:

1.1 Các vấn đề về ngành nghề mà DN kinh doanh và xu hướng của ngành nghề

Các thông tin chung về ngành nghề mà DN đang kinh doanh và xu hướng của ngành nghề bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

- (1) Thị trường và sự cạnh tranh (*nhu cầu của thị trường; khả năng sản xuất; sự cạnh tranh về giá cả, chất lượng; ...*):
 - Không có biến động bất thường.
- (2) Các hoạt động mang tính chu kỳ hoặc thời vụ:
 - Không có biến động bất thường.
- (3) Công nghệ có liên quan tới sản phẩm của đơn vị, các thay đổi trong công nghệ sản xuất (nếu có):
 - Không phát sinh thay đổi.
- (4) Nguồn cung cấp đầu vào cho ngành và giá cả (*nguyên vật liệu chính, dịch vụ, lao động*):
 - Không có biến động bất thường.
- (5) Các thông tin khác:
 - Không có thông tin bất thường.

1.2 Các yếu tố pháp lý

Các thông tin chung về các yếu tố pháp lý bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

- (1) Chế độ kế toán và các thông lệ kế toán (nếu có) áp dụng cho ngành nghề kinh doanh của DN (*bao gồm các chính sách/quy định kế toán mới, ...*):
 - Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
 - Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- (2) Hệ thống pháp luật và các quy định áp dụng đối với loại hình/ngành nghề kinh doanh của DN và có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của DN (*Luật DN, luật chuyên ngành, kể cả các quy định về thị trường chứng khoán nếu là Cty niêm yết, cty đại chúng, quy định về tiền tệ, ngoại hối, ưu đãi, hỗ trợ tài chính của Chính phủ, hàng rào thuế quan, các rào cản thương mại...*):
- Không phát sinh thay đổi so với năm trước.
- (3) Các quy định về thuế (*thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác*):
- Không phát sinh thay đổi so với năm trước.
- (4) Các quy định về môi trường ảnh hưởng đến ngành nghề và hoạt động của DN:
- Không phát sinh thay đổi so với năm trước.
- (5) Đánh giá về việc DN đã tuân thủ các chế độ/ thông lệ kế toán/ hệ thống pháp luật/ chính sách nhà nước như thế nào: (*Sử dụng các kiến thức hiện có của KTV liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của đơn vị, các quy định và các yếu tố bên ngoài; Cập nhật hiểu biết về pháp luật và các quy định có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định các số liệu và thuyết minh trình bày trong BCTC; Trao đổi với BGD đơn vị được kiểm toán về pháp luật và các quy định khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của đơn vị; Trao đổi với BGD đơn vị về những chính sách và thủ tục của đơn vị liên quan đến việc tuân thủ pháp luật và các quy định (Các thủ tục thu thập bằng chứng kiểm toán về việc tuân thủ các điều khoản của pháp luật và các quy định có liên quan/Các thủ tục kiểm toán khi phát hiện hoặc nghi ngờ có hành vi không tuân thủ); Trao đổi với BGD đơn vị về những chính sách hoặc thủ tục mà đơn vị đang áp dụng để phát hiện, đánh giá và giải quyết các khiếu nại tranh chấp*).
- Tạm thời chưa phát hiện hành vi bất thường của đơn vị
- (6) Các thông tin khác:
- Không có thông tin bất thường.

1.3 Các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN

Các thông tin về các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

- (1) Thực trạng chung của nền kinh tế (*suy thoái/tăng trưởng và ảnh hưởng đến ngành nghề...*):
- Không có biến động bất thường.
- (2) Biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, lạm phát
- Không có biến động bất thường.

2. Hiểu biết về đặc điểm của DN

2.1 Lĩnh vực hoạt động

Các thông tin chung về lĩnh vực hoạt động của DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

- (1) Bản chất của các nguồn doanh thu, sản phẩm hay dịch vụ và thị trường, phương thức bán hàng, chính sách giá bán (*sản xuất/dịch vụ; kênh phân phối bán buôn/bán lẻ/thương mại điện tử; đặc điểm, cơ cấu các loại sản phẩm/dịch vụ chính; các sản phẩm/dịch vụ mới hoặc ngừng hoạt động; ...*): -

- Sản xuất các sản phẩm dệt (vải may giày phục vụ cho ngành sản xuất giày dép, trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn nhuộm); Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

(2) Mua hàng: các nguồn cung cấp chính và các vấn đề liên quan đến mua hàng

- Chưa phát sinh thay đổi bất thường. Nguồn cung cấp chính là vải.

(3) Các giai đoạn và quy trình sản xuất, những hoạt động chịu tác động của rủi ro môi trường:

(4) Các hoạt động liên doanh, liên kết và các hoạt động thuê ngoài quan trọng:

- Chưa phát sinh nghiệp vụ bất thường.

(5) Sự phân tán về địa lý và phân khúc thị trường:

- Tương đối ổn định so với tình hình năm trước, chưa phát sinh biến động bất thường.

(6) Địa điểm sản xuất, nhà kho, văn phòng, số lượng và địa điểm hàng tồn kho:

- KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

(7) Các khách hàng chính: Yee Chain, Công ty TNHH Men-Chuen Việt Nam,...

(8) Các nhà cung cấp chính: Công ty TNHH Daluen (Việt Nam), - Công ty TNHH Dệt Der Yee Chain, Công ty TNHH Liên Doanh CN Dệt Tân Á,...

(9) Các thỏa thuận quan trọng với người lao động (*bảo hiểm nhân thọ, quyền mua cổ phiếu, quyền lợi khi nghỉ việc, các ưu đãi khác...*):

- Không phát sinh thay đổi so với năm trước.

(10) Các hoạt động, chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển:

- Không phát hiện bất thường.

(11) Các giao dịch với bên liên quan:

- Không có giao dịch với các bên liên quan

(12) Tìm hiểu các tranh chấp pháp lý, kiện tụng (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này với BCTC.

Đảm bảo tính đầy đủ của các tranh chấp pháp lý/kiện tụng liên quan (*Các thủ tục để xác định các vụ kiện tụng và tranh chấp liên quan đến đơn vị có thể làm phát sinh rủi ro có sai sót trọng yếu: Kết quả phỏng vấn BGD, những các nhân khác trong đơn vị, kể cả chuyên gia; Kiểm tra các khoản phí tư vấn pháp luật/các biên bản họp BQTC có thực hiện thủ tục gửi thư cho chuyên gia tư vấn pháp luật không*).

2.2 Loại hình sở hữu và bộ máy quản trị

(1) Loại hình doanh nghiệp: (*Cty tư nhân, Cty TNHH, Cty cổ phần, Cty hợp danh, ... Nếu là Cty niêm yết thì niêm yết từ năm nào, trên sàn giao dịch nào...*)

- Công ty TNHH

(2) Sở hữu DN: (*Thông tin về các cổ đông và thành viên chính sở hữu DN (sở hữu từ 5% vốn điều lệ)*)

- Không phát sinh thay đổi so với năm trước

(3) Hội đồng quản trị: (*bao gồm việc tìm hiểu về cách thức hoạt động: mức độ thường xuyên của các cuộc họp, nội dung các vấn đề thảo luận, các báo cáo được gửi cho HĐQT cũng như các báo*

cáo được lập bởi HĐQT; mục tiêu hoạt động/áp lực/động cơ; bản chất/cơ chế của các khoản thu nhập/phụ cấp;)

- Không có biến động bất thường.

(4) Mô tả cơ cấu tổ chức của DN (*mô tả bằng lời hoặc bằng sơ đồ*)(bao gồm các phòng ban, các chi nhánh/văn phòng đại diện/các cửa hàng, các đơn vị thành viên; ...)

- Không có thay đổi bất thường so với năm trước.

2.3 Các hoạt động đầu tư và tài chính của DN

Các thông tin chung về hoạt động đầu tư và tài chính của DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

(1) Việc mua, bán, chia tách DN, tăng/giảm nguồn vốn kinh doanh đã được lập kế hoạch hoặc được thực hiện gần đây:

- Không phát sinh.

(2) Các hoạt động đầu tư vốn; Mua/bán chứng khoán và các khoản nợ; Các khoản đầu tư vào các đơn vị không dẫn đến hợp nhất BCTC (*gồm cty hợp danh, liên doanh, các đơn vị có mục đích đặc biệt*)

- Không phát sinh.

(3) Các Cty con và các đơn vị liên kết lớn (*kể cả các đơn vị được hợp nhất hay không hợp nhất*)

- Không phát sinh.

(4) Cơ cấu nợ và các điều khoản liên quan, bao gồm cả các thỏa thuận tài trợ và cho thuê tài chính được phản ánh ngoài bảng CĐKT:

- Không phát sinh bất thường.

(5) Đối tượng thụ hưởng (trong nước, ngoài nước, uy tín kinh doanh và kinh nghiệm) và các bên liên quan:

- Không phát sinh bất thường.

(6) Sử dụng các công cụ tài chính phái sinh.

- Không phát sinh bất thường.

3. Hiểu biết về các chính sách kế toán áp dụng

Các thông tin chung về chính sách kế toán áp dụng bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau:

(1) Hệ thống báo cáo theo yêu cầu mà doanh nghiệp phải lập

- Báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

- Báo cáo kế toán quản trị.

(2) Các chính sách kế toán áp dụng đối với các giao dịch quan trọng (*doanh thu, hàng tồn kho, giá vốn...*)

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

(3) Các loại ước tính kế toán (*nguồn dữ liệu, tính hợp lý của các khoản dự phòng phải thu, dự phòng HTK, khấu hao, ...*):

- Không phát sinh thay đổi so với năm trước.

(4) Đồng tiền ghi sổ kế toán (*Nếu khách hàng chọn ngoại tệ làm đồng tiền ghi sổ kế toán thì cần tìm hiểu xem khách hàng có thỏa mãn điều kiện được sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền ghi sổ kế toán theo quy định tại TT200/2014/TT-BTC hay không*)

- Doanh nghiệp ghi sổ theo VND

(5) Kế toán giá trị hợp lý các tài sản, các khoản nợ phải trả và các giao dịch ngoại tệ; kế toán các giao dịch bất thường

- Không phát sinh nghiệp vụ bất thường.

(6) Các chính sách kế toán đối với vấn đề mới/gây tranh cãi (nếu có)

- Không phát sinh.

(7) Các quy định mới về kế toán, hoặc mới có hiệu lực (nếu có)

- Không phát sinh.

(8) Các thay đổi chính sách kế toán (nếu có)

- Không phát sinh.

4. Mục tiêu, chiến lược và những rủi ro kinh doanh có liên quan

Mô tả các mục tiêu, chiến lược mà BGD/BQT đặt ra, các phương pháp mà BGD sử dụng để đạt được mục tiêu đề ra và các rủi ro kinh doanh có thể phát sinh từ những thay đổi trong DN hoặc từ những hoạt động phức tạp, bao gồm:

(1) Sự phát triển của ngành nghề, sản phẩm hoặc dịch vụ mới

- Doanh nghiệp tiếp tục phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hiện tại của công ty trong năm tiếp theo.

(2) Mở rộng phạm vi kinh doanh

- Doanh nghiệp đang có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh phát triển thêm chi nhánh mới ở Bình Dương trong những năm tới.

(3) Những yêu cầu mới về kế toán

- Doanh nghiệp đang có kế hoạch đổi mới phần mềm kế toán nhằm nâng cao chất lượng kế toán tại đơn vị. Do đó, các nhân viên phòng kế toán sẽ được tập huấn và không ngừng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ của mình.

(4) Những quy định pháp lý mới

- Không phát sinh bất thường.

(5) Những yêu cầu về tài chính của đơn vị trong thời điểm hiện tại và trong tương lai

- Đảm bảo duy trì mức lợi nhuận ổn định, tăng trưởng quy mô tài sản hơn nữa tạo cơ sở tiền đề cho việc mở rộng thêm chi nhánh mới ở Bình Dương theo đúng kế hoạch đề ra trong những năm tới.

(6) Sử dụng CNTT (tìm hiểu rõ về hệ thống CNTT, các rủi ro về CNTT và việc ảnh hưởng của CNTT đến các khoản mục của BCTC để lên kế hoạch kiểm toán phù hợp (kiểm tra hệ thống CNTT,...). Các kiểm soát của doanh nghiệp liên quan đến CNTT)

- Doanh nghiệp đang có kế hoạch thay đổi phần mềm kế toán cho toàn công ty

(7) Thực hiện một chiến lược, đặc biệt là ảnh hưởng dẫn đến những yêu cầu kế toán mới

- Không phát sinh bất thường so với năm trước.

(8) Chiến lược khác

- Không phát sinh.

5. Việc đo lường và đánh giá kết quả hoạt động

Mô tả các thông tin được sử dụng và cách thức BGD đo lường, đánh giá kết quả hoạt động, bao gồm:

(1) Những chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động chủ yếu (tài chính và phi tài chính), những tỉ suất quan trọng, những xu hướng và số liệu thống kê hoạt động:

- Chưa phát hiện điều bất thường.

(2) Phân tích kết quả hoạt động theo từng giai đoạn:

- Không phát sinh biến động bất thường.

(3) Kế hoạch tài chính, dự báo, phân tích biến động, thông tin về các bộ phận và các báo cáo đánh giá hoạt động của các bộ phận, phòng ban hoặc các cấp khác:

- Không có biến động bất thường.

(4) Các tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên và chính sách lương bổng ưu đãi:

- Không có gì thay đổi so với năm trước

(5) So sánh kết quả hoạt động của đơn vị với các đối thủ cạnh tranh (*từ các bài báo, tạp chí chuyên ngành, báo cáo xếp hạng tín nhiệm... - nếu có*):

- Không phát sinh

6. Các vấn đề khác

6.1 Nhân sự chủ chốt của DN

Họ và tên	Vị trí	Ghi chú
Lai, abc	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	
Lee Chien Sheng	Phó Tổng Giám đốc	

6.2 Nhân sự kế toán

Họ tên	Chức vụ	Công việc	Liên lạc (mail/tel)
Thân Thị Thanh A	Kế toán trưởng		
Phạm Thị B	Nhân viên kế toán		
Trần Hoài C	Nhân viên kế toán		
Hà Thanh D	Thủ quỹ		
Nguyễn Ngọc E	Nhân viên kế toán		

6.3 Các thông tin hành chính khác

(1) Địa chỉ của DN và các đơn vị liên quan (nếu có)

- Đại chỉ DN: Đường số 6, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiềm, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

(2) Thông tin về ngân hàng mà DN mở tài khoản

- Ngân hàng thương mại cổ phần Indovina, Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiềm, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Thông tin về luật sư mà DN sử dụng: Không thay đổi so với năm trước.

C. KẾT LUẬN:

Qua việc tìm hiểu khách hàng và môi trường kinh doanh, KTV cần xác định sơ bộ các rủi ro, TK ảnh hưởng, thủ tục kiểm toán đối với rủi ro đó.

Mô tả rủi ro	Ảnh hưởng	RR đáng kể (1)	Biện pháp xử lý/Thủ tục kiểm toán (2)
1/ Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ BCTC và biện pháp xử lý [Ví dụ, rủi ro do BGD không chế KSNB, do kiểm khuyết trong môi trường kiểm soát, BGD thiếu năng lực...]			
		<input type="checkbox"/>	
		<input type="checkbox"/>	
		<input type="checkbox"/>	
2/ Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ CSDL và các thủ tục kiểm toán cụ thể			
		<input type="checkbox"/>	
		<input type="checkbox"/>	
		<input type="checkbox"/>	
		<input type="checkbox"/>	

Lưu ý:

(1) RR đáng kể là RR có sai sót trọng yếu đã được xác định và đánh giá mà theo xét đoán của KTV phải đặc biệt lưu ý khi kiểm toán, ví dụ: RR do gian lận, RR liên quan tới những thay đổi lớn gần đây trong nền kinh tế, trong lĩnh vực kế toán và các lĩnh vực khác cần phải đặc biệt lưu ý, RR liên quan tới mức độ phức tạp của các giao dịch, RR gắn liền với các giao dịch quan trọng với các bên liên quan, RR liên quan tới mức độ chủ quan trong việc định lượng thông tin tài chính, đặc biệt là những thông tin mà việc định lượng còn yếu tố chưa chắc chắn, RR liên quan tới những giao dịch lớn nằm ngoài phạm vi hoạt động KD bình thường của đơn vị, hoặc giao dịch có dấu hiệu bất thường,...

Khi đã xác định có RR đáng kể, KTV phải tìm hiểu các kiểm soát của đơn vị có liên quan đến RR đó.

(2) Các biện pháp và thủ tục này cần được bổ sung vào chương trình kiểm toán của các phân hành tương ứng.

Phụ lục 3: Tìm hiểu chu trình TSCĐ và XDCB

A450

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày khóa sổ: 31/12/2021

Nội dung: TÌM HIỂU CHU TRÌNH TSCĐ VÀ XDCB

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2021
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2021
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2021

A. MỤC TIÊU:

- (1) Xác định và hiểu được các giao dịch và sự kiện liên quan tới chu trình KD quan trọng;
- (2) Đánh giá về mặt thiết kế và thực hiện đối với các kiểm soát chính của chu trình KD này;
- (3) Quyết định xem liệu có thực hiện thử nghiệm kiểm soát không;
- (4) Thiết kế các thủ tục kiểm tra cơ bản phù hợp và có hiệu quả.

B. CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN:

1. Hiểu biết chủ yếu về TSCĐ và XDCB

Các thông tin về khía cạnh KD liên quan chủ yếu tới TSCĐ và XDCB bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:

- (3) Các loại TSCĐ chính (hữu hình, vô hình, thuê tài chính, BĐS đầu tư), chi phí XDCB dở dang của DN và tỷ trọng của từng loại trong tổng tài sản của DN:
 - TSCĐ hữu hình có giá trị là 29.197.285.612 đồng.
- (4) Thẩm quyền phê duyệt mua sắm TSCĐ (theo Điều lệ và các quy chế của DN):
 - Mọi nghiệp vụ mua sắm TSCĐ đều phải có sự phê duyệt của Tổng giám đốc.
- (5) Quy chế và phương thức mua sắm TSCĐ; các quy định về quản lý TSCĐ, trùng/đại tu TSCĐ:
 - Không phát sinh thay đổi so với năm trước.

2. Hiểu biết về chính sách kế toán áp dụng

1. Phương pháp kế toán TSCĐ, chi phí XDCB dở dang và trích khấu hao TSCĐ:
 - TSCĐ được thể hiện theo nguyên tắc nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.
 - Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản:	Số năm khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc:	10 - 50
Máy móc, thiết bị:	05 - 08
Phương tiện vận tải:	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 - 05
Tài sản khác:	05 - 05

2. Các ước tính kế toán và xét đoán sử dụng (như ước tính thời gian sử dụng hữu ích):

- Không phát sinh bất thường.

3. Cách thức phân loại chi phí khấu hao thành chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (TSCĐ bộ phận nào được hạch toán vào TK 6274, TK 6414, TK 6424...):

- TSCĐ bộ phận quản lý thì được hạch toán vào TK 6424.

- TSCĐ thuộc bộ phận sản xuất thì hạch toán vào TK 6274.

- TSCĐ thuộc bộ phận bán hàng thì hạch toán vào TK 6414.

4. So sánh chính sách kế toán áp dụng có phù hợp với quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán và có nhất quán với năm/kỳ trước hay không:

- Hoàn toàn phù hợp.

5. Các thay đổi chính sách kế toán và các ước tính kế toán:

- Không phát sinh thay đổi

6. Các chính sách kế toán khác:

- Không phát sinh bất thường.

3. Mô tả chu trình “TSCĐ và XDCB”

Sử dụng phương pháp trần thuật (narrative) hoặc sơ đồ (flowchart) để mô tả lại chu trình TSCĐ và XDCB của DN.

Khi mô tả chu trình, cần lưu ý các thông tin sau: (1) các loại nghiệp vụ trọng yếu của chu trình từ giai đoạn thực hiện nghiệp vụ, ghi chép nghiệp vụ và bảo vệ các tài sản liên quan; (2) các thủ tục kiểm soát chính của DN đối với chu trình này; (3) thẩm quyền phê duyệt của các bộ phận, phòng ban đối với các khâu trong chu trình; (4) các tài liệu và BCTC được sử dụng cho mục đích kiểm soát trong chu trình; (5) lưu ý về việc phân công phân nhiệm trong chu trình, đảm bảo ghi nhận việc một người đảm nhiệm nhiều khâu trong một chu trình (nếu có).

Nếu sử dụng phương pháp trần thuật để mô tả thì có thể áp dụng bảng sau:

STT	Mô tả các nghiệp vụ chính của chu trình	Thủ tục kiểm soát	Người thực hiện	Thẩm quyền phê duyệt	Tài liệu kèm theo
1	Đề xuất, mua tài sản				
2	Khấu hao TSCĐ, các ghi nhận sau ghi nhận ban đầu				
3	Tìm hiểu hệ thống CNTT có ảnh hưởng đến chu trình TSCĐ và XDCB				
4	Thanh lý và không sử dụng				
5	Các điều chỉnh cuối kỳ				
6	Tìm hiểu các thông tin về TSCĐ và XDCB được ghi nhận vào sổ chi tiết như thế nào (bao lâu ghi nhận 1 lần,				

	ai là người ghi nhận, ghi nhận dựa vào tài liệu nào, ai kiểm tra, đối chiếu,...)				

4. Soát xét về thiết kế và thực hiện các kiểm soát chính

Sai sót có thể xảy ra	Mô tả kiểm soát chính (1)	KSNB đã được thiết kế phù hợp chưa	Thủ tục KSNB có được thực hiện không ?	Tham chiếu đến tài liệu “walk-through test”	Có kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát không?
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Mục tiêu KS (1): “Tính hiện hữu”: TSCĐ được phản ánh trên BCTC là TSCĐ có thật, được sử dụng trong quá trình SXKD hoặc phục vụ công tác quản lý.					
TSCĐ được ghi nhận trong sổ kế toán nhưng không có thật	Việc mua sắm, đầu tư TSCĐ phải căn cứ kế hoạch và đề nghị mua của bộ phận có nhu cầu sử dụng và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Bộ phận chịu trách nhiệm mua sắm TSCĐ phải độc lập với bộ phận sử dụng và/hoặc bộ phận kế toán.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Phải lập biên bản giao nhận TSCĐ có sự tham gia của nhà cung cấp và các bộ phận liên quan.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	[Bộ phận chịu trách nhiệm] phải lập bộ hồ sơ TSCĐ với đầy đủ chứng từ liên quan và cập nhật ngay khi có thay đổi.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	[Định kỳ] tổ chức kiểm kê TSCĐ với sự tham gia của cá nhân độc lập với bộ phận quản lý, sử dụng. Tài sản cần được dán nhãn để theo dõi.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Các thủ tục khác: [mô tả:.....].	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
Mục tiêu KS (2): “Tính đầy đủ”: Mọi TSCĐ của DN (kể cả TSCĐ do DN sở hữu và đi thuê) TSCĐ thuê tài chính) đều được phản ánh đầy đủ trên BCTC.					

Sai sót có thể xảy ra	Mô tả kiểm soát chính (1)	KSNB đã được thiết kế phù hợp chưa	Thủ tục KSNB có được thực hiện không ?	Tham chiếu đến tài liệu “walk-through test”	Có kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát không?
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Các chi phí khác (ví dụ, chi phí vận chuyển, lắp đặt...) hoặc	Phân công [bộ phận chịu trách nhiệm] tập hợp các chi phí liên quan đến TSCĐ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (ví dụ, chi phí nâng cấp TSCĐ) không được vốn hóa đầy đủ.	Hồ sơ, chứng từ liên quan đến TSCĐ tăng/giảm phải được chuyển về bộ phận kế toán để cập nhật kịp thời vào sổ kế toán.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Các TSCĐ di chuyển khỏi bộ phận quản lý, sử dụng phải có phiếu điều chuyển có phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Tài sản bị mất cần phải điều tra tìm nguyên nhân. Kế toán phản ánh kịp thời tài sản mất mát trên sổ kế toán và sổ theo dõi tài sản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Các thủ tục khác: [mô tả:.....].				
Mục tiêu KS (3): “Tính chính xác”: Nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ được phản ánh chính xác trên BCTC.					
	Kế toán phải đối chiếu số liệu trên báo giá, hợp đồng, hóa đơn để đảm bảo tính chính xác của nguyên giá TSCĐ ghi nhận trên sổ kế toán.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Các TSCĐ phải được trích khấu hao phù hợp với quy định của DN về thời gian sử dụng hữu ích đối với mỗi loại TSCĐ.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Kế toán phải kiểm tra để đảm bảo thời điểm bắt đầu/ngừng trích khấu hao là thời điểm bắt đầu/dừng sử dụng TSCĐ.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Bất kỳ tài sản nào có dấu hiệu hỏng hóc,	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

Sai sót có thể xảy ra	Mô tả kiểm soát chính (1)	KSNB đã được thiết kế phù hợp chưa	Thủ tục KSNB có được thực hiện không ?	Tham chiếu đến tài liệu “walk-through test”	Có kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát không?
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	lỗi thời, hoạt động dưới công suất thiết kế, ... cần phải được ghi chú rõ ràng.				
	Kế toán cân có sổ chi tiết theo dõi TSCĐ. Định kỳ kế toán đối chiếu sổ kế toán với sổ theo dõi TSCĐ. Bất kỳ sai lệch nào cần phải được điều tra và phản ánh kịp thời vào sổ kế toán.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	Các thủ tục khác: [mô tả:.....].	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

(1) Cột (2) – “Mô tả kiểm soát chính” phải được lựa chọn từ các kiểm soát đã tìm hiểu được tại Mục 3 - “Mô tả chu trình TSCĐ và XDCB”. Nếu quyết định thực hiện thử nghiệm kiểm soát, các kiểm soát chính được xác định ở phần này sẽ là các kiểm soát được KTV kiểm tra và trình bày kết quả tại phần C - Kiểm tra KSNB.

(2) Các đoạn được đánh dấu nền (highlight) chỉ có tính minh họa và phải được sửa đổi cho phù hợp với đặc điểm thực tế của KH. Một số kiểm soát có thể được thiết kế để đáp ứng nhiều hơn một mục tiêu kiểm soát.

Để tăng tính hiệu quả của việc tìm hiểu và kiểm tra KSNB của khách hàng, DNKiT nên nghiên cứu và xây dựng thư viện về các mục tiêu kiểm soát, thủ tục kiểm soát chính cho các chu trình KD chính áp dụng cho các nhóm khách hàng phổ biến (ví dụ, sản xuất, xây lắp, thương mại, bất động sản...).

Ngoài ra, KTV cần tham khảo thêm “Tài liệu hướng dẫn thực hiện CTKTM của VACPA 2016”, phần thư viện các thủ tục kiểm soát.

C. TỔNG HỢP VÀ KẾT LUẬN

Các rủi ro phát hiện

KTV cần tổng hợp các rủi ro có sai sót trọng yếu phát hiện trong quá trình thực hiện các bước công việc.

Phụ lục 4: Phân tích sơ bộ trích báo cáo tài chính*Phân tích sơ bộ bảng cân đối kế toán:*

A510.1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày kết thúc kỳ kế toán: 31/12/2021

Nội dung: PHÂN TÍCH SƠ BỘ BCTC

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2021
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2021
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Năm 2021***Đơn vị tính: VND*

	Tài sản	31/12/2021	31/12/2020	Biến động		Ghi chú
		Trước KT	Sau KT	VND	%	
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	161.664.963.871	171.875.812.842	(10.210.848.971)	(5,94)	
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.141.506.821	28.814.966.971	(5.673.460.150)	(19,69)	
1.	Tiền	23.141.506.821	28.814.966.971	(5.673.460.150)	(19,69)	
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.337.444.682	45.208.575.247	16.128.869.435	35,68	
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	58.707.492.311	42.990.525.133	15.716.967.178	36,56	
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.619.495.585	2.209.577.171	409.918.414	18,55	
3.	Phải thu ngắn hạn khác	10.456.786	8.472.943	1.983.843	23,41	
IV.	Hàng tồn kho	74.726.334.525	92.814.365.483	(18.088.030.958)	19,49	
1.	Hàng tồn kho	74.726.334.525	92.814.365.483	(18.088.030.958)	(19,49)	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	2.459.677.843	5.037.905.141	(2.578.227.298)	(51,18)	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	

2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.340.921.435	5.037.905.141	696.983.706)	(53,53)	
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	118.756.408	-	118.756.408	100,00	
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	29.706.189.621	33.080.193.109	(3.374.003.488)	(11,36)	
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	
II.	Tài sản cố định	29.197.285.612	32.571.588.148	(3.374.302.536)	(10,36)	
1.	Tài sản cố định hữu hình	29.197.285.612	32.571.588.148	(3.374.302.536)	(10,36)	
-	<i>Nguyên giá</i>	56.467.933.454	55.280.702.454	1.187.231.000	2,15	
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(27.270.647.842)	(22.709.114.306)	(4.561.533.536)	20,09	
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-	
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	
VI.	Tài sản dài hạn khác	508.904.009	508.604.961	299.048	0,06	
1.	Chi phí trả trước dài hạn	508.904.009	508.604.961	299.048	0,06	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	191.371.153.492	204.956.005.951	(13.584.852.459)	(6,63)	
C -	NỢ PHẢI TRẢ	59.430.900.788	75.718.927.998	(16.288.027.210)	1,51)	
I.	Nợ ngắn hạn	58.527.150.394	74.016.865.716	(15.489.715.322)	(20,93)	
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	39.427.894.338	50.253.847.744	(10.825.953.406)	21,54)	
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.094.734.741	13.352.361.719	(2.257.626.978)	(16,91)	
3.	Thuế và các	62.707.054	2.400.135.918	(2.337.428.864)	(97,39)	

	khoản phải nộp Nhà nước					
4.	Phải trả người lao động	967.770.822	1.039.521.053	(71.750.231)	(6,90)	
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	31.460.000	31.460.000	-	-	
6.	Phải trả ngắn hạn khác	6.942.583.439	6.939.539.282	3.044.157	0,04	
II.	Nợ dài hạn	903.750.394	1.702.062.282	(798.311.888)	(46,90)	
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	903.750.394	1.702.062.282	(798.311.888)	46,90	
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	31.940.252.704	129.237.077.953	2.703.174.751	2,09	
I.	Vốn chủ sở hữu	131.940.252.704	129.237.077.953	2.703.174.751	2,09	
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	17.198.910.750	17.198.910.750	-	-	
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	114.741.341.954	112.038.167.203	2.703.174.751	2,41	
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>	112.038.167.203	94.453.515.324	17.584.651.879	18,62	
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	2.727.314.343	17.584.651.879	(14.857.337.536)	(84,49)	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	191.371.153.492	204.956.005.951	(13.584.852.459)	(6,63)	

(Nguồn: Trích báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty ABC)

Phân tích sơ bộ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

A510.2

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày kết thúc kỳ kế toán: 31/12/2021

Nội dung: PHÂN TÍCH SƠ BỘ BCTC

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2021
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2021
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ lệ trên DT thuần (%)	Năm 2020	Tỷ lệ trên DT thuần (%)	Biến động	
	Trước KT		Sau KT		VND	%
1. Doanh thu bán hàng	214.310.560.486	100,00	229.179.226.004	100,00	(14.868.665.518)	(6,49)
2. Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	214.310.560.486	100,00	229.179.226.004	100,00	(14.868.665.518)	(6,49)
4. Giá vốn hàng bán	196.041.982.313	91,48	191.563.144.669	83,59	4.478.837.644	2,34
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	18.268.578.173	8,52	37.616.081.335	16,41	(19.347.503.162)	51,43)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	346.667.772	0,16	520.741.537	0,23	(174.073.765)	33,43)
7. Chi phí tài chính	387.968.422	0,18	375.401.780	0,16	12.566.642	3,35
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	46.005.511	0,02	176.777.820	0,08	(130.772.309)	(73,98)
8. Chi phí bán hàng	6.212.549.236	2,90	5.936.823.284	2,59	275.725.952	4,64
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.370.570.292	4,37	10.140.419.775	4,42	(769.849.483)	(7,59)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.644.157.995	1,23	21.684.178.033	9,46	(19.040.020.038)	(87,81)

11. Thu nhập khác	1.163.479.640	0,54	7.038.618.570	3,07	(5.875.138.930)	(83,47)
12. Chi phí khác	83.381.005	0,04	6.612.198.396	2,89	(6.528.817.391)	(98,74)
13. Lợi nhuận khác	1.080.098.635	0,50	426.420.174	0,19	653.678.461	153,29
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.724.256.630	1,74	22.110.598.207	9,65	(18.386.341.577)	(83,16)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	796.491.176	0,37	4.525.946.328	1,97	(3.729.455.152)	(82,40)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.927.765.454	1,37	17.584.651.879	7,67	(14.656.886.425)	3,35

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty ABC)

**Phụ lục 5: Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ở cấp độ toàn doanh nghiệp và
A610**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày khóa sổ: 31/12/2021

**Nội dung: ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG
KSNB Ở CẤP TOÀN DN**

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2021
Người soát xét 1	K.VN	21/03/2021
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2021

A. MỤC TIÊU:

Theo quy định và hướng dẫn của CMKit Việt Nam số 315, việc đánh giá KSNB ở cấp độ toàn DN giúp KTV xác định rủi ro trọng yếu (đặc biệt là rủi ro do gian lận), từ đó, lập kế hoạch kiểm toán và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo.

B. NỘI DUNG CHÍNH:

KSNB ở cấp độ DN thường có ảnh hưởng rộng khắp tới các mặt hoạt động của DN. Do đó, KSNB ở cấp độ DN đặt ra tiêu chuẩn cho các cấu phần khác của KSNB. Hiểu biết tốt về KSNB ở cấp độ DN sẽ cung cấp một cơ sở quan trọng cho việc đánh giá KSNB đối với các chu trình kinh doanh quan trọng. KTV sử dụng các xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá KSNB ở cấp độ DN bằng cách phỏng vấn, quan sát hoặc kiểm tra tài liệu. Trong biểu này, việc đánh giá này chỉ giới hạn trong 03 thành phần của KSNB: (1) Môi trường kiểm soát; (2) Quy trình đánh giá rủi ro; (3) Giám sát các kiểm soát.

CÁC THÀNH PHẦN CỦA KSNB	Có	Không	N/A	Mô tả/ Ghi chú	Tham chiếu
1. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT					
1.1 Truyền đạt thông tin và yêu cầu thực thi tính chính trực và các giá trị đạo đức trong DN					
DN có quy định về giá trị đạo đức (ví dụ: trong Quy chế nhân viên, Nội dung lao động, Bộ quy tắc ứng xử,..) và các giá trị này có được thông tin đến các bộ phận của DN không (ví dụ: qua đào tạo nhân viên, phổ biến định kỳ,...)?	X				

DN có quy định nào để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không?	X				
Có quy định rõ ràng và áp dụng các biện pháp xử lý đối với sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức không?	X			Thực tế chưa có sai phạm nào được phát hiện và xử lý.	
1.2 Cam kết đối với năng lực và trình độ của nhân viên					
DN có cụ thể hóa/ mô tả các yêu cầu về trình độ, kỹ năng đối với từng vị trí nhân viên không (ví dụ: trong Quy chế nhân viên,...)?	X				
DN có chú trọng đến trình độ, năng lực của nhân viên được tuyển dụng không?	X			Tùy thuộc vào nhu cầu, cán bộ quản lý thì đơn vị ưu tiên xem xét năng lực, lương theo thỏa thuận. Công nhân không yêu cầu có kỹ năng cao nên chỉ xem xét đến nguồn lao động tốn ít chi phí lương	
DN có biện pháp xử lý kịp thời đối với nhân viên không có năng lực không?	X			Đào tạo để nâng cao trình độ hoặc chuyển sang công việc khác phù hợp hơn.	
1.3 Sự tham gia của BQT					
Thành viên BQT có độc lập với	X				

BGD DN không?					
BQT có bao gồm những người có kinh nghiệm, vị thế không?	X			Ban lãnh đạo đều có kinh nghiệm và học vị	
BQT có thường xuyên tham gia các hoạt động quan trọng của DN không?	X				
Các vấn đề quan trọng và các sai phạm có được báo cáo kịp thời với BQT không?	X				
BQT có họp thường xuyên hoặc định kỳ và các biên bản họp có được lập kịp thời không?	X				
BQT có giám sát việc thực hiện của BGD không?	X				
BQT có giám sát cách làm việc của BGD với kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập không?	X				
1.4 Phong cách điều hành và triết lý của BGD					
Thái độ của BGD đối với KSNB (<i>ví dụ: có quan tâm và coi trọng việc thiết kế, thực hiện các KSNB hiệu quả không</i>)?	X			Có quan tâm đến chất lượng, hệ thống KSNB	
Phương pháp tiếp cận của BGD đối với rủi ro?	X				
Thu nhập của BGD có dựa vào kết quả hoạt động hay không?	X				
Mức độ tham gia của BGD vào quá trình lập BCTC (thông qua việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán, xây dựng các ước tính kế toán...)	X			Nhà quản lý DN có tham gia vào quá trình lập BCTC	
Quan điểm của BGD đối với việc lập	X			Trình bày trung	

và trình bày BCTC				thực và hợp lý	
Quan điểm của BGD đối với việc xử lý thông tin, công việc kế toán và nhân sự	X			Phân công trách nhiệm về quyền hạn rõ ràng cho từng nhân viên	
1.5 Cơ cấu tổ chức					
Cơ cấu tổ chức DN có phù hợp với mục tiêu, quy mô, hoạt động kinh doanh và vị trí địa lý kinh doanh của đơn vị không?	X				
Cơ cấu tổ chức DN có khác biệt với các DN có quy mô tương tự của ngành không?	X				
1.6 Phân công quyền hạn và trách nhiệm					
DN có các chính sách và thủ tục cho việc ủy quyền và phê duyệt các nghiệp vụ ở từng mức độ phù hợp không?	X				
DN có sự giám sát và kiểm tra phù hợp đối với những hoạt động được phân quyền cho nhân viên không?	X				
Nhân viên của DN có hiểu rõ nhiệm vụ của mình và của những cá nhân có liên quan đến công việc của mình hay không?	X				
Những người thực hiện công tác giám sát có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình hay không?	X				
Nguyên tắc bất kiêm nhiệm có được thực hiện phù hợp trong DN không? (ví dụ: tách biệt vị trí kế toán và công việc mua sắm tài sản,...)	X				

1.7 Các chính sách và thông lệ về nhân sự					
DN có chính sách và tiêu chuẩn cho việc tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đề bạt và sa thải nhân viên không?	X				
Các chính sách này có được xem xét và cập nhật thường xuyên không?	X				
Các chính sách này có được truyền đạt đến mọi nhân viên của đơn vị không?	X				
Những nhân viên mới có nhận thức được trách nhiệm của họ cũng như sự kỳ vọng của BGD không?	X				
Kết quả công việc của mỗi nhân viên có được đánh giá và soát xét định kỳ không?	X				
2. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO					
Rủi ro kinh doanh liên quan đến BCTC					
BGD/BQT đã xây dựng quy trình đánh giá rủi ro kinh doanh liên quan đến BCTC chưa (<i>gồm: đánh giá rủi ro, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra, các hành động, ...</i>)?		X			
Mô tả các rủi ro kinh doanh liên quan đến BCTC được BGD xác định, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra và các hành động tương ứng của BGD?		X		Đánh giá khả năng xảy ra rủi ro kinh doanh là thấp	
3. GIÁM SÁT CÁC KIỂM SOÁT					
3.1 Giám sát thường xuyên và định kỳ					
DN có chính sách xem xét lại KSNB	X			BKS kiểm tra,	

định kỳ và đánh giá tính hiệu quả của KSNB không? (Mô tả việc đánh giá – nếu có, lưu ý nguồn thông tin sử dụng để giám sát và cơ sở để BGD tin tưởng nguồn thông tin đáng tin cậy cho mục đích giám sát)				giám sát chung. Trưởng phòng giám sát hoạt động của nhân viên do mình phụ trách.	
DN có duy trì bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp không	X				
Bộ phận kiểm toán nội bộ có đủ kinh nghiệm chuyên môn và được đào tạo đúng đắn không?	X				
Bộ phận kiểm toán nội bộ có duy trì hồ sơ đầy đủ về KSNB và kiểm tra KSNB của DN không?	X				
Bộ phận kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận sổ sách, chứng từ kế toán và phạm vi hoạt động của họ không bị hạn chế?	X				
3.2 Báo cáo các thiếu sót của KSNB					
DN có các chính sách, thủ tục để đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp sửa chữa đối với các thiếu sót của KSNB không?	X				
BGD có xem xét các ý kiến đề xuất liên quan đến hệ thống KSNB đưa ra bởi KTV độc lập (hoặc KTV nội bộ) và thực hiện các đề xuất đó không?	X				
Bộ phận kiểm toán nội bộ có gửi báo cáo phát hiện các thiếu sót của KSNB lên BQT hoặc Ban Kiểm soát kịp thời không?	X				
Bộ phận kiểm toán nội bộ có theo dõi các biện pháp sửa chữa của BGD	X				

không?					
Bộ phận kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận trực tiếp BQT hoặc Ban Kiểm soát không?	X				

C510

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACCS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày khóa sổ: 31/12/2021

Nội dung: KIỂM TRA HỆ THỐNG KSNB ĐỐI VỚI CHU TRÌNH TSCĐ VÀ XDCB

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2022
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2022
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2022

ĐÁNH GIÁ TÍNH HOẠT ĐỘNG HỮU HIỆU CỦA CÁC THỦ TỤC KSNB ĐỐI VỚI CHU TRÌNH TSCĐ VÀ XDCB

Mục tiêu kiểm soát	Kiểm soát chính	Ký hiệu	Tần suất	Thủ tục kiểm tra KSNB
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Tính hiện hữu TSCĐ được phản ánh trên BCTC là có thật, được sử dụng trong quá trình SXKD hoặc phục vụ công tác quản lý.	Việc mua sắm, đầu tư TSCĐ phải căn cứ kế hoạch và đề nghị mua của bộ phận có nhu cầu sử dụng và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	KS1	Mỗi giao dịch	Chọn ngẫu nhiên giao dịch mua TSCĐ trong kỳ. Kiểm tra, đối chiếu với kế hoạch năm và đề nghị mua sắm (từng lần) có được phê duyệt trước khi thực hiện hay không
	Bộ phận chịu trách nhiệm mua sắm TSCĐ phải độc lập với bộ phận sử dụng và bộ phận kế toán.	KS2		Phỏng vấn để thu thập thông tin và/ hoặc thu thập văn bản phân công của đơn vị.
	Phải lập biên bản giao nhận TSCĐ có sự tham gia của nhà cung cấp và các bộ phận liên quan.	KS3	Mỗi giao dịch	Căn cứ các giao dịch đã chọn ở KS1, tiến hành kiểm tra biên bản giao nhận có đủ chữ ký của

				các bên (nhà cung cấp, bộ phận mua hàng, bộ phận sử dụng).
	Bộ phận chịu trách nhiệm phải lập hồ sơ TSCĐ với đầy đủ chứng từ liên quan và cập nhật ngay khi có thay đổi.	KS4		Căn cứ vào các giao dịch ở KS1, mượn bộ hồ sơ TSCĐ liên quan và xem xét tính đầy đủ, thích hợp của bộ hồ sơ này.
	Định kỳ tổ chức kiểm kê TSCĐ với sự tham gia của các cá nhân độc lập với bộ phận quản lý, sử dụng. Tài sản cần được dán nhãn để theo dõi.	KS5		- Mượn các tài liệu tổng hợp kết quả kiểm kê của đơn vị, phỏng vấn những người tham gia quá trình này. Xem xét việc xử lý kết quả sau kiểm kê. - Tham gia chứng kiến kiểm kê tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
	Các thủ tục khác			
2. Tính đầy đủ	Phân công bộ phận chịu trách nhiệm tập hợp các chi phí liên quan đến TSCĐ.	KS6		Phỏng vấn để thu thập thông tin và/hoặc thu thập văn bản phân công của đơn vị.
Mọi TSCĐ của DN kể cả TSCĐ do DN sở hữu và TSCĐ thuê tài chính đều được phản ánh đầy đủ trên BCTC	Hồ sơ, chứng từ liên quan đến TSCĐ tăng/giảm phải được chuyển về bộ phận kế toán để cập nhật kịp thời vào sổ kế toán.	KS7		Căn cứ các giao dịch đã chọn ở KS1, tiến hành xem xét ngày ghi sổ kế toán và đối chiếu với ngày tháng của chứng từ gốc.
	Các TSCĐ di chuyển khỏi bộ phận quản lý, sử dụng phải có phiếu điều chuyển có phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	KS8		Chọn những nghiệp vụ điều chuyển TSCĐ trong kỳ để kiểm tra phiếu điều chuyển. TSCĐ có sự phê duyệt đầy đủ hay

				không
	Tài sản bị mất cần phải điều tra tìm nguyên nhân. Kế toán phản ánh kịp thời tài sản mất mát trên sổ kế toán và sổ sách theo dõi tài sản.	KS9		Phòng vấn đơn vị cách thức xử lý đối với các trường hợp tài sản bị mất và thu thập biên bản xử lý.
	Các thủ tục khác			
3. Tính chính xác Nguyên giá và giá trị còn lại TSCĐ được phản ánh chính xác	Kế toán phải đối chiếu số liệu trên bảng báo giá, hợp đồng, hóa đơn để đảm bảo tính chính xác của nguyên giá TSCĐ ghi nhận trên sổ kế toán.	KS10	Mỗi giao dịch	Căn cứ các giao dịch đã được chọn ở KS1, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa báo giá, hợp đồng, hóa đơn... với nguyên giá ghi nhận trên sổ sách.
	Các TSCĐ phải được trích khấu hao phù hợp với quy định của DN về thời gian sử dụng hữu ích đối với mỗi loại TSCĐ.	KS11	Hàng tháng	Căn cứ các giao dịch đã được chọn ở KS1, xác định thời gian khấu hao của TSCĐ này và đối chiếu với chính sách của đơn vị.
	Kế toán phải kiểm tra để đảm bảo thời điểm bắt đầu/ngừng trích khấu hao là thời điểm phù hợp với quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp.	KS12	Mỗi giao dịch	Căn cứ các giao dịch đã chọn ở KS1, xác định thời điểm bắt đầu khấu hao đối với các TSCĐ này có kịp thời không
	Bất kỳ tài sản nào có dấu hiệu hỏng hóc, lỗi thời, hoạt động dưới công suất thiết kế,...cần phải được ghi chú rõ ràng.	KS13		Trong quá trình quan sát kiểm kê, KTV xem xét đơn vị có theo dõi các tài sản hỏng hóc, lỗi thời,... hay không
	Kế toán cần có sổ chi tiết	KS14		KTV đối chiếu sổ theo

	<p>theo dõi TSCĐ. Định kỳ kế toán đối chiếu với sổ sách theo dõi TSCĐ. Bất kỳ sai lệch nào cần phải được điều tra và phản ánh kịp thời vào sổ sách kế toán.</p>			<p>dõi chi tiết TSCĐ với sổ sách kế toán để xem xét có sai lệch hay không? Các sai lệch có được điều tra nguyên nhân và xử lý không?</p>
	<p>Các thủ tục khác</p>			

Phụ lục 6: Xác định mức trọng yếu kế hoạch – thực hiện

A710

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty ABC

Ngày khóa số: 31/12/2021

**NỘI DUNG: XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG
YẾU KẾ HOẠCH – THỰC HIỆN**

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2022
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2022
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2022

A. MỤC TIÊU

Xác định mức trọng yếu (kế hoạch – thực hiện) được lập và phê duyệt theo chính sách của Công ty để thông báo với nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán được thực hiện đầy đủ hay chưa.

B. XÁC ĐỊNH MỨC TRỌNG YẾU

Đơn vị tính: VND

Nội dung		Kế hoạch	Thực tế
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		a. LN trước thuế b. Doanh thu c. Vốn chủ sở hữu d. Tổng tài sản	a. LN trước thuế b. Doanh thu c. Vốn chủ sở hữu d. Tổng tài sản
Nguồn số liệu để xác định mức trọng yếu		a. BCTC trước kiểm toán b. BCTC năm trước c. Kế hoạch SXKD d. Ước tính	BCTC đã điều chỉnh sau kiểm toán
Lý do lựa chọn tiêu chí này		Là công ty có vốn đầu tư nước ngoài, mức chênh lệch giữa doanh thu và lợi nhuận trước thuế rất lớn nên để đảm bảo hiệu quả cuộc kiểm toán KTV sử dụng tiêu chí Tổng tài sản	
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	191.371.153.492	191.371.153.492
Điều chỉnh ảnh hưởng của các biến động bất thường	(b)	0	0

Gía trị tiêu chí sau điều chỉnh	$(c)=(a)-(b)$	191.371.153.492	191.371.153.492
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	$(d)=1\%*\text{Tổng tài sản}$	a. [5% -10%] LN trước thuế b.[0,5% - 3%] Doanh thu c. [1% - 5%] Vốn chủ sở hữu d. [1% - 2%] Tổng tài sản	a. 5% -10% LN trước thuế b. 0,5% - 3% Doanh thu c. 1% - 5% Vốn chủ sở hữu d. 1% - 2% Tổng tài sản
Lý do lựa chọn tỷ lệ này		Rủi ro trung bình	Rủi ro trung bình
Mức trọng yếu tổng thể	$(e)=(c)*(d)$	1.913.711.534	1.913.711.534
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu thực hiện	(f)	[50% - 75%] 60%	[50% - 75%] 60%
Mức trọng yếu thực hiện	$(g)=(e)*(f)$	1.148.226.920	1.148.226.920
Tỷ lệ sử dụng để ước tính ngưỡng sai sót không đáng kể	(h)	[0% - 4%] 2%	[0% - 4%] 2%
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	$(i)=(g)*(h)$	22.964.538	22.964.538

Ghi chú về lý do thay đổi mức trọng yếu trong quá trình kiểm toán:

Theo quy định của CMKiT số 320, KTV phải sửa đổi mức trọng yếu trong trường hợp có thêm thông tin trong quá trình kiểm toán mà có thể dẫn đến việc thay đổi mức trọng yếu so với mức đã xác định trước đó. KTV cần ghi lại rõ lý do của việc thay đổi mức trọng yếu. Việc này phải được thành viên BGD phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán phê duyệt.

Nếu mức trọng yếu tổng thể được áp dụng thấp hơn mức trọng yếu đã xác định trước đó: KTV phải xác định xem có cần phải sửa đổi lại mức trọng yếu thực hiện và xem xét nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo còn có phù hợp hay không.

Người soát xét: *Nguyễn Duy Mạnh*

Ngày: 21/03/2022

Căn cứ vào bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Mức trọng yếu tổng thể	1.913.711.534	2.049.560.059
Mức trọng yếu thực hiện	1.148.226.920	1.229.736.035
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	22.964.538	24.594.720

(Nguồn: Giấy làm việc của Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

Phụ lục 7: Rà soát các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận

A640

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS

Tên khách hàng: Công ty TNHH ABC

Ngày khóa số: 31/12/2021

Nội dung: RÀ SOÁT CÁC YẾU TỐ DẪN ĐẾN RỦI RO CÓ GIAN LẬN

	Tên	Ngày
Người thực hiện	D.T.H	21/03/2022
Người soát xét 1	K.V.N	21/03/2022
Người soát xét 2	N.D.M	21/03/2022

A. MỤC TIÊU

CMKiT VN số 240 yêu cầu KTV phải xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận ở cấp độ tổng thể BCTC và ở cấp độ cơ sở dẫn liệu của các giao dịch, số dư TK và thuyết minh BCTC. KTV cần xem xét các yếu tố sau dẫn đến gian lận cho cả hai loại gian lận: (1) lập BCTC gian lận và (2) biến thủ tài sản và sau đó đánh giá xem có tồn tại rủi ro có sai sót trọng yếu hay không.

B. NỘI DUNG CẦN XEM XÉT

1. Các yếu tố dẫn đến rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận trong lập BCTC

Nội dung	Có	Không	N/A	Mô tả/ Ghi chú	Tham chiếu
Áp lực / Động cơ					
<i>Tình hình kinh tế, điều kiện ngành hay điều kiện hoạt động của đơn vị có tác động không tốt đến khả năng ổn định tài chính hay khả năng sinh lời, cụ thể:</i>					
- Mức độ cạnh tranh cao do thị trường bão hòa, kèm theo lợi nhuận suy giảm.		X			
- Dễ bị tác động trước những thay đổi nhanh chóng như thay đổi về công nghệ, sự lỗi thời sản phẩm hoặc sự thay đổi lãi suất.		X			
- Nhu cầu của KH suy giảm đáng kể và số đơn vị thất bại trong ngành hoặc trong nền kinh tế ngày càng tăng.					
- Lỗi từ hoạt động kinh doanh dẫn đến nguy cơ phá sản, tịch biên tài sản và xiết nợ.		X			
- Liên tục phát sinh luồng tiền âm từ hoạt động		X			

kinh doanh hoặc không có khả năng tạo ra các luồng tiền từ hoạt động kinh doanh trong khi vẫn báo cáo lợi nhuận và tăng trưởng.					
- Tăng trưởng nhanh hoặc tỷ suất lợi nhuận bất thường, đặc biệt là khi so sánh với các công ty khác trong cùng ngành nghề.		X			
- Các quy định mới về kế toán, pháp luật và các quy định khác có liên quan.		X			
Áp lực cao đối với BGD nhằm đáp ứng các yêu cầu hoặc kỳ vọng của các bên thứ ba do:					
- Tỷ suất lợi nhuận hay kỳ vọng theo xu thế của các nhà phân tích đầu tư, các nhà đầu tư là các tổ chức, các chủ nợ quan trọng, hoặc các bên độc lập khác (đặc biệt là các kỳ vọng quá mức hoặc phi thực tế), bao gồm những kỳ vọng của BGD trong các thông cáo báo chí hoặc trong báo cáo thường niên mang quá nhiều thông tin lạc quan.	X				
- Nhu cầu huy động thêm các nguồn tài trợ dưới hình thức cho vay hoặc góp vốn nhằm giữ vững khả năng cạnh tranh – bao gồm việc tài trợ cho công tác nghiên cứu và phát triển hoặc các khoản chi đầu tư lớn.	X				
- Đơn vị nằm ở ngưỡng đáp ứng yêu cầu niêm yết hoặc các yêu cầu thanh toán nợ hoặc các kế ước nợ khác.		X			
- Việc báo cáo kết quả tài chính không tốt sẽ ảnh hưởng bất lợi đến các nghiệp vụ lớn chưa thực hiện như hợp nhất kinh doanh hoặc đấu thầu.		X			
Các thông tin cho thấy tình hình tài chính cá nhân của thành viên BGD/BQT bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động tài chính của đơn vị:					

- Các lợi ích tài chính lớn trong đơn vị	X				
- Phần lớn thu nhập của BGD/BQT (<i>như tiền thưởng, quyền mua chứng khoán và các thỏa thuận thanh toán theo mức lợi nhuận</i>) là chưa chắc chắn và phụ thuộc vào đạt được các mục tiêu về giá chứng khoán, kết quả hoạt động KD, tình hình tài chính hoặc luồng tiền. <i>Các khoản thu nhập này phụ thuộc vào việc đạt được các mục tiêu chỉ liên quan đến một số TK cụ thể hoặc các hoạt động được lựa chọn của đơn vị, mặc dù các TK hoặc các hoạt động liên quan có thể không trọng yếu đối với đơn vị xét trên phương diện tổng thể.</i>	X				
- Bảo lãnh các nhân về các khoản nợ của đơn vị.		X			
Áp lực cao đối với BGD hoặc nhân sự điều hành để đạt được các mục tiêu tài chính mà BQT đặt ra, bao gồm các chính sách khen thưởng theo doanh thu hay tỷ suất lợi nhuận.		X			
Cơ hội					
Tính chất của ngành nghề KD hay các hoạt động của đơn vị có thể tạo cơ hội cho việc lập BCTC gian lận có thể phát sinh từ:					
- Các giao dịch quan trọng với bên liên quan nằm ngoài quá trình kinh doanh thông thường hoặc với các đơn vị liên quan chưa được kiểm toán hoặc được DNKiT khác kiểm toán;		X			
- Tiềm lực tài chính mạnh chiếm ưu thế vượt trội trong một số ngành nhất định cho phép đơn vị có thể áp đặt các điều kiện đối với nhà cung cấp hoặc khách hàng, có thể dẫn đến các giao dịch không hợp lý hoặc giao dịch bất thường;		X			
- Tài sản, nợ phải trả, doanh thu, hoặc chi phí		X			

được xác định dựa trên những ước tính kế toán quan trọng liên quan đến những xét đoán chủ quan hoặc các yếu tố không chắc chắn khác;					
- Những nghiệp vụ có giá trị bất thường hoặc rất phức tạp, đặc biệt là những nghiệp vụ phát sinh gần thời điểm kết thúc kỳ kế toán;	X				
- Những hoạt động lớn được tổ chức hoặc được thực hiện giữa các nước có môi trường và văn hóa kinh doanh khác nhau;	X				
- Sử dụng các đơn vị kinh doanh trung gian nhưng không có lý do rõ ràng;	X				
- Mở tài khoản ngân hàng, thành lập công ty con hoặc chi nhánh ở những nơi có ưu đãi và thuế nhưng không có lý do rõ ràng	X				
Việc giám sát BGD không hiệu quả do:					
- Sự độc quyền trong quản lý của một người hoặc một nhóm người mà không có những thủ tục kiểm soát bổ sung;	X				
- Hoạt động giám sát của BQT đối với BCTC và KSNB kém hiệu quả.	X				
Cơ cấu tổ chức phức tạp hoặc không ổn định:					
- Khó khăn trong việc xác định tổ chức hoặc cá nhân có quyền kiểm soát trong đơn vị;	X				
- Cơ cấu tổ chức quá phức tạp, trong đó có những pháp nhân hoặc những cấp quản lý bất thường;	X				
- Thay đổi thường xuyên BQT, BGD hoặc chuyên gia tư vấn pháp luật.	X				
KSNB kém hiệu lực do những nguyên nhân sau:					
- Thiếu sự giám sát đối với các kiểm soát bao gồm kiểm soát tự động và kiểm soát BCTC giữa niên độ;	X				

- Thay đổi thường xuyên hoặc tuyển dụng không hiệu quả nhân viên kế toán, nhân viên kiểm toán nội bộ hoặc nhân viên công nghệ thông tin;		X			
- Hệ thống kế toán và hệ thống thông tin không hiệu quả		X			
Thái độ hoặc sự biện minh cho hành động					
- Cấp quản lý truyền đạt, thực hiện, hỗ trợ hoặc yêu cầu thực hiện văn hóa DN hoặc tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp không phù hợp và không hiệu quả;		X			
- Thành viên BGD không có chuyên môn nghiệp vụ về tài chính nhưng can thiệp hoặc áp đặt quá mức trong việc lựa chọn chính sách kế toán hoặc xác định những ước tính kế toán quan trọng;		X			
- Đã có tiền sử vi phạm pháp luật về chứng khoán hoặc pháp luật và các quy định khác, hoặc đơn vị bị khiếu kiện, hoặc BQT, BGD bị cáo buộc gian lận hoặc vi phạm pháp luật và các quy định;		X			
- BGD quan tâm quá mức tới việc duy trì hoặc gia tăng giá cổ phiếu hoặc xu hướng thu nhập của doanh nghiệp;		X			
- BGD cam kết với các chuyên gia phân tích, các chủ nợ và bên thứ ba sẽ đạt được những mức dự báo quá cao hoặc không thực tế;		X			
- BGD không thể kịp thời sửa chữa những khiếm khuyết nghiêm trọng đã được xác định trong KSNB;		X			
- Sự quan tâm của BGD trong việc sử dụng các biện pháp không phù hợp để làm giảm lợi nhuận báo cáo vì các lý do liên quan đến thuế;		X			
- Yếu kém về đạo đức trong thành viên BGD;		X			

- BGD đồng thời là chủ sở hữu, không tách biệt giao dịch cá nhân với giao dịch kinh doanh;		X			
- Tranh chấp giữa những cổ đông trong một đơn vị có ít thành viên;		X			
- BGD liên tục cố gắng biện minh cho các phương pháp kế toán không phù hợp dựa trên mức trọng yếu;		X			
- Căng thẳng trong mối quan hệ giữa BGD với DNKiT hiện tại hoặc DNKiT tiền nhiệm, cụ thể:		X			
+ Mâu thuẫn thường xuyên với DNKiT hiện tại hoặc DNKiT tiền nhiệm có vấn đề kế toán, kiểm toán hoặc báo cáo;		X			
+ Có những yêu cầu bất hợp lý đối với KTV, như thúc ép không thực tế về thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc việc phát hành BCKT;		X			
+ Có những yêu cầu bất hợp lý đối với KTV, như thúc ép không thực tế về thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán.		X			

2. Những yếu tố dẫn đến rủi ro có sai sót trọng yếu do biến thủ tài sản

Nội dung	Có	Không	N/A	Mô tả/ Ghi chú	Tham chiếu
Áp lực / động cơ					
<i>BGD hoặc nhân viên có thể chịu áp lực từ các nghĩa vụ tài chính cá nhân khi họ tiếp cận với tiền mặt hoặc những tài sản dễ bị trộm cắp khác khiến họ biến thủ tài sản này. Khi xuất hiện quan hệ tiêu cực giữa đơn vị với nhân viên được quyền tiếp cận với tiền mặt hoặc tài sản khác dễ bị trộm cắp khiến họ có động cơ biến thủ tài sản. Ví dụ, mối quan hệ tiêu cực có thể phát sinh từ những</i>					

<i>tình huống sau:</i>					
- Biết rõ hoặc đoán trước sẽ bị buộc tội thôi việc;		X			
- Những thay đổi gần đây hoặc dự kiến thay đổi về kế hoạch lương, thưởng cho nhân viên;		X			
- Sự thăng chức, mức lương thưởng, hoặc những chính sách khen thưởng khác không được như mong muốn.		X			
Cơ hội					
<i>Có một số đặc điểm hoặc hoàn cảnh khiến cho tài sản trở nên dễ bị trộm cắp và dễ bị biến thủ. Cơ hội biến thủ tài sản có thể tăng lên trong những tình huống sau:</i>		X			
- Nắm giữ hoặc xử lý một số tiền lớn.		X			
- HTK kích thước nhỏ, giá trị cao và có nhu cầu cao trên thị trường.		X			
- Tài sản dễ chuyển đổi (như trái phiếu vô danh, kim cương và chip máy tính...)		X			
- TSCĐ có kích thước nhỏ, có thể bán ra thị trường, hoặc thiếu nhãn hiệu nhận dạng chủ sở hữu.		X			
<i>KSNB kém hiệu quả đối với tài sản có thể làm gia tăng khả năng biến thủ tài sản:</i>					
- Phân công nhiệm vụ không rõ ràng hoặc nhiệm vụ kiểm tra độc lập không đầy đủ;		X			
- Giám sát đầy đủ đối với chi phí của BQT, BGD, như chi phí đi lại hoặc các chi phí khác;		X			
- Thiếu sự giám sát của BGD đối với những nhân viên chịu trách nhiệm về tài sản, nhất là ở những địa bàn xa xôi;		X			
- Việc soát xét không đầy đủ đối với hồ sơ xin việc của các nhân viên được tiếp cận với tài sản;		X			

- Hồ sơ tài sản không được lưu giữ đầy đủ;		X			
- Việc ủy quyền và phê duyệt các nghiệp vụ chi tiêu và mua sắm tài sản không hiệu quả;		X			
- Thiếu biện pháp bảo vệ đối với tiền mặt, tài sản đầu tư, HTK, TSCĐ;		X			
- Việc kiểm kê và đối chiếu tài sản không đầy đủ và kịp thời;		X			
- Hồ sơ, chứng từ giao dịch không được lưu giữ đầy đủ, kịp thời và phù hợp;		X			
- Không thực hiện chế độ nghỉ phép bắt buộc đối với những nhân viên kiểm soát chính;		X			
- BGD không hiểu rõ về công nghệ thông tin khiến cho nhân viên công nghệ thông tin dễ có cơ hội biển thủ;		X			
- Thiếu kiểm soát đối với các thông tin dữ liệu do hệ thống máy tính tạo ra, bao gồm các kiểm soát và soát xét các nhật ký của hệ thống máy tính.		X			
Thái độ hoặc sự biện minh cho hành động					
- Không quan tâm đến sự cần thiết phải giám sát hoặc giảm thiểu rủi ro biển thủ tài sản;		X			
- Không quan tâm đến KSNB đối với rủi ro biển thủ tài sản do hành vi không chế kiểm soát hoặc không có biện pháp trong việc khắc phục những khiếm khuyết đã xác định trong KSNB;		X			
- Những hành vi cho thấy sự không hài lòng hoặc bất mãn với đơn vị hoặc cách thức đối xử với nhân viên của đơn vị;		X			
- Thay đổi hành vi hoặc lối sống cho thấy có thể có hành vi biển thủ tài sản;		X			
- Dễ dàng bỏ qua những vụ ăn cắp vặt.		X			

Phụ lục 8: Chỉ mục kiểm toán tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chương trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định

BH

AACS

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CHI PHÍ XDCB DỜ DANG
FIXED ASSETS AND CONSTRUCTION-IN-PROGRESS**

		Y	N
Chương trình kiểm toán / <i>Audit programme</i>	BH _C	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ghi nhận những đặc điểm riêng của tài khoản / <i>Notes of account</i>	BH _N	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các bút toán đề nghị điều chỉnh / <i>Proposed adjusting journal entries</i>	BH _P	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ghi nhận những vấn đề phát sinh và các giải thích / <i>Notes on issues arisen and explanations</i>	BH _R	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Kiểm tra kiểm soát nội bộ / <i>Test of controls</i>	BH _S	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Biểu tổng hợp / <i>Lead schedule</i>	BH ₀	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tăng, giảm TSCĐ hữu hình / <i>Increase, decrease in tangible fixed assets</i>	BH _{0.1}	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính / <i>Increase, decrease in financial leasehold assets</i>	BH _{0.2}	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Tăng, giảm TSCĐ vô hình / <i>Increase, decrease in intangible assets</i>	BH _{0.3}	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Tăng, giảm Chi phí XDCB dở dang / <i>Increase, decrease in construction in progress</i>	BH _{0.4}	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Thủ tục phân tích / <i>Analytical procedure</i>	BH ₁	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các giấy tờ làm việc và tài liệu khác / <i>Working papers and other documents</i>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

(Nguồn: Giấy tờ làm việc của Công ty TNHH Kiểm toán AACS)

WP REF: **BHc**
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
PERIOD: 31/12/2021
SENIOR: DTH - 22/03/2022
MANAGER: -
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Chương trình kiểm toán – Tài sản cố định

MỤC TIÊU / OBJECTIVES

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang là có thực; thuộc quyền sở hữu của đơn vị; nguyên giá và khấu hao được ghi nhận đầy đủ, chính xác, đúng kỳ kế toán, phù hợp; và trình bày trên BCTC phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.

CÁC THỦ TỤC KIỂM TOÁN / AUDIT PROCEDURES

	Assertions	W/P Ref	Notes	Work completed, initials and date
XEM XÉT QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH / PLANNING CONSIDERATIONS				
Tham khảo Biểu 5.08, 5.09, 5.10 và 5.11 trong việc xác định những kiểm soát chủ yếu, các rủi ro (bao gồm cả các rủi ro về gian lận) và phương pháp đối với rủi ro được đánh giá / Refer to Forms 5.08, 5.09, 5.10 and 5.11 on key controls identified, risks (including fraud risks) identified and the approach to assessed risk.				
I. LẬP BIỂU TỔNG HỢP / LEAD SCHEDULE				
<ul style="list-style-type: none"> Lập Biểu tổng hợp TSCĐ và Chi phí XDCB dở dang. 		BH0		NTB - 23/03/2022
<ul style="list-style-type: none"> Lập Biểu tổng hợp trình bày sự biến động trong suốt kỳ kiểm toán đối với mỗi loại TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính, TSCĐ vô hình và Chi phí XDCB dở dang (theo Biểu đính kèm). 		BH0.1		
<ul style="list-style-type: none"> Lưu ý: TSCĐ và chi phí XDCB dở dang điều chuyển nội bộ cần ghi rõ trên Biểu tổng hợp để bù trừ khi tổng hợp Báo cáo tài chính toàn Công ty. 		BH0.2		NTB - 23/03/2022
		BH0.3		
		BH0.4		
<ul style="list-style-type: none"> Đối chiếu số dư đầu kỳ trên các Biểu tổng hợp, sổ cái với số dư cuối kỳ trước, Báo cáo tài chính và hồ sơ kiểm toán kỳ trước 		BH0		NTB - 23/03/2022
<ul style="list-style-type: none"> Đối chiếu số liệu cuối kỳ trên các Biểu tổng hợp với sổ cái, sổ chi tiết và Báo cáo tài chính 		BH0		NTB -

				23/03/2022	
<p>II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN / ACCOUNTING POLICIES</p> <p>Xem xét chính sách kế toán áp dụng cho TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính, TSCĐ vô hình có phù hợp với các chuẩn mực kế toán (cần đặc biệt chú ý đến VAS 03, VAS 04 và VAS 06), các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực của Bộ Tài chính, chế độ kế toán và các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến doanh nghiệp không (ví dụ như Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét chính sách kế toán áp dụng cho TSCĐ có nhất quán với các kỳ trước không (đối với chi phí XDCCB kiểm tra để đảm bảo nguyên tắc nhất quán của các phương pháp phân bổ chi phí chung, chi phí lãi vay... liên quan đến nhiều công trình, tài sản xây dựng hoặc mua sắm mới). Trường hợp có thay đổi trong chính sách kế toán đơn vị có tuân thủ theo hướng dẫn của VAS 29 không. 		BHn		NTB - 23/03/2022	
					NTB - 23/03/2022
<p>IV. THỦ TỤC PHÂN TÍCH / ANALYTICAL PROCEDURES</p> <p>Ỗ Xem xét sự hợp lý và nhất quán với kỳ trước của TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính, TSCĐ vô hình, chi phí XDCCB dở dang, sửa chữa lớn TSCĐ. Tìm hiểu và thu thập giải thích cho các biến động bất thường</p> <p>Ỗ Xem xét tính hợp lý của tỷ lệ TSCĐ và Chi phí XDCCB dở dang trên tổng tài sản. Tìm hiểu và thu thập giải thích cho các biến động bất thường</p> <p>Ỗ So sánh chi phí khấu hao TSCĐ kỳ này với kỳ trước, giữa các tháng (quý) trong kỳ. Tìm hiểu và thu thập giải thích cho các biến động bất thường</p>	C, E	BH1		NTB - 23/03/2022	
	C, E	BH1			NTB - 23/03/2022
	C, A	BH1			NTB - 23/03/2022
<p>V. KIỂM TRA CHI TIẾT / SUBSTANTIVE PROCEDURES</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra số đầu kỳ <ul style="list-style-type: none"> - Chọn mẫu kiểm tra chứng từ các TSCĐ có giá trị lớn; kiểm tra phương pháp tính khấu hao, cách xác định thời gian sử dụng hữu ích và tính toán lại giá trị khấu hao lũy kế để xác định số dư đầu kỳ • Kiểm tra, đối chiếu <ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu số đầu kỳ trên Bảng kê chi tiết, sổ chi tiết với số dư cuối kỳ trước, Báo cáo tài chính và hồ sơ kiểm toán kỳ trước - Đối chiếu số cuối kỳ trên Bảng kê chi tiết, sổ chi tiết với số dư cuối kỳ trước, Báo cáo tài chính - Thu thập bảng kê chi tiết TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình, các công trình XDCCB dở dang và đối chiếu với Biên bản kiểm kê TSCĐ có sự chứng kiến của Kiểm toán viên. - Nếu Kiểm toán viên chưa chứng kiến kiểm kê: Chọn một số TSCĐ, công trình XDCCB dở dang quan trọng, có giá trị lớn thực hiện kiểm kê tại thời điểm kiểm toán để khẳng định tính hiện hữu của các TSCĐ, công trình, hạng mục công trình đang xây dựng. • Chi phí XDCCB dở dang, TSCĐ tăng <p>Ỗ Kiểm tra chứng từ các chi phí XDCCB phát sinh trong kỳ</p>	E, C, RO, VA	BH9			
	A, C	BH2			NTB - 23/03/2022
	A, C	BH2			NTB - 23/03/2022
	A, E	BH3.1			NTB - 23/03/2022
	E, RO	BH3.1			NTB - 23/03/2022
	A, E, RO	BH4.1			NTB - 23/03/2022

- Đối với các công trình xây dựng cơ bản:
 - *Quyết định đầu tư.*
 - *Dự toán, phê duyệt dự toán.*
 - *Thư mời thầu, Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, ...*
 - *Hợp đồng kinh tế; Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.*
 - *Quyết toán, quyết định phê duyệt quyết toán.*
 - *Các chứng từ khác chứng minh các chi phí đã phát sinh thực tế và phục vụ thi công công trình,...*
 - Đối với tài sản cố định mua sắm mới:
 - *Quyết định đầu tư.*
 - *Dự toán, phê duyệt dự toán.*
 - *Hợp đồng kinh tế và Biên bản thanh lý hợp đồng.*
 - *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*
 - *Hóa đơn, Biên bản giao nhận, ...*
 - Đối với chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:
 - *Kế hoạch sửa chữa.*
 - *Dự toán, phê duyệt dự toán*
 - *Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý hợp đồng, quyết toán, ...*
 - Xem xét xem có công trình hay hạng mục công trình nào phát sinh đã lâu mà chưa hoàn thành hoặc trong kỳ không phát sinh chi phí không. Tìm hiểu nguyên nhân và xem xét các điều chỉnh phù hợp
 - Kết hợp với việc gửi thư xác nhận tài khoản phải trả nhà cung cấp để xem xét xem có khối lượng công việc nào mà bên B đã bàn giao được nghiệm thu và chấp nhận thanh toán mà chưa được hạch toán vào tài khoản Chi phí XD/CB dở dang không
- Ỡ **Kiểm tra chứng từ các TSCĐ tăng trong kỳ. Chú ý:**
- Đối với TSCĐ hình thành từ XD/CB: đối chiếu với số liệu kết chuyển từ tài khoản Chi phí XD/CB dở dang.

E, VA

BH4.1

VA, CU

BH4.1

A, E, RO

BH3

NTB -
23/03/2022

- Đối với TSCĐ thuê tài chính còn phải chú ý kiểm tra:

- Việc ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính phù hợp với hướng dẫn của VAS 06.

- Tính chính xác của những tính toán, bao gồm gốc/lãi thuê và tính toán hiện giá thuần của tài sản.

Kết hợp với Kiểm toán viên thực hiện kiểm tra chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí trả trước để đảm bảo không có tài sản nào đủ điều kiện là TSCĐ, chi phí có liên quan đến việc trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng hoặc chi phí nâng cấp TSCĐ được hạch toán vào chi phí.

Vốn hóa chi phí lãi

- Kiểm tra các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ.
Lưu ý: Chi phí lãi vay được vốn hóa phải phù hợp với VAS 16

Chi phí nghiên cứu, phát triển

- Kiểm tra xem chi phí phát triển được vốn hóa có phù hợp với các điều kiện của VAS 04 không.
Lưu ý: Chi phí trong giai đoạn nghiên cứu không được vốn hóa

Chi phí XD CB dở dang giảm

Ỗ Kiểm tra hồ sơ liên quan đến việc kết chuyển gồm:

- Quyết toán, quyết định phê duyệt quyết toán của các cấp có thẩm quyền.
- Các thủ tục kết chuyển: Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng, Biên bản bàn giao,...
- Nguyên giá TSCĐ, chi phí kết chuyển phù hợp với số liệu quyết toán.

TSCĐ giảm

- Kiểm tra chứng từ gốc liên quan đến TSCĐ giảm trong kỳ (quyết định thanh lý, quyết định điều chuyển nội bộ, hóa đơn,...).
- Kiểm tra hạch toán giảm TSCĐ do điều chuyển, thanh lý, nhượng bán trong kỳ.

Khấu hao TSCĐ

- Kiểm tra việc tính toán chi phí khấu hao trong kỳ
- Đánh giá xem có bất kỳ sự kiện và hoàn cảnh nào có thể dẫn đến sự thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định

TSCĐ thuê tài chính

- Kiểm tra nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ với các chứng từ: hợp đồng, hóa đơn...

VA

VA

C, A

BH3

NTB -
23/03/2022

A, C

BH3

BH3

A, VA

BH4.1

NTB -
23/03/2022

VA

BH3

A

BH3

VA

BH3.1

NTB -
23/03/2022

VA

BH3.1

NTB -
23/03/2022

A, O

BH3

<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét việc ghi giảm TSCĐ thuế tài chính, đối chiếu với thời hạn hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng. - Kiểm tra chi phí khấu hao của TSCĐ thuế tài chính và so với sổ sách kế toán. <p><i>Cam kết và cầm cố, thế chấp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi với những người có trách nhiệm liên quan tới tài sản để tìm hiểu xem đơn vị có cầm cố, thế chấp TSCĐ và có cam kết liên quan đến việc mua sắm TSCĐ không ? - Kiểm tra các hợp đồng, thỏa thuận, hóa đơn, đơn đặt hàng,... liên quan đến các khoản cam kết vốn và thế chấp TSCĐ - Đảm bảo việc thế chấp và các cam kết đã được công bố phù hợp trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính <p><i>Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng đến các nghiệp vụ trong kỳ, tính đánh giá của TSCĐ và chi phí XDCB dở dang cuối kỳ 	<p>A A, VA C, AV RO, AV C C, A, E, VA</p>	<p>BH3 BH3.1 BH5 BH5 BH5 BH6</p>		
<p>VI. XEM XÉT KỸ LUỡng / SCRUTINY</p> <p>Đọc lướt qua sổ chi tiết TSCĐ hữu hình, thuế tài chính, vô hình, chi phí XDCB dở dang và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ để phát hiện các khoản mục bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc.</p>	<p>O, A, CL</p>	<p>BH7</p>		<p>NTB - 23/03/2022</p>
<p>VII. TRÌNH BÀY VÀ CÔNG BỐ / PRESENTATION AND DISCLOSURE</p> <p>Xem xét việc trình bày và công bố TSCĐ hữu hình, thuế tài chính, vô hình, chi phí XDCB dở dang và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ trên Báo cáo tài chính có phù hợp với Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng ở trên không.</p>	<p>ORO, C, CU, AV</p>	<p>BH8</p>		<p>NTB - 23/03/2022</p>
<p>VIII. CÁC THỦ TỤC KIỂM TRA BỔ SUNG / ADDITIONAL AUDIT TESTS</p> <p>Không có</p>				

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ / CONCLUSIONS AND SUGGESTIONS

Kết luận về mục tiêu kiểm toán / Conclusions on audit objectives

Các bằng chứng kiểm toán thu thập được có đầy đủ và thích hợp để giảm rủi ro có sai sót trọng yếu xuống mức thấp chấp nhận được không? / Are the audit evidences obtained sufficient and appropriate to reduce the risk of material misstatement to an acceptably low level?

Có / Yes

Không / No

Lý do / Reasons:

N/A

Kiến nghị / Suggestions

Không có

Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi trong những đợt kiểm toán sau / Points carried forward to subsequent audit

Không có

Người thực hiện: Dương Thị Hoài

Prepared by:

Ngày hoàn thành: 23/03/2022

Completion date:

Phụ lục 9: Kiểm tra việc trình bày, công bố và đối chiếu số liệu

WP REF: **BH8**
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
PERIOD: 31/12/2021
PREPARER: NTB - 23/03/2022
SENIOR: DTH - 24/03/2022
MANAGER:
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Kiểm tra việc trình bày và công bố

BHc

Mục tiêu:

Đảm bảo Tài sản cố định đã được trình bày và công bố phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công việc thực hiện:

Kiểm tra việc trình bày và công bố các thông tin sau về tài sản cố định trong BCTC:

STT	Thông tin cần công bố	Có trình bày trên thuyết minh BCTC? (Y / N / N/A)	Việc trình bày có phù hợp? (Y / N / N/A)	Ghi chú
1.	Chính sách kế toán đối với TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình, chi phí XDCB dở dang có được công bố đầy đủ trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính không?	Y	Y	
2.	Đơn vị có công bố đầy đủ trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính liên quan đến các khoản cầm cố/thế chấp đối với TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình không?	N/A	N/A	Trong năm không có các khoản này
3.	Đơn vị có công bố đầy đủ trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc xác định phương pháp khấu hao và ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ không?	Y	Y	
4.	Đơn vị có công bố đầy đủ trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bản chất và ảnh hưởng của sự thay đổi ước tính kế toán có ảnh hưởng trọng yếu tới kỳ kế toán hiện hành hoặc các kỳ tiếp theo không?	N/A	N/A	Trong năm không có các khoản này

Kết luận:

Tài sản cố định và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã được trình bày và công bố phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

WP REF: **BH2**
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
PERIOD: 31/12/2021
PREPARER: NTB - 23/03/2022
SENIOR: DTH - 24/03/2022
MANAGER:
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Đối chiếu số liệu

BHc

Mục tiêu:

Đảm bảo số liệu trình bày trên BCTC là phù hợp

Công việc thực hiện:

Đối chiếu số liệu đầu kỳ và cuối kỳ giữa sổ chi tiết, sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh, BCTC và hồ sơ kiểm toán kỳ trước

Tài khoản	Tên tài khoản	Số đầu kỳ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Số cuối kỳ
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.070.381.529	-	-	29.070.381.529
2112	Máy móc, thiết bị	18.496.646.400	1.153.795.000	-	19.650.441.400
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.078.572.819	-	-	2.078.572.819
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	711.321.153	33.436.000	-	744.757.153
2115	Cây lâu kỳ, súc vật làm việc và cho sản phẩm	-	-	-	-
2118	Tài sản cố định khác	4.923.780.553	-	-	4.923.780.553
	Cộng tài sản cố định hữu hình	55.280.702.454	1.187.231.000	-	56.467.933.454
		BSL; LPB	BSL	BSL	BSL; B/S
2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	22.709.114.306	-	4.561.533.536	27.270.647.842
	Cộng hao mòn tài sản cố định	22.709.114.306	-	4.561.533.536	27.270.647.842
		BSL; LPB	BSL	BSL	BSL; B/S

B/S: Đã đối chiếu với Bảng cân đối kế toán

BSL: Đã đối chiếu với Sổ chi tiết

LPB: Đã đối chiếu với sổ dư cuối kỳ trước

Phụ lục 10: Tổng hợp chi tiết các thử nghiệm cơ bản

WP REF: **BH1**
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
PERIOD: 31/12/2021
PREPARER: NTB - 23/03/2022
SENIOR: DTH - 24/03/2022
MANAGER:
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Thủ tục phân tích

BHc

Mục tiêu:

Xem xét và đánh giá tổng thể biến động của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công việc thực hiện:

So sánh số dư cuối kỳ này với cuối kỳ trước, chi phí khấu hao kỳ này và kỳ trước, tìm hiểu nguyên nhân biến động

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Biến động	
			Số tiền	%
Tài sản cố định hữu hình	29.197.285.612	32.571.588.148	(3.374.302.536)	-10,36%
- Nguyên giá	56.467.933.454	55.280.702.454	1.187.231.000	2,15%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(27.270.647.842)	(22.709.114.306)	(4.561.533.536)	20,09%
Cộng	29.197.285.612	32.571.588.148	(3.374.302.536)	-10,36%

Tổng tài sản	191.266.063.872	204.956.005.951	(13.689.942.079)	-6,68%
Tỷ lệ TSCĐ và CPXDCBDD/Tổng tài sản	15,27%	15,89%	(0,01)	

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Biến động</u>	
			<u>Số tiền</u>	<u>%</u>
Chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình	4.561.533.536	5.347.597.316	(786.063.780)	-14,70%
Cộng	<u>4.561.533.536</u>	<u>5.347.597.316</u>	<u>(786.063.780)</u>	<u>-14,70%</u>

Nguyên nhân biến động:

Tài sản cố định tăng là do trong năm Công ty tiến hành mua một số tài sản cố định mới. Còn chi phí khấu hao trong năm giảm là do năm trước công ty đã thanh lý một số tài sản cố định nên chi phí khấu hao giảm là hợp lý.

Kết luận:

Biến động của tài sản cố định và chi phí khấu hao là hợp lý là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị

WP REF: **BHn**
CLIENT: **CÔNG TY TNHH ABC**
PERIOD: **31/12/2021**
PREPARER: **NTB - 23/03/2022**
SENIOR: **DTH - 24/03/2022**

MANAGER:

PARTNER: DTH - 24/03/2022

SUBJECT: Ghi chú về Tài sản cố định

BHc

1. Xem xét chính sách kế toán áp dụng có phù hợp với quy định hiện hành

	Thời gian khấu hao		Phù hợp (Y / N)
	Theo đơn vị	Theo Thông tư 45	
Tài sản cố định hữu hình:			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm	10 - 50 năm	Y
- Máy móc và thiết bị	05 - 08 năm	05 - 08 năm	Y
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm	06 - 10 năm	Y
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm	03 - 05 năm	Y
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm	03 - 05 năm	Y

2. Xem xét chính sách kế toán áp dụng có nhất quán với kỳ trước

	Kỳ này	Kỳ trước	Phù hợp (Y / N)
	Phương pháp khấu hao:		
	Đường thẳng	Đường thẳng	Y
Thời gian khấu hao:			
Tài sản cố định hữu hình:			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm	10 - 50 năm	Y
- Máy móc và thiết bị	05 - 08 năm	05 - 08 năm	Y
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm	06 - 10 năm	Y

- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm	03 - 05 năm	Y
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm	03 - 05 năm	Y

Kết luận:

Chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị là phù hợp với các quy định hiện hành và nhất quán với kỳ trước.

WP REF: **BH0.1**
CLIENT: **CÔNG TY TNHH ABC**
PERIOD: **31/12/2021**
PREPARER: **NTB - 23/03/2022**

SENIOR: DTH - 24/03/2022

MANAGER: -

PARTNER: NDM - 25/03/2022

SUBJECT: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

BHc

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>	<u>WP ref</u>
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	29.070.381.529	18.496.646.400	2.078.572.819	711.321.153	4.923.780.553	55.280.702.454	BH2
Mua trong kỳ	-	1.153.795.000	-	33.436.000	-	1.187.231.000	BH2
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-	
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-	
Số cuối kỳ	<u>29.070.381.529</u>	<u>19.650.441.400</u>	<u>2.078.572.819</u>	<u>744.757.153</u>	<u>4.923.780.553</u>	<u>56.467.933.454</u>	BH2
<i>Trong đó:</i>							BH ₀
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.924.451.073	-	-	-	-	2.924.451.073	BH _{3.1.x}

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	9.130.345.179	8.043.380.961	1.719.937.058	474.064.482	3.341.386.626	22.709.114.306	BH2
Khấu hao trong kỳ	1.741.468.136	1.867.730.475	295.694.940	119.851.939	536.788.046	4.561.533.536	BH2
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-	
Số cuối kỳ	<u>10.871.813.315</u>	<u>9.911.111.436</u>	<u>2.015.631.998</u>	<u>593.916.421</u>	<u>3.878.174.672</u>	<u>27.270.647.842</u>	BH2
						BH₀	
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	<u>19.940.036.350</u>	<u>10.453.265.439</u>	<u>358.635.761</u>	<u>237.256.671</u>	<u>1.582.393.927</u>	<u>32.571.588.148</u>	BH1
Số cuối kỳ	<u>18.198.568.214</u>	<u>9.739.329.964</u>	<u>62.940.821</u>	<u>150.840.732</u>	<u>1.045.605.881</u>	<u>29.197.285.612</u>	BH1

WP REF: **BH3**
CLIENT: **CÔNG TY TNHH ABC**
PERIOD: **31/12/2021**
PREPARER: **NTB - 23/03/2022**

SENIOR: DTH - 24/03/2022

MANAGER:

PARTNER: NDM - 25/03/2022

SUBJECT: Kiểm tra phát sinh tăng, giảm tài sản cố định

BHc

Mục tiêu: Đảm bảo các tài sản cố định tăng, giảm trong kỳ có thực, được vốn hóa phù hợp và được hạch toán chính xác.

Công việc thực hiện:

Chọn mẫu một số nghiệp vụ phát sinh tăng, giảm trong kỳ và kiểm tra với chứng từ gốc

Ngày CT	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Sai sót trong mẫu chọn	Tick mark	Ngày đưa vào sử dụng
<u>Tài sản cố định hữu hình</u>								
08/05/2021	CTGS 017/05	Nhập khẩu Linh KIỆN máy dẹt kim tròn theo tờ khai số 104008983960 ngày 08.05.2021 (7.500*22.960)	331	172.200.000			x	01/06/2021
09/06/2021	CTGS 028/06	Thuế nhập khẩu Linh KIỆN máy dẹt kim tròn JK-6012-M4 Thiết bị thử nghiệm mài mòn MARTINDALE	3333	3.444.000			x	
18/10/2021	CTGS 058/10	Máy dẹt kim tròn	331	887.151.000			x	01/11/2021
01/12/2021	CTGS 011/12	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i7-1165G7/16GB-DDR4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi6/4C66WHr/ĐE NW10P/LAN DONGLE	331	33.436.000			x	01/12/2021
Cộng				1.187.231.000	-	-		

Ước tính sai sót trong tổng thể:

Tổng giá trị sai sót trong các mẫu chọn kiểm tra

-

Trong đó: sai sót cá biệt

-

Giá trị tổng thể

1.187.231.000

Sai sót ước tính của tổng thể

-

Kết luận:

Các tài sản cố định tăng, giảm trong kỳ có thực, được vốn hóa phù hợp và được hạch toán chính xác.

WP REF: **BH3.1.x**
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
31/12/2
PERIOD: 021
PREPARER: NTB - 23/03/2022
SENIOR: DTH - 24/03/2022
MANAGER:
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Kiểm tra tính hiện hữu của tài sản cố định

Mục tiêu:

Đảm bảo TSCĐ là có thật tại đơn vị khách hàng

Công việc thực hiện:

Nhóm kiểm toán chứng kiến kiểm kê TSCĐ vào ngày 31/12/2021

Client: Công ty TNHH ABC
Period ended: 31/12/2021
Subject: PHIẾU KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	D733	
	Name	Date
Prepare by:	N.T.B	31/12/2021
Review 1	N.D.M	31/12/2021
Review 2		
Review 3		

Tên kho hàng:

Địa điểm kiểm kê: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiên, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Thời điểm kiểm kê: 8h30 ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chủng loại vật tư, hàng hóa: Tài sản cố định

STT	Cách chọn mẫu (B to F/ F to B)	Tên tài sản cố định	Đơn vị tính	Số liệu theo sổ sách, số theo dõi TSCĐ	Theo Kiểm kê thực tế	Chênh lệch	Phẩm chất TSCĐ			
							Tốt	Kém	Hư hỏng	Hết khấu hao
1	B to F	Hợp đồng số 01/2018/HĐTC ký ngày 02/01/2018	Cái	1	1	-	x			
2	B to F	Hợp đồng số 04/2018/HĐTC ký ngày 01/04/2018	Cái	1	1	-	x			
3	B to F	Hợp đồng số 05/2018/HĐTC ký ngày 02/04/2018	Cái	1	1	-	x			
4	B to F	Hợp đồng số 06/2018/HĐTC ký ngày 03/05/2018	Cái	1	1	-	x			
5	B to F	Hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17/11/2017	Cái	1	1	-	x			
6	B to F	Hợp đồng số 07/2018/HĐTC ký ngày 25/05/2018	Cái	1	1	-	x			
7	B to F	Hợp đồng số 08/2018/HĐTC ký ngày 19-06-2018	Cái	1	1	-	x			
8	B to F	Hợp đồng số 09/2018/HĐTC ký ngày 25/06/2018	Cái	1	1	-	x			
9	B to F	Hợp đồng số 11/2018/HĐTC ký ngày 27/07/2018	Cái	1	1	-	x			
10	B to F	Hợp đồng số 12/2018/HĐTC ký ngày 30/07/2018	Cái	1	1	-	x			
11	B to F	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	Chiếc	1	1	-	x			

12	B to F	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i7-1165G7/16GB-DDR4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi6/4C66WHr/ĐEN/W10P/L AN DONGLE	Cái	1	1	-	x			
13	B to F	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	Cái	1	1	-	x			
14	B to F	Bộ máy chủ văn phòng xưởng	Bộ	1	1	-	x			
15	B to F	Phí đổ bê tông đường nhà xưởng	Cái	1	1	-	x			
16	B to F	Phí đổ bê tông sân	Cái	1	1	-	x			
17	B to F	Hệ thống camera quan sát theo hợp đồng số 271/HĐKT 2018 ngày 24/03/2018	Bộ	1	1	-	x			
18	B to F	Hệ thống camera quan sát theo hợp đồng số 274/HĐKT 2018 ngày 29/05/2018	Bộ	1	1	-	x			
19	B to F	Hệ thống camera quan sát theo hợp đồng số 278/HĐKT 2018 ký ngày 13.08.2018	Bộ	1	1	-	x			
20	B to F	Mua hệ thống camera quan sát theo HĐ số 215/HĐKT.2015 ngày 04/05/2015	Bộ	1	1	-				x
21	B to F	Kết chuyển chi phí làm đường vào cổng chính	Cái	1	1	-				x
22	B to F	Cân điện tử (01 cái)	Cái	1	1	-				x
23	B to F	CI60 Máy đo hình ảnh	Cái	1	1	-	x			
24	B to F	Phí làm cửa lùa, làm sân nền dọc xưởng cũ và xưởng mới, san lấp đất, đường cống D300, hồ ga dọc xưởng cũ, theo hợp đồng số 20/2016/HĐTC ký ngày 21/10/2016, thanh toán 100%		1	1	-	x			
25	B to F	Linh kiện dùng cho máy dệt kim tròn Cylinder 30"	Cái	1	1	-	x			
26	B to F	Linh kiện dùng cho máy dệt kim tròn Cylinder 34"	Cái	1	1	-	x			
27	B to F	Phí mua cont, cước vận chuyển cont		1	1	-	x			

28	B to F	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730VND)	Cái	1	1	-	x			
29	B to F	Kết chuyển chi phí đi đường điện công ty	Bộ	1	1	-				x
30	B to F	Phí di dời nhôm kiếng làm vách ngăn phòng kho, trần thạch cao, sơn lại tường nhà kho, lát gạch văn phòng kho		1	1	-	x			
31	B to F	Phí thi công công trình dựng vách ngăn, theo HĐ số CH150407		1	1	-				x
32	B to F	Kết chuyển chi phí lập dự án xin giấy phép xây dựng nhà xưởng		1	1	-	x			
33	B to F	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	Cái	1	1	-	x			
34	B to F	Hợp đồng số 02/2019/HĐTC ký ngày 01.03.2019	Cái	1	1	-	x			
35	B to F	Thanh toán 100% giá trị công trình theo hợp đồng số 09-04-2018 TBG-JL ngày 27/12/2018	Cái	1	1	-	x			
36	B to F	Cung cấp lắp đặt máy bơm PCCC hệ thống đèn chiếu sáng Exit, sự cố Theo hợp đồng số 20/HĐKT DĐP ký ngày 05/07/2018	Bộ	1	1	-	x			
37	B to F	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	Cái	1	1	-	x			
38	B to F	Hệ thống báo cháy tự động (Hợp đồng số 23/HĐKT/DĐP-22.05.2019)	Bộ	1	1	-	x			
39	B to F	Phí xuất hệ thống camera quan sát theo HĐKT số 175/HĐKT 2012 ngày 14/11/2012		1	1	-				x
40	B to F	Phí cung cấp và lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động		1	1	-				x
41	B to F	Phí thi công công trình lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, chống sét, theo HĐ số: 266/HĐKT		1	1	-	x			

42	B to F	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	Bộ	1	1	-	x			
43	B to F	Phí cung cấp, lắp đặt hệ thống PCCC, theo HĐ số: 07/HĐKT/HTP		1	1	-	x			
44	B to F	Phí xuất hệ thống tổng đài điện thoại và hệ thống mạng theo HĐKT số 173/HĐKT 2012 ngày 30/10/2012		1	1	-				x
45	B to F	Máy dẹt kim tròn HY-C2 34" 68Fx24G	Cái	1	1	-	x			
46	B to F	Máy dẹt kim tròn HY-C4 34" 102Fx24G	Cái	1	1	-	x			
47	B to F	Máy dẹt kim tròn HY-D2C4 34" 72FX28G	Cái	1	1	-	x			
48	B to F	JK-6012-M4 Thiết bị thử nghiệm mài mòn MARTINDALE	Cái	1	1	-	x			
49	B to F	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	Bộ	1	1	-	x			
50	B to F	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED MARTINDALE ABRASION (MODEL: STM-105) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (7,000.00 USD)	Bộ	1	1	-	x			
51	B to F	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che		1	1	-	x			
52	B to F	Phí thi công công trình lắp đặt điện phòng thí nghiệm Công ty 100%, hợp đồng số 16/HDDK/DT.2015		1	1	-	x			

53	B to F	Kết chuyển phí thi công công trình lắp đặt điện trong - ngoài xưởng xưởng 2 Công ty Julien 100%, hợp đồng số 07/HDDK/DT.2015 (kể cả phần phát sinh thêm HĐ 09/HDDK/DT.2015)		1	1	-	x			
54	B to F	Phí thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động, HĐ số: 269/HĐKT (xuất thay thế HĐ 0000102 ngày 19/05/2015, do ghi sai số tiền bằng chữ)		1	1	-				x
55	B to F	Phí công trình lắp đặt hệ thống chiếu sáng và đường ống hơi công ty , thanh toán 100% theo hợp đồng số: 06/HDDK/DT.2016		1	1	-	x			
56	B to F	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	Bộ	1	1	-	x			
57	B to F	Phí thi công công trình lắp đặt thiết bị điện và đường ống hơi Công ty Julien 100%, hợp đồng số 14/HDDK/DT.2015		1	1	-	x			
58	B to F	Linh kiện dùng cho máy dẹt kim tròn (Mâm kim khổ 34") cylider 30" hàng mới 100%	Cái	1	1	-	x			
59	B to F	Linh kiện dùng cho máy dẹt kim tròn (Mâm kim khổ 34") cylider 34" hàng mới 100%	Cái	1	1	-	x			
60	B to F	Nhập khẩu Linh Kiện máy dẹt kim tròn theo tờ khai số 104008983960 ngày 08.05.2021 (7.500*22.960)	Cái	1	1	-	x			
61	B to F	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Bộ	1	1	-	x			
62	B to F	Lắp đặt máy biến áp	Cái	8	8	-				x
63	B to F	Mua máy bơm phòng cháy và chữa cháy (01 bộ)	Bộ	1	1	-				x

64	B to F	Nhập khẩu máy dệt kim tròn (KNITTING MACHINE 34"x28GX72F) mới 100% (06 bộ), TK 100766421120 ngày 07/03/2016 (27,200*6 bộ=163,200.00 USD)	Bộ	6	6	-	x			
65	B to F	Nhập khẩu máy dệt kim-Used Knitting machine 30"x28Gx72F (hàng đã qua sử dụng, hàng mới trên 80%) 20,000.00USD (08 bộ) TK64 ngày 05/02/2013	Bộ	8	8	-	x			
66	B to F	Nhập khẩu máy dệt kim-Used Knitting Machine mới 100% theo TK76 ngày 04/03/2014 (9,000.00USD)	Cái	1	1	-	x			
67	B to F	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	Cái	3	3	-	x			
68	B to F	Máy dệt kim tròn	Cái	1	1	-	x			
69	B to F	Nhập khẩu máy dệt kim tròn - Knitting machine 34"x28Gx72F (hàng mới 100%) 276,000.00USD (12 bộ) TK 100346064010 ngày 28/03/2015	Bộ	12	12	-	x			
70	B to F	Mua máy kiểm tra sợi dọc ngang của vải (FABRIC INSPECTION MACHINE MODEL NO: HC-1003) (9,138.00 USD)	Cái	1	1	-	x			
71	B to F	Mua máy kiểm tra sợi dọc ngang của vải điều khiển tự động AUTOMATIC EDGE CONTROL WINDING MACHINE MODEL NO: HC-150 (6,262.00 USD)	Cái	1	1	-	x			

72	B to F	Nhập khẩu máy kiểm tra vải FABRIC INSPECTION MACHINE (MODER NO: HC 1003), hàng mới 100% (01 bộ), 2,742.00 USD, TK 100356192640 ngày 06/04/2015	Cái	1	1	-	x			
73	B to F	Nhập khẩu máy kiểm tra vải AUTOMATIC EDGE CONTROL WINDING MACHINE (MODER NO: HC 150), hàng mới 100% (01 bộ), 4,839.00 USD, TK 100356192640 ngày 06/04/2015	Cái	1	1	-	x			
74	B to F	Nhập khẩu máy kiểm tra vải (AUTOMATIC EDGE CONTROL WINDING & INSPECTION MACHINE MODER NO: HC 15001), hàng mới 100% (01 bộ), 5,097.00 USD, TK 100356192640 ngày 06/04/2015	Cái	1	1	-	x			
75	B to F	Máy mài mòn (01 cái)	Cái	1	1	-	x			
76	B to F	Phí làm nhà để xe	Cái	1	1	-	x			
77	B to F	Kết chuyển chi phí xây dựng nhà văn phòng	Cái	1	1	-	x			
78	B to F	Kết chuyển chi phí xây dựng nhà xưởng	Cái	1	1	-	x			
79	B to F	Cung cấp, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Hợp đồng số 45/HĐKT/DĐP-01/10/2019	Bộ	1	1	-	x			
80	B to F	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật		1	1	-	x			
81	B to F	Phí thi công công trình bổ sung sửa chữa tầng 2 văn phòng nhà xưởng, theo HĐ số CH150403		1	1	-	x			
82	B to F	Phí thi công công trình sửa chữa tủ điện tụ bù công ty 100%, hợp đồng số: 02/HDDK/DT.2015		1	1	-	x			
83	B to F	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	Cái	1	1	-	x			

84	B to F	Kết chuyển nguyên giá xe ô tô du lịch 7 chỗ, hiệu: KIA SEDOVA, màu: ĐEN, SK: RNYH52A6GC071298, SM: D4HBFH696754 (xe mới 100%)	Chiếc	1	1	-	x			
85	B to F	Kết chuyển 100% giá trị : phí san lấp mặt bằng, sàn gác, theo hợp đồng số 06/2017/HĐTC ký ngày 28/08/2017		1	1	-	x			
86	B to F	Phí thi công công trình sơn nền Epoxy, theo HĐ số CH150202		1	1	-	x			
87	B to F	Mua máy nén khí Piston SWP-415 (01 bộ), công lắp đặt	Cái	1	1	-	x			
88	B to F	Chi phí thiết bị điện, nước,...(đợt 1: 97% theo HĐ 06/2013 ngày 02/07/2013)		1	1	-				x
89	B to F	Mua thiết bị thử bền màu ánh sáng (01 cái), theo HĐ số: KT/YCD-150703	Cái	1	1	-	x			
90	B to F	Phí gia công lắp đặt thang máy tải hàng		1	1	-	x			
91	B to F	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn		1	1	-	x			
92	B to F	Kết chuyển chi phí công trình làm tường rào chắn và san lấp mặt bằng		1	1	-				x
93	B to F	Tủ sấy (01 cái)	Cái	1	1	-				x
94	B to F	Phí tư vấn xin cấp giấy phép xây dựng và phòng cháy chữa cháy		1	1	-				x
95	B to F	Mua xe ô tô tải van V5-SC3-A2, hiệu SYM, màu xám	Chiếc	1	1	-				x
96	B to F	Mua vòng kim dệt (03 cái) phụ kiện của máy dệt kim tròn	Cái	3	3	-	x			
97	B to F	Phí thi công công trình xây mới tầng 2 văn phòng nhà xưởng, theo HĐ số CH150301		1	1	-	x			

98	B to F	Kết chuyển 97% theo HĐ số 01/2014/HĐTC ngày 25/11/2014 xây mới nhà xưởng			1	1	-	x			
----	--------	--	--	--	---	---	---	---	--	--	--

Kết luận:

Tài sản cố định của đơn vị thực sự hiện hữu.

WP REF: BH0
CLIENT: CÔNG TY TNHH ABC
PERIOD: 31/12/2021
PREPARER: NTB - 23/03/2022
SENIOR: DTH - 24/03/2022
MANAGER: -
PARTNER: NDM - 25/03/2022
SUBJECT: Tờ tổng hợp - Tài sản cố định

BHc

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			WP ref
	Trước kiểm toán	Các điều chỉnh	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Các điều chỉnh	Sau kiểm toán	
Tài sản cố định hữu hình	29.197.285.612	-	29.197.285.612	77.989.816.760	-	77.989.816.760	
- Nguyên giá	56.467.933.454	-	56.467.933.454	55.280.702.454	-	55.280.702.454	BH _{0,1}
- Giá trị hao mòn lũy kế	(27.270.647.842)	-	(27.270.647.842)	(22.709.114.306)	-	(22.709.114.306)	BH _{0,1}
	B/S; BSL		B/S	LPB		B/S	

B/S: Đã đối chiếu với Bảng cân đối kế toán

BSL: Đã đối chiếu với Sổ chi tiết

LPB: Đã đối chiếu với sổ dư cuối kỳ trước

Kết luận: Khoản mục tài sản cố định của Công ty TNHH ABC là trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Phụ lục 11: Chứng từ ghi sổ của TSCĐ và chi phí khấu hao TSCĐ**CHỨNG TỪ GHI SỔ CỦA TSCĐ**

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
	Loại	Số		Nợ	Có	
08/05/21	CTGS	017/05	Nhập khẩu Linh Kiện máy dẹt kim tròn theo tờ khai số 104008983960 ngày 08.05.2021 (7.500*22.960)	2112	331	172.200.000
08/05/21	CTGS	017/05	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dẹt kim tròn	2112	3333	3.444.000
09/06/21	CTGS	028/06	JK-6012-M4 Thiết bị thử nghiệm mài mòn MARTINDALE	2112	331	91.000.000
18/10/21	CTGS	058/10	Máy dẹt kim tròn	2112	331	887.151.000
01/12/21	CTGS	011/12	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i7-1165G7/16GB-DDR4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi 6/4C66WHR/ĐEN/W10P/LA N DONGLE	2114	331	33.436.000

CHỨNG TỪ GHI SỔ CỦA CHI PHÍ KHẤU HAO TSCĐ

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
	Loại	Số		Nợ	Có	
31/01/21	KHTS	001/1	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/01/21	KHTS	002/1	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/01/21	KHTS	003/1	Phí thi công công trình xây mới tầng 2 văn phòng nhà xưởng, theo HĐ số CH150301	6424	21411	42.068.911

31/01/21	KHTS	004/1	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/01/21	KHTS	005/1	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/01/21	KHTS	006/1	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	92.701.415
31/01/21	KHTS	007/1	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730 VND)	6274	21412	57.292.322
31/01/21	KHTS	008/1	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/01/21	KHTS	009/1	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/01/21	KHTS	010/1	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
31/01/21	KHTS	011/1	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	8.649.166
31/01/21	KHTS	012/1	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382

31/01/21	KHTS	013/1	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/01/21	KHTS	014/1	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	24.389.092
28/02/21	KHTS	001/2	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
28/02/21	KHTS	002/2	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
28/02/21	KHTS	003/2	Phí thi công công trình xây mới tầng 2 văn phòng nhà xưởng, theo HĐ số CH150301	6424	21411	42.068.891
28/02/21	KHTS	004/2	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
28/02/21	KHTS	005/2	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
28/02/21	KHTS	006/2	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
28/02/21	KHTS	007/2	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730 VND)	6274	21412	57.292.322
28/02/21	KHTS	008/2	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697

28/02/21	KHTS	009/2	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
28/02/21	KHTS	010/2	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
28/02/21	KHTS	011/2	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	8.649.166
28/02/21	KHTS	012/2	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
28/02/21	KHTS	013/2	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
28/02/21	KHTS	014/2	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	24.389.092
31/03/21	KHTS	001/3	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/03/21	KHTS	002/3	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/03/21	KHTS	003/3	Phí thi công công trình xây mới tầng 2 văn phòng nhà xưởng, theo HĐ số CH150301	6424	21411	42.068.842
31/03/21	KHTS	004/3	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/03/21	KHTS	005/3	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/03/21	KHTS	006/3	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280

31/03/21	KHTS	007/3	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730 VND)	6274	21412	57.292.322
31/03/21	KHTS	008/3	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/03/21	KHTS	009/3	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/03/21	KHTS	010/3	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
31/03/21	KHTS	011/3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	8.649.166
31/03/21	KHTS	012/3	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/03/21	KHTS	013/3	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/03/21	KHTS	014/3	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	24.389.092
30/04/21	KHTS	001/4	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
30/04/21	KHTS	002/4	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
30/04/21	KHTS	003/4	Phí làm nhà để xe	6424	21411	36.244.057
30/04/21	KHTS	004/4	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374

30/04/21	KHTS	005/4	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
30/04/21	KHTS	006/4	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
30/04/21	KHTS	007/4	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730 VND)	6274	21412	57.292.322
30/04/21	KHTS	008/4	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
30/04/21	KHTS	009/4	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
30/04/21	KHTS	010/4	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
30/04/21	KHTS	011/4	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	8.649.166
30/04/21	KHTS	012/4	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
30/04/21	KHTS	013/4	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
30/04/21	KHTS	014/4	Phí thi công lắp đặt bình	6424	21418	24.389.097

			chữa cháy tự động phân máy che			
31/05/21	KHTS	001/5	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/05/21	KHTS	002/5	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/05/21	KHTS	003/5	Phí làm nhà để xe	6424	21411	36.244.057
31/05/21	KHTS	004/5	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/05/21	KHTS	005/5	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/05/21	KHTS	006/5	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
31/05/21	KHTS	007/5	Nhập khẩu máy dệt kim tròn mâm kim khổ 34" Model HY-D2C4 34"72F (TK 101992674602 ngày 07/05/2018) (30.500USD*6SET*22.730 VND)	6274	21412	57.292.322
31/05/21	KHTS	008/5	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/05/21	KHTS	009/5	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245

31/05/21	KHTS	010/5	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
31/05/21	KHTS	011/5	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	8.649.167
31/05/21	KHTS	012/5	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/05/21	KHTS	013/5	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/05/21	KHTS	014/5	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	23.798.183
30/06/21	KHTS	001/6	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
30/06/21	KHTS	002/6	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
30/06/21	KHTS	003/6	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.369.057
30/06/21	KHTS	004/6	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
30/06/21	KHTS	005/6	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
30/06/21	KHTS	006/6	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
30/06/21	KHTS	007/6	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	58.756.022
30/06/21	KHTS	008/6	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày	6414	21412	6.783.697

			16/10/2015 (6,000.00 USD)			
30/06/21	KHTS	009/6	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
30/06/21	KHTS	010/6	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
30/06/21	KHTS	011/6	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	4.991.463
30/06/21	KHTS	012/6	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
30/06/21	KHTS	013/6	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
30/06/21	KHTS	014/6	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	23.798.183
31/07/21	KHTS	001/7	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/07/21	KHTS	002/7	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/07/21	KHTS	003/7	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.369.057
31/07/21	KHTS	004/7	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/07/21	KHTS	005/7	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/07/21	KHTS	006/7	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày	6274	21412	88.362.280

			17/12/2015 (5,400.00 USD)			
31/07/21	KHTS	007/7	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	60.272.689
31/07/21	KHTS	008/7	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/07/21	KHTS	009/7	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/07/21	KHTS	010/7	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
31/07/21	KHTS	011/7	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	2.531.868
31/07/21	KHTS	012/7	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/07/21	KHTS	013/7	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/07/21	KHTS	014/7	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	23.798.183
31/08/21	KHTS	001/8	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/08/21	KHTS	002/8	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/08/21	KHTS	003/8	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.369.057
31/08/21	KHTS	004/8	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374

31/08/21	KHTS	005/8	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/08/21	KHTS	006/8	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
31/08/21	KHTS	007/8	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	60.272.689
31/08/21	KHTS	008/8	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/08/21	KHTS	009/8	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/08/21	KHTS	010/8	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
31/08/21	KHTS	011/8	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	2.531.868
31/08/21	KHTS	012/8	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/08/21	KHTS	013/8	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/08/21	KHTS	014/8	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	23.798.183
30/09/21	KHTS	001/9	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo	6274	21411	29.273.963

			hành)			
30/09/21	KHTS	002/9	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
30/09/21	KHTS	003/9	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.369.057
30/09/21	KHTS	004/9	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
30/09/21	KHTS	005/9	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
30/09/21	KHTS	006/9	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
30/09/21	KHTS	007/9	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	60.272.689
30/09/21	KHTS	008/9	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
30/09/21	KHTS	009/9	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
30/09/21	KHTS	010/9	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
30/09/21	KHTS	011/9	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	2.531.885
30/09/21	KHTS	012/9	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
30/09/21	KHTS	013/9	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng	6274	21418	17.508.284

			số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017			
30/09/21	KHTS	014/9	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	23.798.217
31/10/21	KHTS	001/10	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/10/21	KHTS	002/10	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/10/21	KHTS	003/10	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.369.046
31/10/21	KHTS	004/10	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/10/21	KHTS	005/10	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/10/21	KHTS	006/10	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
31/10/21	KHTS	007/10	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	60.272.689
31/10/21	KHTS	008/10	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/10/21	KHTS	009/10	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/10/21	KHTS	010/10	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT- MTPLUS CX On-Line	6423	21414	4.990.715

			1000VA/900W 230V LCD Tower			
31/10/21	KHTS	011/10	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	1.067.222
31/10/21	KHTS	012/10	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/10/21	KHTS	013/10	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/10/21	KHTS	014/10	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	21.904.244
30/11/21	KHTS	001/11	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
30/11/21	KHTS	002/11	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
30/11/21	KHTS	003/11	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.003.256
30/11/21	KHTS	004/11	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
30/11/21	KHTS	005/11	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyên đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
30/11/21	KHTS	006/11	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
30/11/21	KHTS	007/11	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	67.665.614
30/11/21	KHTS	008/11	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697

30/11/21	KHTS	009/11	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
30/11/21	KHTS	010/11	Máy chủ Lenovo Thinksystem SR530-1U+Bộ lưu điện Liebert GXT-MTPLUS CX On-Line 1000VA/900W 230V LCD Tower	6423	21414	4.990.715
30/11/21	KHTS	011/11	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	1.067.222
30/11/21	KHTS	012/11	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
30/11/21	KHTS	013/11	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
30/11/21	KHTS	014/11	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	21.904.244
31/12/21	KHTS	001/12	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 01/2014/HĐTC ký ngày 25/11/2014 (Bảo hành)	6274	21411	29.273.963
31/12/21	KHTS	002/12	Thanh toán đợt 5 3% theo hợp đồng số 09/2017/HĐTC ký ngày 17.11.2017	6274	21411	76.493.941
31/12/21	KHTS	003/12	Phí làm nhà để xe	6424	21411	35.003.256
31/12/21	KHTS	004/12	Hợp đồng số 01/2019/HĐTC ký ngày 28.02.2019	6424	21411	1.237.374
31/12/21	KHTS	005/12	Phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi công năng, văn bản chứng nhận chất lượng công trình, bản vẽ thiết kế kỹ thuật	6427	21411	988.188
31/12/21	KHTS	006/12	Nhập khẩu phụ kiện máy dệt kim (mâm đỡ kim dệt PARTS FOR KNITTING MACHINES CYLINDER) hàng mới 100% (03 PCE), TK 100674872100 ngày 17/12/2015 (5,400.00 USD)	6274	21412	88.362.280
31/12/21	KHTS	007/12	Thuế nhập khẩu Linh Kiện máy dệt kim tròn	6274	21412	67.665.614

31/12/21	KHTS	008/12	Nhập khẩu máy kiểm tra độ bền của vải (dùng trong phòng thí nghiệm) USED TENSILE MACHINE (MODEL: QC-506) hàng đã qua sử dụng 80% (01 bộ), TK 100593226420 ngày 16/10/2015 (6,000.00 USD)	6414	21412	6.783.697
31/12/21	KHTS	009/12	Mua xe nâng điện hiệu TOYOTA-7FB25-VS 4000mm-41028 đã qua sử dụng (01 chiếc), máy biến điện 10KVA (01 chiếc) hàng tặng	6424	21413	24.641.245
31/12/21	KHTS	010/12	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i7-1165G7/16GB-DDR4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi 6/4C66WHr/ĐEN/W10P/LAN DONGLE	6423	21414	5.919.493
31/12/21	KHTS	011/12	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	6424	21414	1.067.222
31/12/21	KHTS	012/12	Mua máy sấy khí SDE-37A (01 bộ), công lắp đặt	6274	21418	3.702.382
31/12/21	KHTS	013/12	Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo hợp đồng số 04-2017-DĐP-BKLJL ngày 26-12-2017	6274	21418	17.508.284
31/12/21	KHTS	014/12	Phí thi công lắp đặt bình chữa cháy tự động phần máy che	6424	21418	21.904.244

Phụ lục 12: Trích bảng cân đối tài khoản của Công ty TNHH ABC

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
211	Tài sản cố định hữu hình	55.280.702.454	0	1.187.231.000	0	56.467.933.454	0
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	29.070.381.529	0	0	0	29.070.381.529	0
2112	Máy móc, thiết bị	18.496.646.400	0	1.153.795.000	0	19.650.441.400	0
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.078.572.819	0	0	0	2.078.572.819	0
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	711.321.153	0	33.436.000	0	744.757.153	0
2118	TSCĐ khác	4.923.780.553	0	0	0	4.923.780.553	0
214	Hao mòn tài sản cố định	0	22.709.114.306	0	4.561.533.536	0	27.270.647.842
21411	Hao mòn Nhà cửa, Vật kiến trúc	0	9.130.345.179	0	1.741.468.136	0	10.871.813.315
21412	Hao mòn Máy móc, thiết bị	0	8.043.380.961	0	1.867.730.475	0	9.911.111.436
21413	Hao mòn	0	1.719.937.058	0	295.694.940	0	2.015.631.998

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn						
21414	Hao mòn Thiết bị, dụng cụ quản lý	0	474.064.482	0	119.851.939	0	593.916.421
21418	Hao mòn TSCĐ khác	0	3.341.386.626	0	536.788.046	0	3.878.174.672

Phụ lục 13: Trích bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH ABC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		161.664.963.871	171.875.812.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.141.506.821	28.814.966.971
1. Tiền	111	V.I	23.141.506.821	28.814.966.971
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
III. Các khoản phải thu	130		61.337.444.682	45.208.575.247
1. Phải thu khách hàng	131		58.707.492.311	42.990.525.133
2. Trả trước cho người bán	132		2.619.495.585	2.209.577.171
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	10.456.786	8.472.943

IV. Hàng tồn kho	140		74.726.334.525	92.814.365.483
1. Hàng tồn kho	141	V.04	74.726.334.525	92.814.365.483
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.459.677.843	5.037.905.141
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.340.921.435	5.037.905.141
2. Các khoản thuế phải thu nhà nước	154	V.05	118.756.408	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		29.706.189.621	33.080.193.109
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		29.197.285.612	32.571.588.148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	29.197.285.612	32.571.588.148
- Nguyên giá	222		56.467.933.454	55.280.702.454
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.270.647.842)	(22.709.114.306)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		508.904.009	508.604.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	261	V.14	508.904.009	508.604.961
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		191.371.153.492	204.956.005.951
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		59.430.900.788	75.718.927.998
I. Nợ ngắn hạn	310		58.527.150.394	74.016.865.716
1. Phải trả người bán	312		39.427.894.338	50.253.847.744
2. Người mua trả tiền trước	313		11.094.734.741	13.352.361.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	62.707.054	2.400.135.918
4. Phải trả công nhân viên người lao động	315		967.770.822	1.039.521.053
5. Chi phí phải trả	316	V.17	31.460.000	31.460.000

6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	6.942.583.439	6.939.539.282
Có : 3382			3.920.339	876.182
Có : 3388			6.938.663.100	6.938.663.100
II. Nợ dài hạn	330		903.750.394	1.702.062.282
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	903.750.394	1.702.062.282
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400		131.940.252.704	129.237.077.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	131.940.252.704	129.237.077.953
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.198.910.750	17.198.910.750
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		114.741.341.954	112.038.167.203
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		191.371.153.492	204.956.005.951

Phụ lục 14: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH ABC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	214.310.560.486	229.179.226.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		214.310.560.486	229.179.226.004
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	196.041.982.313	191.563.144.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.268.578.173	37.616.081.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	272.788.721	520.741.537
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	387.968.422	375.401.780
- Trong đó lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		6.212.549.236	5.936.823.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.370.570.292	10.140.419.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.570.278.944	21.684.178.033
11. Thu nhập khác	31		1.163.479.640	7.038.618.570
12. Chi phí khác	32		83.381.005	6.612.198.396

13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.080.098.635	426.420.174
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.650.377.579	22.110.598.207
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	746.751.717	4.525.946.328
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.903.625.862	17.584.651.879
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Phụ lục 15: Chứng từ liên quan đến khoản mục TSCĐ và chi phí khấu hao TSCĐ

104008983960 Số tờ khai đầu tiên

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

Ngày đăng ký

Người nhập khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Số điện thoại

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Mã nước

Người ủy thác xuất khẩu

Mã nhân viên Hải quan

Đại lý Hải quan

Số vận đơn

1 030521CLA21050001

2

3

4

5

Số lượng

Tổng trọng lượng hàng (Gross)

Số lượng container

Địa điểm lưu kho

Địa điểm dỡ hàng

Địa điểm xếp hàng

Phương tiện vận chuyển

Ngày hàng đến

Ký hiệu và số hiệu

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã vận bản pháp quy khác

Số hóa đơn

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành

Phương thức thanh toán

Tổng trị giá hóa đơn

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1

4

Mã phân loại khai trị giá

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tên

Mã phân loại

Trị giá khoản điều chỉnh

Tổng hệ số phân bổ

1

2

3

4

5

Chi tiết khai trị giá

Tên sắc thuế

Tổng tiền thuế

Số dòng tổng

1 N Thuế NK

2 V Thuế GTGT

3

4

5

6

7

8

9

10

Tổng tiền thuế phải nộp

Số tiền bảo lãnh

Tỷ giá tính thuế

Mã xác định thời hạn nộp thuế

Mã lý do đề nghị BP

Người nộp thuế

Phân loại nộp thuế

8448

00

08/05/2021 07:55:29 Ngày thay đổi đăng ký

Mã loại hình NTRACHON A12 3 | 4 |

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

Mã bộ phận xử lý tờ khai

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

TOP PEOPLE MACHINERY CO., LTD

NO. 1, LANE 116, WU KUNG 2ND RD., TAIWAN R.O.C.

TW

WU KU HSIANG TAIPEI HSIEN

02CIRCI

VNCLI

TWTXG

9999

ST EVER V-081B

07/05/2021

3 WD

390 KGM

A - TP20210429

29/04/2021

TTR

A - CIF - USD -

7.500

172.200.000

7.500 -

2

5

6

1

2

3

4

5

1

2

3

4

5

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

79

80

81

82

83

84

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97

98

99

100

104008983960
 tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã loại hình A12 3 [4]
 Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 8448
 Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
 cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai NTRACHDN
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất
 Ngày thay đổi đăng ký
 Ngày đăng ký 08/05/2021 07:55:29

Mã quản lý riêng
 Mã phân loại tái xác nhận giá trị
 Linh kiện máy dệt kim tròn (mâm dõ kim dệt) parts of knitting machine cylinder 34"32G

Số lượng (1)	3	PCE
Số lượng (2)	3	PCE
Đơn giá hóa đơn	2.500 USD	PCE
Giá mục khai khoản điều chỉnh		
Giá hóa đơn	7.500	
Giá nhập khẩu		
Giá trị tính thuế (S)	172.200.000 VND	Giá trị tính thuế (M)
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế
Thuế suất A	2%	57.400.000 - VND - PCE
Số tiền thuế	3.444.000 VND	Mã áp dụng thuế tuyệt đối
Số tiền miễn giảm	VND	Nước xuất xứ
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng		TW - TAIWAN - B01
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		Mã ngoài hạn ngạch
/ Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu		

Thu và thu khác

Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB901
Giá trị tính thuế	175.644.000 VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	17.564.400 VND		
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Giá trị tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Giá trị tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Giá trị tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TALACO

Mã số thuế (Tax code): 3 7 0 2 8 0 8 0 5 8

Địa chỉ (Address): 649, Khu dân cư Việt Sing, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Bình Dương

Tài khoản (A/C number): 050112139270 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Dương - PGD Lái Thiêu



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 01GTKT0.001

Ký hiệu (Serial): TA20E

Ngày (Date) 18 tháng (month) 10 năm (year) 2021

Số (No.): 0000306

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỘT KIM LOẠI JULIEN VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): Đ

Hình thức thanh toán:

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Máy dệt kim tròn	Cái	3	295.717.000	887.151.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					887.151.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		88.715.100
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					975.866.100
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TALACO
Ký ngày: 18/10/2021

Trang tra cứu: <http://37028080581>

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CHỨNG TỪ GHI SỐ

Ngày 1 tháng 12 năm 2021

Số : 011/12

T	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Thiết bị chuyển mạch CBS350-48T-4G-EU (CBS350 Managed 48-port GE 4x1G SFP)	24211	331	20.701.000	
2	Thiết bị chuyển mạch CBS250-24T-4X-EU (CBS250 Smart 24-port GE 4x10G SFP+)	24211	331	15.748.000	
3	Thiết bị chuyển mạch Cisco SB CBS350 Managed 8-port GE Ext PS, 2x1G Combo CBS350-8T-E-2G-EU	6423	331	4.788.000	
4	Thiết bị thu phát UNIFI AP AC LR	6423	331	6.048.000	
5	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i7-1165G7/16GB-DDR4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi6/4C66WHr/ĐEN/W10P/LAN DONGLE	2114	331	33.436.000	
6	Máy tính xách tay (NB) ASUS B9400CE i5-1137G7/16GLD4/512GB SSD/TPM/14.0FHD/FP/Wifi6/BT5/4C66WHr/ĐEN/W10Pro	24211	331	27.700.000	
	Thuế GTGT mua vào HD số :0000333,16/11/21	1331	331	10.842.100	
Tổng cộng				119.263.100	

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số: 0000333

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 16 tháng 11 năm 2021

G TY TNHH DONG FONG TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Điện thoại: 0314086696

A1.0607, Tầng 6, The Goldview, Số 346

Địa chỉ: Tầng 2, 800 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Bến Văn Đồn, P. 01, Q. 4, TP. HCM

Loại: +84 8 5411 0856

Fax: +84 8 5411 0853

Việt Nam

Đơn vị:

Người mua hàng:

Đơn vị:

Họ tên:

Số thuế:

Phương thức thanh toán: CK

Số tài khoản:

Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6 = 4 x 5
Bản hàng				108.421.000
Đính kèm bảng kê chi tiết				
Số 01/11/2021 ngày 16/11/2021				
(theo Hợp đồng Số 16/2021/HĐ/Julien-FT)				

Cộng tiền hàng: 108.421.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 10.842.100

Tổng cộng tiền thanh toán: 119.263.100

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn một trăm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHIAN

